

ĐỒNG TÂN

TÌM HIỂU

CĂN BẢN TRIẾT HỌC CAO ĐÀI

CAO HIÊN

XUẤT BẢN NĂM GIÁP DẦN - 1974

TÁI BẢN LẦN I NĂM 2000

MUC LUC	TRANG
LỜI PHI LỘ LẦN TÁI BẢN NĂM 2000	3
LỜI TỰA	6
LỜI THANH MINH.....	8
LỜI NÓI ĐẦU.....	13
PHẦN DẪN NHẬP :	
SỰ XUẤT HIỆN CAO ĐÀI GIÁO	
TRƯỚC DỰ LUẬN.....	17
PHẦN CHÍNH ĐỀ :	
SỰ KHẢI NGÔ CHÂN LÝ TRONG CAO ĐÀI GIÁO.....	21
I. NGÔI GIÁO CHỦ	25
II. LỊCH TRÌNH DIỄN TIẾN NỀN ĐẠO.....	32
III. VŨ TRU QUAN	52
IV. NHÂN SINH QUAN	62
V. PHƯƠNG CHÂM CỨU ĐỘ	71
VI. SỰ THỂ HIỆN	84
KẾT ĐỀ	88

LỜI PHI LỘ.

LẦN TÁI BẢN I - NĂM 2000

Tôi đã cho xuất bản sách TÌM HIỂU CĂN BẢN TRIẾT HỌC CAO ĐÀI này phát hành ngày 15-7-1974 tại Sài Gòn.

Là một tín hữu nền đạo mới tôi đã được hân hạnh tiếp nhận lần Thiên điển từ buổi thiếu thời với tư cách một phò loan trong cơ quan Hiệp Thiên đài nên tôi đã sớm biết cơ nhiệm mầu của thế giới Vô Hình trong mọi sinh hoạt tâm linh cần cho cuộc sống nhân loại nếu muốn cho thích nghi với nếp sinh hoạt cố hữu trong môi trường thiên nhiên đã gầy nên Vũ trụ muôn loài mà nếu thiếu đi thì không có cách gì khác.

Nói thế không có nghĩa là tôi đã phủ nhận những tiến bộ của nền văn minh khoa học từ hai thế kỷ qua. Nhưng nếu ta chịu khó đi tìm cái chân giá trị của cuộc sống nhân bản thì không mấy ai không nhận biết xã hội đang trên đà suy sụp đạo lý một cách thảm hại bởi cái ngày 'tận thế' đã đến từ khi phần nhân tính của con người không còn được nguyên vẹn như thời xa xưa mà cái nguyên nhân gần là hiệu quả của trò vật chất nhứt thời làm cho con người bị lôi cuốn vào cạm bẫy của kim tiền, của vật dục và cái nguyên nhân xa là sự sai lạc về sự hiểu biết thân phận con người do kinh điển các tôn giáo bày ra hoặc cho con người vốn là một tội nhân từ nguyên thủy hoặc cho con người là mờ ám tự bao giờ, mà mỗi bên đã tự cho mình là đúng bất kể sự phê phán khách quan. Cho nên, xã hội loài người với nếp sống hồn nhiên chất phác buổi sơ khai đã dần dần theo các trào lưu duy tâm cũng như duy vật phiến diện mà càng đi vào thời gian càng nảy sinh đủ thứ tệ hại, cho đến ngày hôm nay thì vẫn căn bệnh trầm kha tự bao giờ.

Thật ra, nếu nhân loại không tự cảnh giác để biết mình là ai, từ đâu mà đến và để làm gì rồi đi đâu để chỉ nghe theo các kinh điển cũ, cũng đã do con người với phạm ý

tạo nên để thỏa mãn cho một trạng thái nào đương thời của xã hội tư phương nào đó thì cũng không thể đáp ứng cho nhu cầu hiện nay mà cái ý niệm ' toàn cầu hoá ' đã làm náo nức các tay có quyền, có lợi, có danh vọng chính trị như các phong trào khởi xướng do các tài phiệt muốn thao túng thị trường như tổ chức cái hội nghị kinh tế mới đây tại Hoa Kỳ năm trước và tại Úc năm nay đã khuấy động bầu không khí phản nộ của các nghiệp đoàn lao động bản dân không ít. Cũng như các tay lãnh tụ các quốc gia Âu châu gồm 14 quốc gia cũng đã họp bàn kế hoạch toàn cầu hoá chính trị mà tự xưng là do phe trung tả với cái chiêu bài gọi là 'Thông cáo Bá linh' với mưu đồ làm 'nhịp cầu cho tương lai' không quên nhắc đến cái chiêu bài giải phóng các dân tộc bị áp bức của tả phái do Karl Marx tạo ra từ năm 1848 như là một bước tiến vào đầu thiên niên kỷ mới..

Như thế thì còn nói đến chuyện tôn giáo làm gì nữa ? Người ta đang háo hức trong các phong trào Âu hóa nhưng có ai chịu tìm hiểu nguyên nhân sự sa đọa của xã hội văn minh mà sa đọa của nhân loại ngày nay đã do đâu, nếu chẳng đã nảy sinh từ các trào lưu xuẩn động mà nguồn gốc đã có từ Âu châu ? Từ cái phong trào phát xít Đức dẫn đến cái ý thức hệ tam vô sắt máu Nga đã nhận chìm các tư tưởng đạo lý mà Tiên nhân của một dân tộc đã để lại như các nước Á châu đã phải nghiệt ngã trong cuồng loạn cũng đã bắt nguồn từ Âu châu mà ra, thì cơ nguy của nhân loại đã đứng bên bờ vực thẳm còn biết làm gì đây ?

Trong khi đó thì Liên Hiệp Quốc cũng tính chuyện toàn cầu hoá với đề tài hoà bình nhân loại bằng những buổi hội thảo gồm đủ các lãnh tụ tôn giáo và chính trị gọi là Hội nghị Thượng đỉnh về tôn giáo tháng 8-2000 và chính trị tháng 9-2000, nhưng kết quả như thế nào chắc ông Tổng thư ký Kofi Anan là người biết hơn hết, nếu không muốn nói là chẳng tới đâu vì thế giới đang đối đầu nhau trong hai lĩnh vực quyền và lời mà ai cũng tự cho mình là phải thì ai chịu nhường ai trên mọi lĩnh vực thì còn biết nói chuyện hoà bình với ai..?!

Tôi đang là kẻ lưu vong, tha hương, tuổi tác, gần đất xa trời, nên việc đời chỉ để ngoài tai. Nhưng nghĩ lại còn sống ngày nào là còn mang nợ nên chỉ đem lại những công trình thời trai trẻ mà xét nét lại, mong sao trong việc mình làm còn lại một âm vang nào, cho thế hệ mai sau tiếp tay cho khỏi bỏ công các đấng Vô hình chỉ dạy từ bấy lâu nay mà thôi. Còn tất cả đối với tôi chỉ là những dư hưởng

của thế gian, đang âm ỉ những vọng động chỉ uổng công suy nghĩ mà thôi.

Quyển sách ti tiện này không phải là tư duy của riêng tôi mà là sự tìm hiểu về một niềm tin mới có tính thời thượng thích nghi với lịch trình tiến hoá của xã hội loài người -tôi không muốn dùng danh từ toàn cầu hoá đâu nghe- nếu họ muốn đi vào một vũ trụ quan, một nhân sinh quan mới không lệ thuộc vào một hệ phái tư duy nào, mà chỉ là những gì đang tiềm ẩn trong cuộc sống nhân sinh và do các khái ngộ của Vô hình sẽ được tất cả thấu triệt khi họ có dạ vô tư và tâm thanh tịnh, nếu chẳng được thế thì sau khi lựa đời họ sẽ đối diện vì đó là chân lý vũ trụ vậy.

Rất mong các bạn hiểu cho vì vấn đề triết học không phải là món ăn tinh thần rất khó tiêu hóa, nhưng là món ăn hợp khẩu vị nhất cho một nhân thân vì con người là phản ảnh của triết học kia mà. Bởi tôi nhận biết như thế, nên tôi không nệ hà ghi ra đây những gì tôi đã tìm hiểu theo tinh thần học hỏi nền tôn giáo mới mà tôi đã hô hấp những tư tưởng từ tuổi thiếu niên với một tâm hồn vô tư đang hướng về cái chân lý hoà đồng, bình đẳng mà nhân loại đang trông đợi và thế giới muốn thực hiện như các phong trào trên đây mà tôi chắc nếu không có được cái nền tảng vô tư thuần khiết từ đạo lý thì chỉ là vô vọng vậy.

Tôi biết Cao Đài giáo có những giáo điều không có nơi các tôn giáo trước nhưng thể hiện được tất cả phần chân lý cần cho sự thích nghi một nền đạo học bao quát sẽ tìm được những yếu tố nhân bản và tu học mà trình độ tiến hoá của loài người đang đòi hỏi. Nhưng đây chỉ là sự tìm hiểu sơ khởi nhất, hẳn còn những phạm trù sâu xa tinh tế hơn mà chỉ có sự bố hoá của Vô hình mới thấu triệt được.

Viết tại St Albans, tháng 9 năm 2000,

ĐỒNG TÂN

LỜI TỰA lần xuất bản 1974
của cụ TRẦN VĂN QUẾ, đạo hiệu HUỆ LƯƠNG
Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài
Cố Vấn Hội Văn Hoá Cao Đài
Nguyên Giáo Sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Từ xưa đến nay, mục đích tối thượng của một tôn giáo là hướng dân qui thiện mà giai đoạn cuối cùng của sự tiến hoá cá nhân là sự siêu phàm nhập Thánh.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ tục gọi CAO ĐÀI GIÁO vốn là tam giáo NHO THÍCH ĐẠO tổng hợp.

Vậy triết lý hay là phần Trí và Đức của Tân Tôn giáo này lẽ tất nhiên là tổng hợp trí và đức của ba Tôn giáo nói trên.

Từ năm 1925 trở lại đây, sách vở nói về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rất nhiều, nhưng ít có sách nào đề cập phần trí đức ấy, ngoài tác phẩm này của Giáo sư Đồng Tân Trần Thái Chân nhan đề là :

TÌM HIỂU CĂN BẢN TRIẾT HỌC CAO ĐÀI

Trong quyển sách này, Giáo sư Đồng Tân Trần Thái Chân đã có công phu sưu tập các tài liệu từ 1925 đến nay về nền Tân Tôn giáo này và đã nêu lên các nét đại cương của hệ thống trí đức vừa kể. Công việc làm của Giáo sư thật đáng khích lệ .

Vậy tôi có lời giới thiệu quyển sách này cho chư độc giả trong Đạo cũng như ngoài Đời.

Saigon, ngày 1 tháng 5 năm 1973
(Đại Đạo 48)

TRẦN VĂN QUẾ

Kính dâng THƯỢNG ĐẾ,

Thầy đã ban nhiều ân phước cho con từ khi con bắt đầu vào cửa Đạo.

Con đã hân hạnh diện kiến với Thầy qua ba lần thấy rõ ánh THIÊN NHẮN đầy hào quang trước mặt.

Thầy đã mặc khải cho con những gì cần thiết để con thành hình tập Cao Bản Triết Học Cao Đài hôm nay.

Thật là một vinh hạnh không gì bằng, con xin kính dâng Thầy tập sách này với lòng chí thành trong niềm hân hoan vô bờ bến !

đồng tâm

LỜI THANH MINH NĂM 1974

Năm 1950, ngay sau thời gian soạn thảo bộ LỊCH SỬ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ- quyển I- phần Vô Vi (xuất bản năm 1967) tôi đã nghĩ đến sự thành hình một căn bản Triết Học Cao Đài vốn tiềm tàng trong những sự kiện lịch sử khai sinh nền đạo.

Công việc bắt đầu khi quyển lịch sử đi đến phần kết luận, để giải đáp câu hỏi của giáo sư Trần Văn Tri về điểm này, tôi đã nói ngay rằng :'' Phần Vô Vi, xuyên qua những thành quả tu học và đạt nhiệm màu của đức Ngô Minh Chiêu, quả là một thực nghiệm về sự " DUNG HỢP TÂM LINH CON NGƯỜI VỚI TÂM LINH VŨ TRU " Câu nói không hiểu từ đâu đã đến với tôi như vậy.

Căn cứ vào đó, năm 1964, tôi đã khởi thảo một loạt bài dưới đề mục Tìm hiểu căn bản Triết học Cao Đài đăng tải trong tuần báo Nhân Sinh, cơ quan của Hội Thánh Truyền giáo Cao Đài mà tôi đã đảm trách biên tập. Loạt bài báo này chỉ suy diễn chung quanh những sự kiện cấu tạo nền đạo và những nét đặc thù đối với các tôn giáo trước, chưa đi thẳng vào chính đề thì bị gián đoạn vì tôi phải chuyển khỏi Sài Gòn trong thời gian tổng động viên khóa 13 Sĩ quan trừ bị trường võ khoa Thủ Đức.

Thật ra thì đối với đạo Cao Đài khi sinh chưa quá nửa thế kỷ mà đã vội đề cập tới một nền tảng triết học cho giáo thuyết thì kể cũng quá sớm. Các tôn giáo trước đã lập thuyết ít ra cũng phải vài ba thế kỷ, như Thiên Chúa giáo 300 năm mới thành lập được giáo hội, Khổng giáo đến Mạnh Tử mới thành hình bộ Tứ Thư, Lão giáo đến Trang Tử mới lập nên học thuyết.

Tuy nhiên với sự trưởng thành mau lẹ của đạo Cao Đài xuyên qua những sự kiện minh chứng trong bộ Lịch sử - quyển 2-phần Phổ Độ của tôi (xuất bản năm 1972) thì một căn bản giáo thuyết không thể không có để minh giải những diệu dụng của đức Cao Đài đã được lãnh hội trong các Thánh ngôn từ những năm đầu khai đạo (1921-1932) cũng đã khá nhiều rồi.

Tôi khẳng định điều này, vì trong thời gian 12 năm đầu khai đạo đã thể hiện hầu hết những sự kiện cũng như những diệu dụng của đức Cao Đài về nền đạo, từ Vô Vi đến Phổ Độ, những tín đồ sau này chỉ có việc noi theo đó mà giữ chân truyền thôi. Vô Hình muốn chỉ bảo việc gì theo lời cần của Hội Thánh thì cũng để nhắc nhở khuyên bảo những điều đã có từ trước.

Cho nện, trong sách này, tôi chỉ căn cứ vào hai bộ Thánh ngôn: bộ THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN (quyển nhứt và quyển nhì) thuộc phần Phổ Độ và bộ ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO thuộc phần Vô Vi. Tất cả những bộ Thánh ngôn khác nếu cũng phản ảnh trung thực vào giai đoạn lịch sử này thì cũng không qua khỏi hai bộ trên nên tôi không đề cập tới. Tôi nghĩ nếu thiếu đi một trong hai bộ Thánh ngôn trên thì cũng khó phân cho ra phần Triết học Cao Đài, bởi lẽ mỗi bộ có một phạm trù sáng tạo riêng, phải dung hoà hai phần Thiên ý tương ứng với nhau thì mới tìm ra phần chánh lý được.

Người ngoại quốc khi muốn tìm hiểu một tôn giáo thường đặt nặng vấn đề trên quan điểm triết học hơn là trên những tổ chức nghi lễ. Họ muốn tìm hiểu sự tu học của tín đồ hơn là khai thác những rườm rà của sắc tướng. Trong khi đó, người tín đồ Cao Đài chúng ta thường chỉ biết có như đàn cơ mà ít khi chịu khó tìm hiểu giá trị của những buổi đàn cơ ấy như thế nào, nó có phản ảnh được chánh pháp của đức Cao Đài, hay đó chỉ là công cụ bị lạm dụng bởi một chức sắc để thao túng theo tham vọng cá nhân của mình, có hại cho tính chất thông công vô tư thui khiết của cơ quan Hiệp Thiên đài đã được chỉ dạy tự buổi đầu cơ đạo trước 1926.

Một điều có thể đến cho bạn đọc trong tập này là sự dẫn chứng về vũ trụ. Ví dụ như sách Phật nói Tam thiên đại thiên thế giới mà trong này lại khẳng định có 3072 tượng hình bằng một số vì sao tương ứng, như vậy phải chăng là một sự lệch lạc ? Nhưng tôi chỉ căn cứ theo lời chỉ dạy của Vô hình mà không tin vào các kinh điển đã có trước do con người viết ra dù đó là ai, dưới nhãn hiệu gì...

Vả chẳng, Chân lý đã được bộc lộ dọc theo truyền kỳ lịch sử nhân loại chứ không phải chỉ một phạm vi lãnh thổ nào nên khi đi tìm lịch sử tôn giáo ta cũng gặp phải những phần chân lý đã có trong tôn giáo này thì cũng đã có nơi tôn giáo khác. Ví dụ như cái chân lý luân hồi quả báo thì

nếu truy nguyên đã có từ Hy Lạp sau mới có tại Ấn độ mà Phật giáo đã xem như sản phẩm của mình. Hoặc thuyết tứ đại giả hiệp làm nên một nhân thân cũng đã có từ xa xưa mà dù kinh Cựu Ước của Thiên Chúa giáo hay kinh Vệ Đà của Ấn Độ giáo cùng một phản ảnh, cùng lúc với Phật giáo, nào có phải của một tôn giáo nào. Cũng như truyền thống Trung Hoa trong cái chân lý 'Thiên địa vạn vật nhứt thể' mà từ Phục Hy đến Lão Tử, Không tử đều cùng một luận giải vũ trụ như nhau...

Vì thế, tôi không thể nào không cố công tìm hiểu cái chánh pháp uyên thâm của các Tôn giáo qua các Giáo chủ bằng những công trình sáng tạo có tương quan với nhau để tìm cho ra điểm đồng nhất mà từ xưa đã nói tới là VẠN GIÁO NHẤT LÝ vì sự khác biệt nếu có chỉ do trình độ của các kẻ kế thừa không đủ công phu tu học mà thôi, dù họ đã được hậu thế xưng tụng như thế nào...

Đến đây, tôi không thể không nhắc đến Giáo sư tiến sĩ Jeremy Davidson thuộc viện Đại học Luân Đôn. Trong thời gian ông nhận lãnh sứ mạng nghiên cứu văn hoá về Cao Đài giáo tại Việt Nam năm 1970, ông đã có nhờ tôi, nhân danh Chủ tịch hội Văn Hoá Cao Đài hướng dẫn đến các Hội Thánh cũng như các cơ quan đang hoạt động trong đạo, ông thường nêu lên câu hỏi mà cho đến khi rời khỏi Việt nam, trong một buổi hội thảo về đạo Cao Đài tại hội sở hội Văn Hoá Cao Đài có chức sắc đại diện các Hội Thánh Tây Ninh, Bến Tre, Truyền giáo (Đà Nẵng) và Chiếu Minh đàn (Sài gòn), ông vẫn còn nhắc tới :'' Can one define Caodaism as a religion's philosophy ?'' (Có thể nào định nghĩa đạo Cao Đài như là một Triết học tôn giáo không ?)

Tôi cũng tự nghĩ nếu người Cao Đài không sớm đưa ra một thực nghiệm tâm linh để suy diễn thành một hệ thống triết học xuyên qua những lời chỉ dạy của Vô hình mà mình đã lãnh hội và thực thi được thì hoá ra ổng công giáo hoá của đức Cao Đài tự bấy lâu nay sao ?

Vì những lẽ đó, tôi không do dự cố gắng cùng bạn đọc tập sách TÌM HIỂU CĂN BẢN TRIẾT HỌC CAO ĐÀI này trong hy vọng nói lên phần nào những tư duy hèn mọn ắp ủ tự bao nhiêu lâu nay.

Xin Quý Hội Thánh cũng như đạo tâm xa gần biết cho như thế mà cùng nhau xây dựng cho cây đạo ngày một tốt tươi kết thành hoa trái để các thế hệ mai sau được thừa hưởng

mà nổi noi công nghiệp đạt đạo cứu đời theo lời Thánh ngôn đã dạy để khỏi phụ lòng các Đấng Vô hình đã bố hoá cho mỗi người chúng ta có được ân phước tu học như tự bao lâu nay.

Với tâm thành đó, tôi xin kết thúc mục thanh minh này.

Viết tại Thủ đô miền Nam Việt Nam, mùa hè Giáp Dần,
năm Đại Đạo 49- 1974,

ĐỒNG TÂN

Kính Song Thân,

Cha Mẹ đã về Tiên cảnh. Mẹ thì ra đi từ khi con còn bé bỏng để lại một mình Cha lo nuôi đàn con dại cho đến lớn khôn rồi cũng từ giả chúng con khi cảnh quốc phá gia vong khiến chúng con phiêu bạt mỗi đứa một phương trời.

Cha Mẹ đã tạo cho con cái thân xác này, cái khối óc này để con có phương tiện phụng sự Đạo Trời. Cha Mẹ đã để lại cho con một gia tài vô giá tưởng trên thế gian này không mấy ai có được.

Trong tâm thành, con xin hiến dâng Cha Mẹ niềm hân hoan đầy đạo vị hôm nay khi tác phẩm triết học này ra đời để tưởng niệm công đức Cha Mẹ đã trải bao tháng ngày đắng cay nhân thế vì đàn con dại.

đồng tâm

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi làm sao nói rõ tâm trạng của tôi khi bắt đầu những dòng này. Cuộc đời là một sự xảy ra theo luật biến thiên của Tạo Hoá luôn luôn bày biện những chướng ngại trên bước đi vào Vũ trụ của con người khiến họ cảm nghĩ như mình đang lặn trên con đường dốc chỉ còn có sức chịu đựng tránh né để cho mình khỏi vướng phải những va chạm không may, chứ còn biết làm gì hơn khi toàn châu thân, từ thể xác đến giác quan đều bị mịt mù trong cái quay vòng đảo điên cuồng loạn chung quanh mình.

Tuy nhiên, nếu chỉ có thế thì con người nào có khác một động vật vô tri kia mà vũ trụ từ nghìn xưa vẫn chỉ là một khối bất năng bất giác, và làm sao tạo nên những thành trì miên viễn còn lưu lại từ bao giờ đến bao giờ do những bàn tay, những khối óc của con người ?

Nhưng, từ nghìn xưa đến nay, đã có biết bao nhiêu là bàn tay, bao nhiêu là khối óc, nếu đem mà lấp xuống biển đông thì có thể làm cho đầy được, mà những công trình miên viễn còn để lại đời sau hỏi có được là bao nhiêu ?

Điều này đã cho tôi mấy điều nhận định :

- Con người quả đã có một khả năng bảm thụ cân xứng với Tạo Công, nhưng không bao giờ vượt qua Tạo Công được bởi lịch trình diễn biến của vũ trụ từ xưa đã minh xác điều đó.
- Khả năng bảm thụ này là một sự cảm thông tuyệt diệu giữa Người với Vũ trụ để biết vị trí của mình với cuộc sống chu tuần chung quanh phụ thuộc vào vũ trụ đến đâu và như thế nào.
- Như vậy thì giữa Người với Tạo Công luôn luôn có một tương quan mật thiết với nhau không chối cãi được : một đàng thì làm ra, một đàng thì tìm hiểu, một đàng thì vô tư, một đàng hữu tư...
- Chính trong tình trạng hữu tư đó mà con người đã tìm ra cái triết lý để cố tìm biết cái vũ trụ của Tạo Công đã gầy dựng nên trong đó có mình, và chính có

như thế, cuộc sống con người mới có giá trị trong vũ trụ.

Có thể nói Triết lý đưa con người đến một lẽ sống chính đáng giữa vũ trụ theo mức cảm thông của họ qua những dòng suy tư của họ đã mang trong mình từ khi mới khai sinh. Cũng chính do đó mà triết lý cũng sẽ mất đi cùng với dòng suy tư kia khi họ phải lìa đời chỉ còn để lại những kết quả đã thu lượm được trong thời gian qua. Nhưng thời gian một kiếp người không thấm vào đâu với cuộc sống triền miên của vũ trụ. Cho nên, con người đơn độc không bao giờ đi ngót con đường xa thẳm của Triết lý khi nó là nguồn suy tư vô cùng tận của Loài người trong sự cảm thông với Tạo Vật.

Phải chăng vì thế mà những người mệnh danh là Triết gia trên thế giới đều phải câm lặng trong khi đi vào nguồn cội chân lý để cho sự suy tư của mình không bị giới hạn và cũng không theo một chiều hướng nào có sẵn. Những lý thuyết đã có để thường không thoả mãn cho những hiện tượng mới do sự phát kiến mới mà ra. Những kẻ cứ khư khư vào mô kiến thức la tập dù trong phạm vi tín ngưỡng hay thực nghiệm của ngũ quan mà không đi sâu vào sự giác ngộ tâm linh của chính mình thì cũng khó tìm ra chân lý khi nó tiềm ẩn quanh mình mà chỉ được phát hiện khi mình không bị một thành kiến nào chi phối...

Tuy nhiên ngày xưa, khi mà trí óc con người còn đón nhận những chất liệu của Thiên nhiên thì họ còn có thể là những bản năng nói lên tiếng nói trung thực của cuộc sống hồn nhiên quanh mình, còn có thể tin tưởng vào sự cảm nhận phần chân lý vũ trụ quanh mình. Nhờ đó mà xã hội loài người ngày nay mới còn tiếp thu được trong muôn một những tinh hoa cồ kết tự ngàn xưa. Trong khi đó thì ngày nay, trào lưu khoa học đã hình như làm mê mẩn con người qua những làn kính màu tuy có đẹp để có lộng lẫy nhưng lại rất hạn hẹp vì tính nhất thời hư hoại của vật chất mà ra. Phương pháp luận của Descartes chỉ là một thời thượng cho phong trào vật chất đi vào cuộc sống như thời hiện nay mà hậu quả là sự lệch lạc về nhu cầu của ngũ quan thay cho tâm linh đã trở nên cần cỗi khiến xã hội mất thế quân bình cố hữu, mà khoa học dù tinh vi đến đâu cũng chỉ mò mẫm trong tính hạn hẹp của nhu cầu vật chất thì khó vươn lên tầm hoạt động của tâm linh được.

Tôi muốn nói xã hội loài người ngày nay như đã xao lãng phần dồi luyện tâm linh mà đang chạy theo những trò hào nhoáng của vật chất nhứt thời. Nhưng suy cho cùng thì Tôn giáo ngày nay cũng chỉ còn lại những cám dỗ về sắc tướng mà không thiếu những trò tà giáo đang gạt gẫm thiên hạ qua chiêu bài chạy lạc tịnh luyện để thiên định, phát huệ, phát hào quang, nhưng họ quên đi rằng nếu thiếu đi cái tâm linh cao trỗi kia thì có khác gì loài động vật ăn cỏ có ra gì đâu.

Lại nữa, khi một chân lý được phát hiện thì nó không riêng cho một cá nhân hay một phạm vi nào bởi khi còn suy diễn từ một tư thế đó thì không còn gọi là chân lý bất biến nữa. Các giáo hội đã có đều vấp phải tệ trạng này khi mạnh ai nấy giành phần hơn cho mình. Vụ án Galilée trong lịch sử giáo hội Vatican cũng như câu chuyện Huệ Năng- Thần Tú của sách Phật cho ta thấy sự hạn hẹp của lý trí con người dù lương hay giáo nào có khác gì nên cần phải tránh xa sự tranh biện khi đi tìm chân lý.

Bởi thế, người Tây phương vì chán chường sự gò bó bất bình đẳng do giáo hội Thiên Chúa mà cho rằng Tôn giáo chỉ là những kinh điển với những qui điều không thể có sự suy diễn triết học. Trong khi đó thì các sư thầy Phật giáo cũng cao ngạo không kém mà tự cho rằng họ không có gì khác hơn là thuyết giảng công bình bác ái của Phật pháp mà thôi.

Dù sao, sự phức tạp của xã hội loài người đã một phần do sự phức tạp tranh đua giữa các tôn giáo mà ra. Không kể những trận chiến tranh tôn giáo như Thập tự quân giữa Thiên Chúa giáo và Hồi giáo từ 1096 đến 1291 và trận giặc trăm năm giữa các tôn giáo từ 1338 đến 1453 giữa các quốc gia Âu châu, các tranh chấp triền miên ở Anh-Ái nỉ lan giữa Thiên Chúa và Tin Lành, ở Trung Đông giữa Do Thái và Hồi giáo mà nơi đất thánh Jerusalem là mục tiêu cuối cùng vẫn không thiếu lời qua tiếng lại và sắt máu. Cũng như tranh chấp Ấn giáo và Hồi giáo ở Nam Á khiến cho xã hội loài người đã điêu đứng về những cuộc chiến tranh ly loạn về ý thức hệ tam vô cường tín trên hầu hết các quốc gia do hai khối vô sản-tư bản hoành hành từ 1930-1990 lại càng thêm nghiệt ngã điêu linh..mà cái thế lực cực đoan tôn giáo một bên hữu thần bất lực, một bên vô thần bất nhân đã giày vò nhân loại từ bấy lâu ngót thế kỷ qua hỏi ai không nhận biết.

Chính do đó mà Tôn giáo muốn thực hành đúng mục đích cứu thế của mình phải có một đường hướng triết học sâu xa và hiệu quả vào xã hội nhân sinh một cách bao quát rộng mở mà không thể giành riêng cho một giáo hội khi giáo hội ấy không biết gì ngoài kinh điển chủ quan của tôn giáo mình.

Cao Đài giáo với sứ mạng cứu thế trong thời hạ nguồn nhân tâm điên đảo, đạo lý suy vi này không thể đi theo con đường cũ kỹ của tôn giáo xưa mà phải có một đường lối mới theo nhu cầu của xã hội loài người hiện nay. Lẽ cố nhiên cái cảnh ' năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà ' hiện nay đã mở toang cánh cửa thế giới cho mọi người thấy rõ đâu là thành kiến, kỳ thị, bất công khi mà con người từ nghìn xưa đến nay vẫn được sinh ra trong một khối đại đồng vô biệt : con người sinh ra với thể xác và ngũ quan trọn vẹn, cùng sinh hoạt như nhau, cùng có những nhu cầu không khác nhau cho đến khi chết, cũng một hiện tượng như nhau, hai tay buông xuôi, cặp mắt nhắm nghiền, nào ai đã khác ai đâu?

Cái triết học của Cao Đài giáo làm cho loài người đâu đâu cũng là anh em cùng Cha chung, cùng học một Thầy chung. Đó là đức Thượng Đế, khối Linh Năng Tâm Linh Vũ trụ là đấng Tạo Hoá, bất khả tri cũng có thể biết được nếu ai còn giữ được một linh hồn vô nhiễm trên cõi thế gian này.

Như vậy, Cao Đài giáo có một nền triết học bao gồm cả Đông Tây kim cổ và nó như thế nào, thì xin các bạn thử đi vào nguồn sáng tạo ấy thì sẽ biết chú gì !

Sách TÌM HIỂU CĂN BẢN TRIẾT HỌC này chỉ manh nha những phần căn bản theo giáo thuyết qua Thánh ngôn mà không đề cập đến phần suy tư được bố hoá qua sự tu học được mặc khải của đức Cao Đài mà các bạn sẽ biết đến đầy đủ hơn ở các tác phẩm triết học sau, cùng tác giả.

Viết tại Thủ đô miền Nam, mùa thu Nhâm Tý,
tháng 8 năm 1972,

ĐỒNG TÂN

PHẦN DẪN NHẬP

SỰ XUẤT HIỆN CAO ĐÀI GIÁO TRƯỚC DỰ LUẬN THẾ GIAN

Đạo Cao Đài hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời đến nay trên danh nghĩa đã được nửa thế kỷ. Những người tín đồ ngoan đạo mô số biết mình tin đạo như thế nào, tại sao mình tin và đức tin sẽ đem mình đến đâu. Tuy nhiên, cũng có một số nhẹ dạ, không chịu tìm biết chỉ vì một hấp dẫn nào đó mà nhập đạo, số này không phải hiếm.

Trong khi đó thì những kẻ ngoại đạo hoặc lương hay giáo thường đưa ra những dự luận không mấy tốt đẹp, lắm khi mạnh lời bài xích.

Tính cách nhân bản bao quát trong tinh thần VẠN GIÁO NHẤT LÝ thì họ cho là đạo xà lách, giáo lý vay mượn đủ điều. Những người này thuộc đủ mọi thành phần trong xã hội. Hoặc họ là tín đồ hay giáo phẩm nào tự cho chỉ có tôn giáo mình mới chánh còn bao nhiêu là tà giáo, cũng có thể họ là một công tư chức của chính quyền bảo hộ quen thói thực dân khinh miệt những người có tín ngưỡng mới, lại cũng có kẻ gán cho đạo Cao Đài cái mũ thân Pháp, thân Nhật mà nhất là những kẻ cho rằng Cao Đài giáo là mê tín, đồng bóng, dị đoan thì khỏi phải nói v.v...

Đò là những người trong nước, còn những người ngoại quốc thì thường có hai thái độ khác nhau:

Với những người Pháp thì họ xem thường mỗi đạo cho rằng sự xây bàn chẳng đi đến đâu, không sớm thì muộn cũng tan rã. Các quan chức thực dân đương thời thì chẳng mấy bận tâm ngoài những biện pháp canh chừng theo dõi bằng những tên lính kín mật vụ sở tại. Trong khi đó thì một số các giới trí thức đại học gần đây, do một phong trào tìm hiểu về tôn giáo mới qua các tác phẩm đã xuất bản trong nước đã tìm đến Việt Nam, tìm tác giả, được hướng dẫn đi khắp các chi phái trong đạo, và trước khi về nước, họ đã có những nhận định sau đây :

- Theo giáo sư tiến sĩ Jeremy Davidson thuộc viện Đại học Luân đôn thì ông cho rằng đạo Cao Đài rất khó hiểu bởi chỗ phức tạp và phong phú của nó. Những Thánh ngôn lại không được hệ thống hoá, tối nghĩa và bí ẩn. Ngoại trừ một vài cá nhân trong đạo nói đến vấn đề triết học còn các Hội Thánh thì không bao giờ nói tới ngoài những nghi lễ có tính cách rườm rà và những giáo điều có tính chủ quan...(1)
- Theo Mục sư Victor Loyl Oliver, nhà nhân chủng học thuộc viện Đại học Nữ Ước thì có vẻ lạc quan hơn. Ông cho rằng đạo Cao Đài là một trào lưu mới được khai thị bằng cơ bút có tác dụng tích cực trong đời sống xã hội Việt Nam gần đây, nhưng khi đi tìm bề sâu thì hình như đạo Cao Đài không có căn bản giáo lý rõ rệt...(2)

Hai quan niệm trên đây được đúc kết trong một câu mà giáo sư Raphael B Smith thuộc viện Đại học Luân Đôn trước đó đã viết trong tạp chí của Đại học này sau khi đọc tác phẩm Lịch sử Cao Đài giáo- phần Vô Vi của tôi xuất bản năm 1967:

'' To some extent Western ignorance about Caodaism is the responsibility of the Caodaists themselves...'' (Chính người tín hữu Cao Đài chịu trách nhiệm về sự kém hiểu biết về đạo Cao Đài của người Tây phương..)

(trích An Introduction to Caodaism- Bulletin of the school of Oriental and African Studies, University of London. Vol xxxiii. Part 2, 1970)

Điều này đã làm cho người tín hữu Cao Đài không lấy gì ngạc nhiên đối với những dư luận hẹp hòi thiển cận đã đến với nhà đạo trong thời gian qua. hoặc bằng lời nói, hoặc trong sách vở, hoặc trên báo chương, hoặc cả đến những khu vực trang trọng như các khu đại học...

Dù thiện chí đến đâu, người bàng quan cũng rất khó hiểu cho thấu đáo về đạo Cao Đài khi mà những bài Thánh giáo

(1) Buổi thuyết trình ngày 29-11-1970 tại trụ sở hội Văn Hoá Cao Đài. Sài gòn

(2) ngày 30-3-1971 cũng tại trụ sở hội Văn Hoá Cao Đài.

đôi khi tự nó không rõ nghĩa, hoặc một giáo điều tự nó không có gì mới mẻ... Và các Hội Thánh đã làm ngỡ đi trước những sự kiện ấy, hoặc vì cho rằng căn trí của chúng sanh còn hẹp, hoặc cho rằng sự hiểu biết thế gian không bao giờ bắt kịp đạo giáo hay vì một lý do gì thì cũng khó mà nói ra được...

Là một tín hữu, tôi thật lấy làm băng khuâng lo nghĩ cho cả một tiền đồ Đại Đạo khi mà sức người hữu hạn, tôi phải làm sao đây trước một hoàn cảnh như thế.

Cho nên, sau một thời gian tìm hiểu nguyên do về những không may đối với nền đạo ấy, tôi đã tự đặt ra một phản ứng để giải đáp những thắc mắc của tôi, chính cũng cho những người tín hữu như tôi trước sự đòi hỏi của các nhà nghiên cứu đang nhất tâm tìm hiểu mối đạo mới..(1)

Do đó, tôi cố gắng tìm tòi những sự kiện cụ thể để chúng nghiệm những hiện tượng chân lý tiềm ẩn nơi đạo Cao Đài, vốn là mạch sống của tôi từ ngót 65 năm nay để cống hiến quý vị những điều biện minh cho một sự thật, một chân lý mà vì dư luận không may đã làm cho lu mờ nền chánh pháp của nhà đạo.

Tôi phải nói ngay rằng đạo Cao Đài không cần dựa vào những giáo thuyết đã có trước để lập thuyết cho mình mà theo quan điểm VẠN GIÁO NHẤT LÝ, đạo Cao Đài đã có sẵn một giáo thuyết bao quát đến nỗi các giáo thuyết xưa đều nằm gọn trong đó.

Nếu bảo rằng Tôn giáo không có Triết lý thì Tôn giáo ấy chỉ được ứng dụng một chiều, cho một số người có sự tín ngưỡng theo nó tùy theo mức độ hấp thụ của họ. Nói thế cũng có nghĩa là khi trình độ tấn hoá của mọi người đã cao hơn thì mức độ tín ngưỡng của họ cũng bao quát cao cả hơn. Tôi muốn nói Tôn giáo theo nhu cầu của thế giới hiện tại phải làm sao cho người ta không chỉ nghe theo một giáo phẩm nào đó mà còn phải tự họ THỰC NGHIỆM ĐẠO PHÁP ĐỂ TỰ GIÁC mới được.

Xét cho cùng, Tôn giáo không có gì gọi là mê tín khi mà những giáo điều không mâu thuẫn với nguồn cội đạo pháp phát khai từ một Giáo chủ vô tư thuần khiết và khi những

(1) xin xem sách TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI cùng tác giả

tín đồ đi tìm đạo pháp không buộc phải nghe theo những mệnh lệnh có tính đơn phương quyền rũ theo một chiều không khúng nạp với trào lưu tiến hoá của nhân loại

Dù sao, bất cứ một phạm trù hoạt động của tư tưởng hay tín ngưỡng nào đã đến một trình độ cao trở thì cũng ý thức được sự hạn hẹp của con người trước vũ trụ đầy bí nhiệm bao la, lắm khi tự thấy mình chỉ là giọt nước ngoài đại dương, một hạt cát trong sa mạc, nên tự họ phải có được những ân sủng tiếp thu được sự mầu nhiệm ấy cùng lúc tự ý thức để tìm cho ra con đường thênh thang mà điểm tận cùng là Chân lý đạo pháp. Tôi muốn nói đó là khởi điểm của một tư tưởng triết học nơi một Tôn giáo vậy.

Cho nên, Tôn giáo ngày nay phải bao gồm một yếu tố triết học để được thích dụng hoá trong việc cứu độ chúng sinh không phân biệt quốc gia hay chủng tộc . Đạo Cao Đài tự nó đã nói lên tất cả nguyện vọng của thời Hạ nguồn mặt pháp này khi mà không còn có một tôn giáo nào có khả năng đem lại hoà bình hạnh phúc cho toàn nhân loại, nếu chẳng phải bất lực trong sự cứu rỗi trong phạm vi của mình như đã thấy hiện nay mà những thình âm sắc tướng làm lu mờ nhân thế, đạo Cao Đài theo nhu cầu tấn hoá chung phải xiển dương một nền chánh pháp cần cho sự hiểu biết về nhân thân và sứ mạng của con người, cùng lúc cho họ có một đức tin sâu xa vào địa vị của con người trong vũ trụ không phải mơ hồ vô minh hay tội lỗi mà chính là động lực đóng góp vào sự trường tồn vũ trụ trong đó có thành quả năng lực của con người vậy.

PHẦN CHÍNH ĐỀ

- SỰ KHẢI NGỘ CHÂN LÝ NƠI CAO ĐÀI GIÁO

Vì đạo Cao Đài đã nêu lên một đường lối cứu thế bao quát đại đồng, nên mọi hiện tượng diễn biến trong đạo Cao Đài đều có một tính cách tổng hợp, bất hoặc trong phạm trù vật chất hay tâm linh. Nói một cách khác, tìm hiểu đạo Cao Đài mà không bắt nguồn từ yếu tố và khả năng khai thị Chân lý của Tôn giáo này thì chẳng khác gì làm một công việc chỉ biết có sau quên trước, và như thế tức là không làm thấu triệt được Chánh pháp Cao Đài. Tôi muốn nói đó là hiện tượng cơ bút qua các đồng tử.

Thật ra mới nghe qua, người bàng quan sẽ bĩm môi mà cho là loại đồng bóng mê tín, nhưng nếu biết rõ vấn đề trong lịch trình tiến hoá của nhân loại từ Tiền sử cho đến Hiện kim theo sự kiện thông công giữa nhân loại và Thần Linh như thế nào thì mới biết bộ phận thông công ấy - nay là cơ bút và đồng tử - ra sao ?

Xét về nguồn cội thông công này trong lịch sử nhân loại, ta tìm thấy những hiện tượng cụ thể như sau dựa vào hai yếu tố :

- Yếu tố vô hình :

Không cần nói, ai cũng phải thừa nhận rằng mọi nguồn cội phát xuất khả năng bộc lộ chân lý tiềm tàng trong vũ trụ đều nằm trong cõi vô hình. Người xưa gọi đó là những hiện tượng Thần Linh, không phải chỉ xuất hiện nơi những tôn giáo đã thành hình, mà dễ thường nơi những cá nhân bất hoặc trong phạm vi hoạt động hay cương vị nào trong xã hội. Đây là một yếu tố quan trọng mà những tôn giáo được thành hình sau đó không thể thiếu đi.

Một Shidarttha ở rừng Bouddhagaya, một Moise ở núi Sinai, một Jésus ở đồng Qarantal, một Mahomet ở đồng Hara...các Ngài đã bắt đầu một cuộc sống ngay sau khi ra khỏi những

nơi này khác hẳn với nếp sống trước đó chỉ vì các Ngài đã tiếp nhận nơi cõi hư không bí nhiệm kia những căn bản để trở thành một giáo chủ mặc dù các ngài đã xuất thân từ những cương vị khác nhau trong xã hội. Một thái tử hay một thường dân không phải là điều kiện tiên quyết cho vấn đề mà chính là một sự đưa đẩy tự nhiên, đố ai mà biết được, nếu không muốn nói là đã do một động lực vô hình thúc đẩy.

Cho nên, có thể nói các Giáo chủ thời xưa là những Thần Linh hiện bằng hình người sau khi đồng hoá với Thần Linh do sự tiếp xúc với vô hình ở những không thời gian thích hợp. Có người bảo những vị Giáo chủ tự các Ngài đã là Thần Linh rồi không cần phải tiếp xúc với vô hình như đã dẫn trên đây. Do đó mới có những huyền thoại về cậu bé Sĩ Đạt Ta đã giáng sinh ra nơi vách bà hoàng hậu vốn từ cung trời Đâu suất(?) mà tiền thân là Thiên Huệ Bồ tát với truyền ngôn :'' Thiên thượng địa hạ duy ngã độc tôn '' hay về cậu bé Jésus với hào quang sáng rực bên máng cỏ ở Bethlehem mà chồng bà Maria đi theo để khai dân số, ông Joseph chỉ là cha nuôi chứ không phải cha ruột vì bà sinh con khi còn trinh kia mà, hoặc một Lão Tử từ sinh ra có mái đầu đã bạc v.v...

Tính Thần thánh hoá con người này có thể xem như một cố tật của loài người có khác gì các truyền thuyết Lạc Long quân và bà Âu Cơ đã sinh ra giòng giống Việt hay bà Nữ Oa đã sinh dân Tàu hay Thái dương Thần nữ sinh ra dân Nhật. Nhưng cục diện thế giới ngày nay cho ta thấy chính con người đã làm chủ địa cầu nhưng cũng chỉ vì sự chối bỏ thế giới vô hình đang điều động phần tâm linh nơi mình đã khiến cho thế giới ngày thêm tao loạn mà ngày '' tận thế '' có xa đâu !

- Yếu tố hữu hình :

Chính vì những khởi điểm trên đây mà trong sự khám phá vũ trụ để tìm cho ra chân lý không thể không có yếu tố con người. Đó là những yếu tố hữu hình mật thiết trong sự triển khai chân lý trường cửu trong khi những khám phá của khoa học chỉ có nghĩa về vật chất nhút thời mà thôi.

Chả thế mà từ nghìn xưa, trong thời đại bán khai của nhân loại, điển hình tại Trung Hoa, hiện tượng vu (người gái) và nghiễn (người trai) có đạo hạnh trong số nhân dân tại các địa phương đã tự nhiên phát khởi những lời nói từ đó

làm thành những mẫu mực cho cuộc sống hằng ngày thoát ra khỏi cảnh ăn lông ở lỗ thuở man khai. Tiếp đến tại Hy Lạp, khi các Thần Linh đủ loại ngự trị từ Thần Zeus thì hiện tượng Pythie ở đền Delphe đã cho thấy có sự thông công giữa thế giới vô hình và người mà sau đó tại Ấn độ hiện tượng Rishis (Thần thi) cũng phân sự thông công này mà tạo nên bộ kinh Vệ đà làm nền tảng tín ngưỡng cho dân tộc này có sức thuyết phục về một Tâm Linh Vũ trụ (Thượng Đế = Brahman) từ đó sinh ra linh hồn con người (atman) hơn là thuyết Phật đã không được dân tộc Ấn ngưỡng mộ dù đức Thích Ca là người dân Ấn.

Yếu tố hữu hình này lại được tìm thấy trong Cao Đài giáo nơi bộ phận Hiệp Thiện đài là nơi các đồng tử còn gọi là phò loan (médium) giữ việc thông công với thế giới vô hình bằng huyền diệu cơ bút. Đây là một thể thức có tính thích nghi với thời đại đã có từ các cách thông công Minh sư bằng hình ngọc cơ mô phỏng hình của sao Bắc Đẩu cho người phò loan cầm thay vào lối xây bàn đã được nhóm khởi từ Thông linh học Tây phương mà Allan Kardec còn để lại công trình này với thế giới vô hình tại Âu châu dù phát xuất từ một nông trại Hoa Kỳ vào giữa thế kỷ 18.

Lẽ cố nhiên, các nhóm đồng bóng thì từ lâu đã có cùng khắp các quốc gia mà sự tin tưởng vào thế giới vô hình đã xâm nhập vào quần chúng khi các loại tà ma muốn khuấy động với để lôi cuốn họ thì tại Việt nam cũng không thiếu gì nhất tại Bắc Việt với các am miếu mà các cô cậu thường tạo nên những hội hè ma quái nhưng họ không làm sao thuyết phục được những bậc chân tu nên không lâu sẽ bị tan rã khi Cao Đài giáo xuất hiện thì họ cũng lui dần vào bóng tối mà thôi. Cho nên gán cho hiện tượng thông công của Cao Đài giáo là mê tín dị đoan thì chỉ có kẻ phàm phu đứng ngoài mà nhìn mới dám có thái độ sai lầm đó.

Khách quan mà nói thì Con người vốn là một thể xác có linh hồn, tự họ đã có một thế giới vô hình trong bản thân nhưng có người phủ nhận vì không biết mà dễ thường gọi là không có. Nhưng khi chết đi thì họ sẽ thấy rõ có nói làm gì. Cho nên, việc thông công với thế giới vô hình đã đem lại những kết quả cụ thể mà Thông linh học đã cho nhân loại một chân lý nội tại nơi con người, thiết tưởng ai cũng không thể làm ngơ mà cứ khư khư với nếp sống u trầm của mình thì có làm sao theo kịp đà tiến của nhân loại được.

Cho nên, với đà tiến hoá của nhân loại không còn tin vào một cá nhân phạm tục để tôn thờ hơn cha mẹ mình mà các tôn giáo trước đã có hàng giáo phẩm ngồi trên chóp bu thiên hạ, tàn dư của thời phong kiến xa xưa không còn hợp thời nữa, nên đạo Cao Đài đã xây dựng giáo thuyết trên hai yếu tố :

Yếu tố vô hình là đấng Giáo chủ vô hình là Thượng Đế được xem như Tâm Linh Vũ trụ vừa là Cha vừa là Thầy vạn vật.

Yếu tố hữu hình là hiện tượng cơ bút qua các đồng tử thông công với Ngài để vạch ra một công cuộc cứu độ chúng sanh vào thời Hạ nguồn mặt pháp này mà các tôn giáo trước đã không còn hiệu lực nữa bởi sự phạm hoá đã khiến các tôn giáo không còn tác dụng cảnh tỉnh nhân loại như buổi ban sơ mà Thượng Đế không thể không tự mình giáng trần để phục hồi những cơ năng cứu độ mà Ngài đã ban cho đến nay cần phải xây dựng lại.

Nhưng các công trình xây dựng đó như thế nào, xin các bạn xem các chương sau.

I- NGÔI GIÁO CHỦ

Nói đến Tôn giáo tức nhiên trước tiên phải nói đến ngôi Giáo chủ. Và ngôi Giáo chủ chính là phần thể hiện trung thực nhất của giáo thuyết đã được xương minh từ đó mà ra.

- VAI NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC GIÁO CHỦ ĐÃ CÓ TRƯỚC

Phật giáo với đức Thích Ca, Thiên Chúa giáo với đức Jésus, Lão giáo với đức Lão Đam, Khổng giáo với đức Khổng Khâu, Hồi giáo với đức Mahomet. Đó là những vị Giáo chủ được xưng tụng với nghĩa xưa của nó. Các Ngài vốn là những con người không khác chúng ta trong cái thân xác nhìn thấy này, nhưng do sự tiếp xúc với vô hình mà các Ngài đã nhờ cái Tâm linh cao trỗi nâng lên hàng Giáo chủ với cái nghĩa đơn thuần là một Chủ nhân khai sáng một giáo thuyết.

Nhận loại tùy theo mỗi địa phương đã do nơi các Ngài mà hành hồ thi thố khả năng để tìm phương tu học giải cứu cho mình và cho người chung quanh theo những tiêu chuẩn mà các ngài đặt ra. Lẽ cố nhiên ban đầu có những hiệu quả nhưng càng lui dần vào thời gian thì càng bị ô nhiễm phạm tục mà mất hiệu năng.. Đó là một công lệ tự nhiên của định luật thành trụ hoại không của vũ trụ không làm sao chối cãi được.

Tuy nhiên, thời gian trước các vị Giáo chủ kể trên đây, lịch sử nhân loại đã cho thấy các tôn giáo phát xuất từ một nguyên nhân không mấy rõ rệt, tuy có sự hiện diện của một vài nhân thân nhưng các ngài không hề tự nhận mình như những giáo chủ độc tôn. Từ Đông sang Tây ta thấy rõ điều đó. Do đó, vị Thần Brahma với bốn tay bốn mặt của Bà la môn giáo đã là một đề tài tương phản với Phật giáo của Thích Ca cách đây ngót 50 thế kỷ. Cũng thế, Do Thái giáo phát khởi từ Moise đã tôn thờ đức Chúa Trời độc nhất bằng lời tâm niệm vị Thần ấy :'' Ecoute, Israel ! Le Seigneur notre Dieu, l' Eternel est Un !'' (Nghe đây, dân Do Thái ! Đấng Chúa Trời của chúng ta, Đấng vĩnh cửu là độc nhất) mà chỉ tôn xưng đức Moise như là một Thiên sứ đã nhận những bàn luật (Table de Loi) qua sự màu nhiệm của đức

Chúa Trời mà ngài đã gặp là " Đấng Tự hữu Hằng hữu " cách đây 4000 năm

Hai tôn giáo cổ xưa này là nguồn sống mãnh liệt đã nuôi dưỡng dân tộc Ấn độ qua bao độ thăng trầm của lịch sử mà cho dù Phật giáo với Thích Ca cũng không thể lấn át phần ảnh hưởng được và dân tộc Do Thái mà sự phân tán dân tộc này - tự nhận là dân tộc được lựa chọn - đã tự xem như là một sứ mạng thiêng liêng trong việc gieo truyền ánh sáng của đức Chúa Trời mà những tập tục nghi lễ vẫn được duy trì cho dù có sự bành trướng của Thiên Chúa giáo sau đó dù buổi ban sơ đã thống nhất với nhau như một.

Như vậy phải nói rằng sự xuất hiện các nhân thân được tôn xưng là giáo chủ chỉ có trong một thời gian theo nhu cầu của một địa phương lúc bấy giờ, không phải là một sự kiện chân lý phải có trong công cuộc cứu thế từ ngàn xưa vậy.

- NGÔI GIÁO CHỦ CỦA CAO ĐÀI GIÁO

Đức Cao Đài đã giảng trần dạy đạo bằng huyền diệu cơ bút từ 1920 cho người đệ tử đầu tiên là ngài Ngô minh Chiêu đã đắc đạo nhiệm màu Vô Vi bằng một pháp môn chưa có nơi các tôn giáo trước, Cả về danh xưng cũng như bản thể, đức Cao Đài đã xuất hiện một cách mới mẻ, không có trong các kinh sách cũ cũng như trong các ngôn từ tôn giáo trước. Và năm 1926, đức Cao Đài lại giảng dạy về cơ Phổ độ có tính cứu độ rộng rãi trong kỳ Hạ nguơn còn gọi là tận độ kỳ ba với danh xưng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cùng các lễ nghi niềm thức thích hợp cho một quần chúng mộ đạo mà thế giới đang cần trong mọi tầng lớp nhân loại không phân biệt chủng tộc hay địa phương nào.

Lẽ cố nhiên, dù một cá nhân nào trong bối cảnh năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà này cũng khó bề tự mình hô hào cứu độ ai, hay dù một tôn giáo hiện hữu nào mà cho rằng mình đã đem lại sự giải thoát con người khỏi những tệ đoan của xã hội ngày nay khi mà con người càng ngất ngưỡng trên địa vị tước quyền cũng như tiền tài danh vọng mà hiện nay dù lương hay giáo cũng không tránh khỏi thì càng sa đọa vào sự mê lầm vật chất tự cứu lấy mình không đủ thì còn cứu ai, nên nếu không có hiệu năng của thế giới vô hình thì ngày tận thế đã kề bên, loài người đang đi vào cơn tự diệt khốn cùng. Do vậy, qua những lời chỉ dạy của đức Cao Đài, người tín đồ nhận biết chỉ có đấng Tạo Hoá tối cao mới có thể cứu vớt nhân loại mà Tây

phương gọi Dieu hay God, Đông phương gọi Thượng Đế mới có đủ quyền năng cứu thế lần ba này mà hai lần trước ta sẽ đề cập sau.

Theo từ ngữ thì hai chữ Cao Đài hay Thượng Đế chỉ một thực thể tối cao ngự trị những quyền năng vô biên của Vũ trụ. Đây chỉ là một danh xưng tạm dùng theo trí lự con người tại thế gian trong phạm vi địa cầu này chứ không làm sao phụ diễn cho hết phần linh diệu của huyền vi Tạo Hoá cùng trong Vũ trụ mà khoảng không gian bao la và thời gian vô tận đã thể hiện trước nhãn quan của muôn loài. Cho nên, nói đến Thượng Đế hay Cao Đài là nói đến một bản Thể Tối Linh bao gồm Vũ trụ từ điểm cao nhất mà tất cả những sự hiểu biết thế gian vốn từ con người mà ra không thể tự cho là thông suốt toàn bộ được.

Cho nên, nếu cứ lấy thân phàm mắt tục mà nhận định về đức Cao Đài thì rất khó mà cho thấu triệt, cho dù họ tự nhận là đã đắc pháp nhiệm màu từ một tín ngưỡng nào đã có trước mà theo tôi, người ấy sẽ không có lời nào ngoài sự trầm tư vì như thế mới chính thật là đắc đạo

Thánh ngôn có ghi những điểm sau đây :

‘ CAO ĐÀI

Trong Vũ trụ Càn Khôn lấy cái Lý Thái Cực làm chủ tể của muôn triệu ức sanh linh và chương quản vạn loại hữu hình gồm linh hồn và thể chất. Trong Trời đất có cái Lý nhất định thanh quang là Thái Cực làm trung tâm điểm cho Vũ trụ Càn Khôn muôn loài vạn vật. Cái Lý độc nhất toàn tri toàn năng biến hoá vô cùng vô tận, dưỡng dục cả sanh linh, bảo toàn vạn loại. Lý độc nhất bao quát thần thông quay chuyển bánh xe vô hình mà làm nấc thang tấn hoá chung cho tinh thần vật chất, mở mang cái trí huệ cho mọi người noi theo Thiên lý vận hành mà tăng tiến mãi lên cho đến chỗ kỳ cùng mục đích là nơi nhất định...’’

(ĐÀI THỪA CHƠN GIÁO- CHIẾU MINH TAM THANH xuất bản 1950 trang 342)

‘ CAO ĐÀI

Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một Chơn Thần Thầy mà biến thành Càn Khôn thế giới và cả nhân loại... Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần Tiên Thánh Phật...’’

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN- TÂY NINH xuất bản 1969 trang 52)

Những điều trên đây cho ta một nhận định khái quát về đức Cao Đài theo hai quan điểm không gian và thời gian như sau:

- 1- Về bản thể, đức Cao Đài là Nguyên Nhân đầu tiên của Vũ trụ kể về Tâm cũng như Vật hiện diện cùng khắp. Đó là ta đã nhìn Ngài dưới khía cạnh không gian. Phải chăng đức Thích Ca cũng đã nhận biết như vậy qua sự diễn đạt của các sư Nhựt ? (1)
- 2- Về bản tính, đức Cao Đài là Đấng Tự hữu Hằng hữu, vô thỉ vô chung, quyền năng vô kượng, biến hoá vô cùng. Đó là ta nhìn Ngài dưới khía cạnh thời gian. Phải chăng đức Moïse đã gặp Ngài trên núi Sinai với lời minh xác như trên ? (2)

Vả chăng, Vũ trụ là phần tổng hợp hai phần không gian và thời gian mà con người có thể nhận biết bằng ngũ quan. Cũng chính trên quan điểm này mà ta cần phải tìm hiểu một cách gần gũi hơn. Tôi muốn nói đến phần diệu dụng mà Ngài đã dùng để giáng thế lập đạo từ ngàn xưa đến nay. Những lần trước, qua các giáo chủ hình người, danh xưng Ngài chỉ được nhắc lại một cách kính cẩn qua Lý Chơn Như (Phật) dù có phủ nhận phần nào, hoặc qua danh từ Chúa Cha (Cô Đốc) thì với lần này, Ngài tự giáng phạm qua lần điển quang và trực tiếp hướng dẫn nhân loại trên đường đạo lý mới. Cho nên, người tín đồ Cao Đài hiện nay đã biết rõ Ngài qua bộ phận thông công Hiệp Thiên Đài bằng phương tiên ngọc cơ với đồng tử và gần gũi Ngài như một Tâm linh Vũ trụ. Cho nên, ta có thể đưa ra một nhận định thứ ba về Ngài như sau :

- 3- Về diệu dụng, đức Cao Đài giáng hiện như một Chơn Thần hay nói nôm na là một Tâm linh Con người mà ta có thể xem Ngài là Tâm linh Vũ trụ khi Ngài tự xưng là Cha vừa là Thầy chung của vạn loại vạn vật, gần gũi chúng sanh một cách thân mật bằng lần điển quang từng khi xuất hiện (3)

(1) theo Essays in Jen Bouddhism của tác giả Daisetz Tero Suzuki xuất bản 1927 tại Tokyo, bản dịch Thiên Luận do Trúc Thiên dịch, ấn bản tại Hoa Kỳ tập thượng, trang 106.

(2) theo kinh Cựu Ước

(3) Với tư cách đồng tử của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, tác giả minh xác đã diện kiến lần điển quang này khi thủ cơ dạy đạo những năm 1947-1948 tại Quảng Nam đương thời chiến cuộc Pháp Việt.

- BIỂU TƯỢNG THIÊN NHÂN

Sự thờ phụng đức Cao Đài bằng biểu tượng Thiên Nhân phải nói là một sự chỉ định qua cơ bút của đức Cao Đài cho người đệ tử đầu tiên duy nhất là ngài Ngô Minh Chiêu năm 1921 tại Phú Quốc khi ông là đương kim chủ quận tại đây.

Người tín đồ sau này cũng cùng một sự thờ phụng như vậy tức là một "Mắt Trái mở rộng đầy hào quang" với sự tín ngưỡng sơ khởi :

- Con mắt là cửa ngõ đi vào Vũ trụ của sanh chúng không phân biệt
- Con mắt trái thuộc phần dương chủ động mọi sinh hoạt tinh thần nơi mọi sinh vật
- Một con mắt cũng có nghĩa là số 1 trong cộng cuộc xây dựng xã hội đại đồng: vạn thù qui nhút bỗn
- Trong con mắt gồm hai phần quang năng và động lực điều động nơi con người phát xuất từ diệu dụng của Tạo Hoá cai quản Vũ trụ (1)

Nhưng đã là một biểu tượng thờ phụng thì tự nhiên đã hàm ý một huyền vi khó mà thông suốt đối với con người dù người đó là ai trong cái xác phàm này. Cho nên khi được bạch hỏi về Thiên Nhân thì đức Cao Đài dạy :

" CAO ĐÀI

Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng "Con Mắt trái" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho các con hiểu chút đỉnh:

Nhân thị chủ Tâm,

Lưỡng Quang chủ tế,

Quang thị Thần

Thần thị Thiên,

Thiên giả Ngã dã

Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này duy Thầy cho Thần hiệp Khí Tinh đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ màu nhiệm siêu phàm nhập Thánh...Con hiểu Thần cư tại Nhân. ..Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó.."

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN - TÂY NINH ngày 25-2-1926)

- (1) xin xem sách Lý thuyết Tổng hợp cùng tác giả

Vì những nhận định trên, Cao Đài giáo không có Giáo chủ hữu hình mà chỉ có đức Cao Đài Chúa Tế Càn Khôn thế giới mới là Giáo chủ nên biểu tượng Thiên Nhân đã khai sinh một giáo thuyết mới mà các kinh điển tôn giáo xưa không hề biết đến cũng có nghĩa là Thiên Nhân biểu thị một khối thuần nhất Tối linh luôn luôn giám sát và điều động vũ trụ từ nguyên thủy đến bao giờ. Đó chính là phần thị hiện cái diệu dụng đại đồng vô biệt của Vũ trụ của đức Cao Đài trong tầm nhận định của con người vậy.

- DANH HIỆU CỦA ĐỨC GIÁO CHỦ

Danh hiệu của Ngài cũng chứng tỏ sự khiêm nhường của đấng Tối Cao. Bởi những phân biệt cao thấp của thế gian mà sự tranh chấp càng ngày càng quyết liệt làm cho cảnh nhân tâm bại hoại, đạo lý suy vi nên đức Cao Đài đã tự nhận là Cha vừa là Thầy sanh chúng đang qui góm cái ý niệm tôn giáo lại với nhau bắt đầu từ Đông phương là nơi các nguồn đạo lý còn đi vào lòng dân mà sự tín ngưỡng còn ít nhiều hương vị đạo pháp hơn là các tôn giáo Tây phương đã bị nhờn dục và quyền tước làm hoen ố căn bản đạo lý phần nhiều. Có thể vì những lẽ đó mà Ngài đã chẳng nề hà đi vào dân gian bằng những phẩm vị thời thượng để người tín đồ có thể hiểu được phần nào trong cái quan niệm chung Trời Phật Thánh Thần mà ra nên danh xưng

CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI NỒ TÁT MA HA TÁT

đã bao gồm đủ các trình độ giác ngộ trong các tôn giáo xưa tiền ẩn nơi các tôn giáo đi từ người giác ngộ (Ma Ha Tát) đến bậc đại giác của Phật (Đại Bồ Tát) hay Lão (Tiên Ông) mà điểm cao nhất là Cao Đài (trong ý nghĩa của Thượng Đế hay Dieu hoặc God) mà nhân loại toàn cầu đã và đang chiêm ngưỡng trong đó có đủ lương và giáo không phân biệt.

Như vậy, nói đến ngôi Giáo chủ của Cao Đài giáo tức là nói tới phần màu nhiệm của Vũ trụ đến nay mới được khai thông trong nhân loại một cách trực tiếp không qua một cá nhân nào dù đã đạt đạo nhiệm màu, vì không phải là biểu tượng chung cho toàn nhân loại chiêm ngưỡng được với tình trạng thế giới trong mối tương giao năm châu chung chợ bốn bể chung nhà này.

Cũng nên biết Vũ trụ ở đây có kích thước một vũ trụ khoa học tâm linh mà hiện tượng sống còn dù tế vi hay bao la, dù đã biết hay chưa biết của Con người đều nằm trong đó. Lẽ cồ nhiên, cái côi ta bà với tam thiên đại thiên thế giới của Phật gia chỉ là giả tượng mà hằng hà sa số chư Phật cũng chỉ có trong khuôn khổ một tôn giáo khi mà sự sống chết của con người không phải chỉ có cái thể xác nặng nề này với bao nghiệp chướng kia mà linh hồn con người vẫn không được biết đến thì sự chúng ngộ nơi côi vô hình chỉ là một ước thuyết mà thôi.

Cho nên, chính sự tinh tấn của linh hồn là chìa khoá vạn năng của con người tìm về lẽ sống bất diệt của vũ trụ trong đó có mình với những định luật thiên nhiên không chối cãi. Đó là luật Thiên điều qui định tất cả từ bao giờ cho đến bao giờ mà con người đang là một chúng nhân không chối cãi. Tất cả chúng sanh đều do một nguyên lý sống còn như nhau, một định luật vong tồn như nhau, không gì khác nhau nếu cùng một tinh thần vô tư và một tâm hồn cao khiết, một thái độ khoan hoà...

Các tôn giáo từ xưa đã lôi cuốn con người theo nhiều ngã khác nhau, thậm chí đem họ vào những gò bó kinh điển khác nhau tùy theo một số lãnh đạo tự cho là vì sanh chúng, cứu thế này kia, nhưng chính những phương lược khuyến dụ như thế đã có kết quả như thế nào, mà những trận chiến tranh tôn giáo đã xảy ra không nơi nào không có, không lúc nào yên lặng nếu chẳng phải âm ỉ để chờ ngày bột phát như hằng ngày các cơ quan truyền thông đã nêu ra...

Tất cả chỉ vì mỗi một tôn giáo với hàng giáo phẩm - tôi không nói các bậc giáo chủ - đã dựa vào mở kinh điển của mình - vốn cũng đã do những cá nhân được thần thánh hoá soạn ra - mà chống chế nhau, nhất trong hiện tình thế giới, một bên Chúa, một bên Phật đang tranh nhau vị trí trên trước của mình, nhưng thử hỏi các kẻ tranh luận kia có biết mình là ai chưa mà nói đến Chúa hay Phật làm gì.

Tệ hơn nữa là cùng một Giáo chủ mà tranh chấp nhau gây tang tóc cho thiên hạ thì còn nói cứu đời với ai mới được chứ ?!

II - LỊCH TRÌNH KHAI TRIỂN NỀN ĐẠO

Mỗi Tôn giáo đều có giáo thuyết riêng. Giáo thuyết tức là phần khai triển những lời thuyết minh của các Giáo chủ hoặc tự Giáo chủ nói ra hoặc do hàng đệ tử thuật lại.

Tuy nhiên, tự nơi Giáo chủ rất khó được trình bày nguyên vẹn ở chỗ các ngài hiếm khi dùng văn tự đả ghi lại những điều giảng dạy của các ngài mà thường do các đệ tử hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp nghe các ngài giảng dạy mà chép lại cho đời sau. Chính vì lẽ này mà không giáo thuyết nào không đượm một vài nhân tính chủ quan hời hợt và giả tưởng với mục đích làm cho phong phú cao siêu phần nội dung cho hấp dẫn quần chúng mặc dù đối với các ngài thì rất đơn giản và hồn nhiên.

Vả chẳng, mọi giáo thuyết đều bắt đầu bằng những điểm khai nguyên rất uyên thâm và độc đáo. Phần nhiều chỉ cô đọng trong một vài lời nói, hay một vài đoạn văn, không rườm rà phức tạp như ta thấy nơi các tôn giáo chỉ tại các môn đồ về sau mạnh ai nấy suy diễn có khi đúng có khi sai phần căn bản của giáo thuyết buổi đầu nơi các giáo chủ. Cho nên, đi tìm căn bản giáo thuyết của một Tôn giáo buộc phải đi trở lại điểm khai nguyên của các giáo thuyết kể từ khi các ngài còn tại thế mới hy vọng không bị lệch lạc theo thời gian.

Cao Đài giáo cũng không ra khỏi công lệ đó. Tuy mới thành hình không quá nửa thế kỷ trong một hoàn cảnh đất nước bị trị rồi nội loạn ngoại xâm đủ thứ, nhưng Cao Đài giáo vẫn lớn mạnh trong quần chúng Việt Nam một cách mãnh liệt, đó không phải do một sự quật khởi của niềm tin vào một chân lý mới mẻ thì là gì ?

Lại nữa, người môn đệ đầu tiên lại sống cuộc đời tu kỷ khép kín, nên nếu không có bộ phận thông công thì có ai biết được nền tôn giáo đã như thế nào, và sự cứu độ ra sao khi mà những lời Thánh ngôn được ghi lại không mấy rõ

ràng vì quá mới mẻ trước nhãn quan của những kẻ tầm tu học đạo vốn theo những lẽ lối xưa cũ tự bao giờ.

Trong khi đó thì bộ phận thông công cũng khá phức tạp bởi những thành phần không được vô tư minh mẫn lắm. Ngoại trừ đồng tử Lê Ngung đã được thi hành phạt sự tại Phú quốc khi còn thiếu niên (không quá 10 tuổi) đã hướng dẫn phần Vô Vi một cách viên mãn, từ khi đức Ngô minh Chiêu chưa biết đạo pháp là gì cho đến khi ngài đắc đạo nhiệm màu) còn các phò loan bắt đầu cơ Phổ Độ đều là các quan viên chức nhà nước phần đông chưa biết mùi đạo mà chỉ mê say đàn ca thi phú nên dễ bị phần nhờn điển chi phối nên không tránh khỏi những dục vọng của thế thường.

Cho nên, một tín đồ nếu không có một tìm hiểu sâu sắc và tinh vi về cơ bút để phân biệt đâu là chơn đâu là giả thì rất khó đưa ra một nhận định đúng đắn về căn bản giáo thuyết Cao Đài, cho dù các hàng giáo phẩm trong đạo cũng tự họ khó phân biệt chơn giả nếu họ không có một căn bản tu học và hấp thụ đạo pháp một cách vô tư. Sở dĩ tôi phải nói như vậy vì tình trạng cơ bút thời gian sau này đã bị lợi dụng đức tin của tín đồ vì một mục đích gì hoặc cho tham vọng cá nhân lãnh tụ hoặc cho một tà quyền chính trị nào, nhất là trong thời đại chiến tranh ly loạn của quốc gia này khiến cho sự thông công không còn giá trị chân chính của nó nữa.

Hơn thế nữa, trong bất kỳ tôn giáo nào cũng có những điều thắc mắc, có người tìm được sự giải đáp thích nghi nhưng cũng có người không bao giờ thoả mãn được. Trong Hồi giáo có câu :

" La Vérité vient de Dieu, que celui qui veut croire croie et que celui qui veut être infidèle le soit " (Chân lý tự nơi Trời, người nào tin được thì tin, còn người nào nghịch lại thì chối bỏ cũng được)

Với tư cách một đồng tử, tôi xin thanh minh rằng có những huyền diệu thiêng liêng không thể bộc lộ cho mọi người biết trong một buổi đàn cơ, nhưng thật hay giả còn tùy theo những thành phần có tham dự trong đó, nhất là người đồng tử có thật đủ công phu tu luyện và vô tư hay không, nhưng các thành phần liên hệ tham dự trong buổi đàn cũng rất quan hệ vì ảnh hưởng không trong sạch của nó nếu họ có một dụng ý gì. Nói một cách khác thì những người có tư tưởng hẹp hòi thiên cận mà chủ trì một buổi đàn cơ thì

phải nói là không làm sao thực thi được tính chất vô tư
thuần khiết thời ban sơ vậy.

Tôi phải dài dòng như trên để chư tôn độc giả nhận biết
rằng giáo thuyết Cao Đài còn nằm nguyên trong những năm
đầu khai đạo gồm hai phần rõ rệt :

- phần Vô Vi (do đồng tử Ngưng chấp ngọc cơ) nằm trong
thực hành pháp môn tịnh luyện do đức Ngô minh Chiêu đầu
tiên thọ lãnh trực tiếp từ đức Cao Đài từ 1921 tại Phú
Quốc để ba năm sau (1924) đạt đạo nhiệm màu và truyền lại
cho hàng thiện căn còn nơi các đàn Chiếu Minh Tam
Thanh(1) Các lời chỉ dạy phần này thì thuộc về mật truyền
nên không phổ biến mà chỉ dùng cho các người đã thọ pháp
tu học mà thôi dù lương hay giáo bất luận nơi đâu, miễn
tự họ hồi đầu hướng thiện.

- phần Phổ Độ (do các phò loan Cư Tắc Sang Hậu..) thì
được ghi chép đầy đủ nhưng cũng cần duyệt lại (như đã có
theo lần xuất bản đầu) lập thành một tuyển tập được phổ
biến gọi là THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN tuy không hoàn toàn
Thánh ý nhưng đại loại thì được xem như làm mẫu mực chuẩn
thằng cho mọi tín hữu phần Phổ Độ. Lẽ cố nhiên, phần này
được các giới nghiên cứu quốc nội cũng như quốc tế quan
tâm, nhưng vẫn chưa được khai thông trong hàng thức giả
vì tính chất siêu đẳng độc đáo của nó (2)

Cả hai phần đều có một quan điểm và một phương châm cứu
độ riêng tùy theo căn cơ chúng sanh, phần Vô Vi thì cho
những ai tự giác muốn tu học khép kín để đắc quả Tiên vị
với ấn chứng thành đạo " mở Thiên nhãn " về nơi cõi vô
hình trong khi phần Phổ Độ thì đi vào lòng sanh chúng
không phân biệt chủng tộc hay địa phương trên mặt địa cầu
với mục đích cứu độ phần tiến hoá của linh hồn tùy theo
mức giác ngộ của họ mà tiến dần trên nấc thang đi vào cõi
vô hình vĩnh cửu. Cái tín đồ phần này nếu đã có công phu
tu học đơn thuần thanh khiết và một mức tín ngưỡng vô tư
son sắt thì cũng có được ấn chứng " mở Thiên nhãn " y
như phần Vô Vi mặc dù họ không hề biết đến phần tâm pháp
Vô Vi trong cuộc đời họ. Tuy phương châm khác nhau nhưng
cả hai phần phải có một thành quả như nhau mới làm nên
Chánh pháp Cao Đài trong tinh thần cứu độ kỳ ba mà đức
Cao Đài đã ban ra trong ý nghĩa ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
vậy.

- (1) xin xem Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPD - phần Vô Vi, cùng tác giả

(2) xin xem Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPD-phần Phổ Độ, cùng tác giả

Cho nên, trong phần Phổ Độ toàn sanh chúng, đức Cao Đài đã giảng giải như sau :

CAO ĐÀI

- Lịch ! Con nghe Phật Như Lai nói chưa ?
 - TAM KỲ PHỔ ĐỘ là gì ?
 - Là phổ độ lần thứ ba.
 - Sao gọi là phổ độ ? Phổ độ nghĩa là gì ?
 - Phổ là bày ra. Độ là cứu chúng sanh..
 - Chúng sanh là gì ?
 - Chúng sanh là toàn thể nhân loại, chớ không phải là lựa chọn một phần như ý phàm chúng con tính rồi...
- (THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN. TÒA THÁNH Tây
Ninh xuất bản 1969 trang 14-15)

Đức Cao Đài cũng lại bảo :

CAO ĐÀI

- Vốn từ trước, Thầy lập ra ngũ chi Đại Đạo là
- Nhơn đạo
- Thần đạo
- Thánh đạo
- Tiên đạo
- Phật đạo
- Tùy theo phong hoá của nhân loại mà gầy chánh giáo là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt thì hờn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.
- Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thầy đã giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thảng giáo mà làm ra phàm giáo. Thầy lấy làm đau đớn hằng thấy mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A Tỳ.
- Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa.

(TNHT TN xb 1969 - trg 18)

CAO ĐÀI

- K.. ! Nơi Bạch Ngọc Kinh cả thầy đều là con cái của Thầy, tức là anh em với nhau...
- ...chẳng khác nào khi trước Nhơn đạo chưa mở thì đã có Châu ông truyền rồi
- Thánh đạo Jésus chưa ra đời thì đã có Moise, Elie, Jérémy, Saint Jean Baptiste
- Đạo Tiên nguồn thì chưa ra đời thì có Hồng Quân Lão Tổ, Lão tử, Thông Thiên giáo chủ truyền đạo
- Phật Thích Ca chưa ra đời thì đã có Nhiên Đăng Cổ Phật và Brahma truyền đạo
- Thầy chưa giảng lập đạo tại nước Nam, chớ chư Thần Thánh Tiên Phật dùng huyền diệu này mà truyền đạo cùng vạn quốc.

(TNHT TN xb 1969 - trg 61-62)

Trên đây là những lời Thánh ngôn được chỉ dạy năm 1926 khi phần Phổ Độ mới thành hình, sau đây là lời Thánh Ngôn xuất phát từ một cơ đàn thuộc một thánh thất Phổ Độ do đồng tử phần Phổ độ thủ cơ năm 1935-1936 về sau thành một đàn vô vi nên do các thành viên Vô Vi ấn bản đã được các hướng đạo phổ biến trong phần Phổ Độ xin dẫn chứng ra đây để cho thấy hai phần Vô Vi và Phổ Độ đã cùng một chánh pháp :

CAO ĐÀI

- Thầy lập đạo tại xứ Nam này nhằm thời kỳ cuối cùng của nhân loại.
- Các con ôi ! Vách tường sắp đổ, nạn khổ hầu kề, Thầy há nỡ điềm nhiên tịnh tọa để xem bày con sắp phải tận vong tiêu diệt sao ? Thế nên, Thầy không nài gay khổ nhọc nhằn đem mỗi đạo mà cứu vớt các con trong hồi khẩn cấp này.
- Các con khá biết. Đạo có ba nguồn. Hạ nguồn ấy là cái số cuối cùng của Trời Đất. Trước hết mở đầu là Thượng nguồn. Thượng nguồn đây chính là nguồn của Tạo Hoá là nguồn đã gây dựng cả Càn Khôn Vũ trụ. Vậy khi mới tạo Thiên lập địa, Nhơn loại sinh ra thì tính chất con người rất đổi hờn hờn ngạc ngạc, còn đương thuần phác thiện lương nên chỉ cứ tùng Thiên lý mà hoà hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời kỳ ấy, người người đồng hấp thụ khí thiên nhiên nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc mà vui say mùi đạo thánng ngày. Bởi đó, đời Thượng Cổ mới có danh là đời Thượng đức, mà Thượng nguồn cũng kêu là nguồn Thánh đức nữa.

- Kế đó bước qua Trung nguyên thì nhân loại bất nhút, tập quán theo thói đời, thâm nhiễm những nét xấu mới làm cho xa mất điểm thiên lương, bèn cậy ở sức mình mà hiếp bức lẫn nhau, tương sát tương tàn, mạnh còn yếu mất mới sinh ra biết bao trường huyết chiến không còn kể đồng loại đồng chủng, đã lợt tình đồng nghĩa đồng bào. Bởi đó đời Trung Cổ mới có danh là đời Thượng Lực mà Trung nguyên cũng kêu là nguyên Tranh đấu nữa.
- Tiếp đến Hạ nguyên, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn gớm ghê thì nhơn loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân nên mới bày ra chước quỷ mưu tà, kế sâu, bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Đó cũng là lẽ tự nhiên, càng tranh đấu mới càng tấn hoá. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm nên tranh đấu thất phải đến thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó, thời hiện tại là đời mạt kiếp còn Hạ nguyên này là nguyên Điều tàn.
- Nhưng hễ loạn hết là tới trị, vong tất phục hưng, nên sau tiêu diệt tất sẽ bước đến nguyên Bảo tồn phục hưng để sắp lập lại đời Thượng cổ, thế nên cũng gọi là nguyên Tái Tạo...

(ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO- CHIẾU MINH TAM THANH
xuất bản 1950- trang 391)

CAO ĐÀI

- Đây Thầy sơ giải chỗ đạo Vô Vi mà ứng lộ nơi hữu hình.
- Tại sao Đại Đạo phục hưng, Cao Đài xuất thế ?
- Đạo phục hưng là vì lòng bác ái từ bi của Thầy thấy cuộc tuần hoàn hầu mãn, cơ dĩ định cận kề, không lẽ để đám con Thầy phải chung chịu trong cuộc tang điền thương hải mà bị chôn lấp cả xác hồn nên mới giáng thế phục hưng chơn truyền để chỉnh đốn đời u lệ trở lại đời Nghiêu Thuấn, cho người rõ đạo đức tu hành hầu thuận theo Thiên lý mà bỏ dữ làm lành và kèm nhơn dục để xa đường tội lỗi. Đạo lập ra cốt yếu để độ phần hồn của nhơn loại cho thoát khỏi chốn mê đồ, vòng tân khổ, nên mới gieo chơn truyền khắp chỗ, cốt tỉnh ngộ nhơn sanh.
- Đã biết rằng Đạo là thanh thanh tịnh tịnh, không ứng lộ ra ngoài, nhưng muốn lập giáo phải làm sao, phải bày cơ hữu hình cho rõ lý mới được...
- Tam giáo trước là Nho Thích Đạo vì hồng khai đã lâu đời nên bị biến cải mà thành thử phải thất chơn

truyền làm cho sai lạc mất hết cả Thiên cơ màu nhiệm, bởi đó như sanh tuy tu nhiều mà thành thì chẳng có.

- Lại cũng bị thất truyền mà tam giáo lần lần phải chịu lu mờ mịt. Nẻo chơn không ai đến, đường chánh chẳng người đi nên cỏ mọc bìm leo, gai rào cây lấp. Vì lẽ đó, nhân loại phải chịu mãi trong vòng vây luân hồi tứ khổ đày đọa mãi ở chốn trần ai. Như sanh cũng vì vậy mà lần lần tiêu đạo đức, phế tinh thần mới chuộng hữu hình nên bày ra những âm thanh sắc tướng. Không ai còn để chí lưu tâm đến chỗ thâm huyền cao viễn, chỉ ưa sự dễ dàng tạt tạt thấy tạt nghe, rồi cứ đẩy lòng như dục tham mê, mới gây tội ác nặng nề, phải mang lấy sừng lông mà bị thối hoá lại làm súc sinh vào luân hồi khổ ải...
- Ngày nay Thầy đến đây, đem ba nguồn tôn giáo hiệp nút lại tạo thành một Tôn giáo lớn lao để đời đời kiếp kiếp cho như sanh nương vào đó mà lánh cơn nạn khổ thảm sầu. Ba nền tôn giáo ấy tuy đổ sập mặc dù, nhưng Thầy cũng vì lòng từ bi chọn lựa cái nào dùng được thì lấy, cái nào hư nát thì bỏ ra : như cột kèo xuyên trính ngói gạch cái nào còn nguyên thì dùng, cái nào bể nát hay hư hao, bị mối ăn sâu đục thì bỏ ra. Cây nào cong vẹo thì uốn nó lại, trừ ra uốn không nổi thì mới bỏ...

(ĐTCTG CMTT xb 1950 trg 428-430)

Xuyên qua những lời chỉ dạy của đức Cao Đài trên đây, ta có thể nêu ra cả một lịch trình diễn tiến của nền đạo Cao Đài một cách rõ rệt. Theo đó, Cao Đài giáo không phải là một sự vay mượn chấp vá theo một tôn giáo nào mà tự nó có một quá trình bao hàm cả lịch sử nhân loại với lịch trình tiến hoá từ Thượng Cổ đến nay được truy hoàn lại. Và lịch trình diễn biến này thể hiện trong một Vũ trụ quan linh động theo hai chiều thời gian và không gian như sau :

THỜI GIAN : Về phương diện này, ta có thể đưa ra một nhận định khái quát :

- **NHỨT KỲ PHỔ ĐỘ** : Vào thời Thượng nguyên nhằm vào thời Thượng Cổ loài người cách đây trên dưới 4000 năm, với sự xuất hiện các tôn giáo nặng về dân tộc và lãnh thổ như Ai Cập giáo, Trung Hoa giáo, Ba Tỳ Luận giáo, Hy Lạp giáo, Bà La môn giáo, Do Thái giáo cho đến Linh vật giáo ở Phi Châu hay nói chung là những tôn giáo cổ xưa đã tôn thờ vị Thần độc nhất là Chúa

Tể Vũ Trụ, không nói đến các loại tín ngưỡng thú vật (animisme) nhan nhản ở các bộ lạc thiểu số khắp nơi bởi Thượng Đế không thể tượng hình vật hạ đẳng

-
- NHI KỲ PHỔ ĐỘ : vào thời Trung Nguyên nhằm vào thời Trung Cổ cách đây trên dưới 2000 năm với sự xuất hiện các tôn giáo thoát ra ngoài lãnh thổ và dân tộc như Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo với các Giáo chủ hữu hình theo nhu cầu học hỏi của xã hội loài người trong mẫu mực tự giác giác tha đã thay đổi được sự tín ngưỡng cục bộ dân tộc để tuần tự đi vào lục địa cho mãi đến ngày nay. Riêng Thần giáo thì vẫn trong phạm vi Nhứt bản mà không đi xa hơn.
-
- TAM KỲ PHỔ ĐỘ : vào Hạ nguyên hiện tại với sự qui nguyên hay hoàn nguyên các Tôn giáo ở Nhứt kỳ và Nhị kỳ Phổ Độ dưới quyền năng của đấng Thượng Đế Chí Tôn vô hình để thích nghi với điều kiện tiến hoá chung của nhân loại hướng về một Tâm Linh Vũ trụ, nguồn cội của phần hồn của vạn vật khi trào lưu vật chất nguyên nhân của sự suy đồi của thế giới văn minh mà sa đọa cùng lúc các tôn giáo chủ động sự cứu thế không còn tác dụng hữu hiệu vào nhân tâm thế tình nữa.

Cho nên, nói đến Cao Đài giáo là phải tìm hiểu cả một lịch sử nhân loại trên toàn bộ các quốc gia để minh định mức tín ngưỡng từ đa thần, phiếm thần đến độc thần là trình độ tín ngưỡng cao nhất mà nhân loại đã trải qua để có được nguồn sống từ hỗn mang bộ lạc đến dân tộc quốc gia như thế nào để có được ngày hôm nay mà phạm vi một lục địa vẫn còn hạn hẹp để nhường cho cảnh năm châu chung chợ, bốn bể chung nhà mà toàn sanh chúng trong đó có nhân loại là anh em cùng một CHA sinh dưỡng và một THẦY giáo hoá là THƯỢNG ĐẾ đang giáng phàm lần thứ ba cứu vớt khổ nạn hiện nay.

KHÔNG GIAN : Về phương diện này, ta có thể tìm hiểu như sau :

- NHỨT KỲ PHỔ ĐỘ. Thật ra khi nói đến thời Thượng nguyên hay theo các sử gia thì là thời Thượng Cổ mà cái mịt mù xa thẳm kia đã che kín tầm nhận định của các nhà nghiên cứu. Nhưng xuyên qua lời chỉ dạy của đức Cao Đài, người tín đồ rất cần tìm hiểu để cho

tín ngưỡng mình không đến nỗi mơ hồ vào giả tưởng không đâu. Lẽ cố nhiên, mọi loài động vật sinh ra từ Thượng cổ đến nay tự nhiên đã ý thức được cuộc sống của mình như loài chim trên trời, loài cá dưới nước cũng như các loài động vật sống có bầy đàn trên mặt đất bao giờ cũng đã theo một định luật tự nhiên mà bất cứ xuất phát từ đâu trên mặt đất cũng một hình thù đó, một tiếng kêu đó, một sinh hoạt cố hữu đó. Điều này cho ta nhận định một sự giáo hoá tự vô hình đã đặt để con người sinh ra từ mọi lãnh thổ khác nhau đã được lập định từ bao giờ tuy không nhận thức được bằng ngũ quan nhưng đã hiện diện bên loài người từ phôi thai. Công cuộc lập giáo này đã tùy theo căn cơ sanh chúng mỗi nơi mà trình độ khai hoá cũng khác nhau như đang tiếp diễn ngày nay. Các nhà nhân chủng học chắc khi đưa ra nhận định homo religious, homo sapien (con người tôn giáo, con người suy tư) chắc cũng đã nhận biết một hình thức tín ngưỡng đã có nơi thời man khai như thế nào rồi. Kịp đến khi mức độ tín ngưỡng đi sâu vào lòng người thì từ đa thần đến phiếm thần rồi độc thần lẽ cố nhiên được thành hình nếu không do sự giáo hoá của Vô hình thì là gì ? Cho đến thời lịch sử thì các tôn giáo ở Trung Hoa theo tín ngưỡng Thiên Đế, Ai Cập, Ba Tỷ Luân, Hy Lạp, Do Thái, Ấn Độ, nơi đâu cũng có một màu sắc tín ngưỡng như đã nói trên để hướng dẫn loài người trong cuộc sống với thiên nhiên mà cái hình ảnh thời đại Nghiêu Thuấn còn để lại những di tích thanh bình nếu không đã có được từ lò luyện Thiên nhiên thì từ đâu ? Và như thế một chương trình cứu độ của Thượng Đế đã có lần đầu tiên gọi là Nhứt kỳ Phổ Độ là một chân lý tự nghìn xưa không thể không có để cho loài người tiến hoá từ thời hoang sơ cho đến bộ lạc rồi phạm vi quốc gia...

-
- NHI KỲ PHỔ ĐỘ : Vào thời Trung Cổ thì sự kiện diễn tiến rõ rệt hơn. Lẽ cố nhiên, cái định lệ "mạnh được yếu thua, khôn nhờ dại chịu" là từ định luật Vũ trụ mà ra, mọi loài động vật không thoát khỏi định luật đó trong sự sống còn từ thời nguyên thủy đến bao giờ. Nhưng với nhân loại thì sự kiện này càng sôi động hơn vởi mức tranh cạnh tham sống để trở thành tranh đấu càng theo thời gian càng khốc liệt khi mà địa vị của họ trong Vũ trụ càng linh động hơn khi sự sống còn trên thế gian theo đà nhu cầu vật chất cụ thể và hấp dẫn hơn. Do đó, các giáo

chủ xuất hiện với sứ mạng khác nhau trên những lãnh thổ khác nhau theo nhu cầu cứu độ cần thiết mà Tạo Hoá đã đặt để cho loài người. Đó là các Tôn giáo nối tiếp các nguồn Tôn giáo trước như Thiên Chúa giáo với kinh Tân Ước sau kinh Cựu Ước của Do Thái giáo cũng như Hồi giáo cũng từ một tín ngưỡng đức Chúa mà ra, Phật giáo cũng không phủ nhận được những yếu lý luân hồi quả báo từ Bà La môn cũng từ Hy Lạp giáo mà có. Trong khi đó thì Lão giáo Khổng giáo cũng từ lý Thiên Đế với Lý Thái Cực từ Phục Hy với lời ghi nhận của đức Khổng : "Thuật nhi bất tác..." Tính cách cứu độ kỳ này đã khai thông từ phạm vi quốc gia ra đến các lục địa cùng nhịp khai triển xã hội của loài người.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ : Vào thời Hạ nguơn ngày nay thì khỏi phải nói không ai là không thấy cái cảnh phong hoá suy đồi, cang thường lụn bại của cái thời văn minh mà sa đọa của thế giới hiện nay chỉ vì hai chữ quyền và lợi mà nguyên nhân không phải từ một cá nhân , một quốc gia, hay một lý thuyết đơn độc nào mà phải nói là do tất cả những tàn dư của các thành kiến xã hội từ nghìn xưa trong đó tôn giáo đi đầu. Những tệ hại vì nạn vật chất nhứt thời lôi cuốn nhân loại vào hố sâu tội lỗi thêm vào nạn tâm linh cần cỗi không còn sức cảnh tỉnh loài người khi hàng giáo phẩm cũng không tránh được những sắc tướng lập di, với căn bệnh độc tôn kỳ thị làm cho ngày tận thế mà các giáo chủ của họ đã tiên tri đang đến khi phần nhân tính của con người hầu như không còn nữa.

Cho nên, một điều kiện huồn nguyên các giáo thuyết từ xưa với sứ mạng cứu thế không thể không có nếu muốn cho nhân loại không bị tự diệt do tội lỗi của mình gây ra mà các bài thuốc của các giáo chủ xưa đã mất đi phần hiệu nghiệm mà không một cá nhân nào dù có được một Tâm linh cao trỗi phi thường cũng không có khả năng cứu thế được vì trình độ tấn hoá của con người không chấp nhận được. Do đó, nói đến Cao Đài giáo là nói đến cả một lịch trình diễn biến của tất cả các nguồn tín ngưỡng trên thế giới từ xưa đến nay với sự tôn thờ một LÝ ĐỘC NHẤT CHỦ TỂ CAN KHÔN THẾ GIỚI có một không hai. Đó là nền tảng giáo pháp của CAO ĐÀI GIÁO hay ĐAI ĐAO TAM KỲ PHỔ ĐỘ nhằm vào sự cứu độ toàn thế giới nhân loại trong cảnh nước sôi

lửa bỏng mà không một quốc gia nào phải riêng chịu nỗi tai hoạ nặng nề.

ĐẶC TÍNH CỦA BA THỜI KỲ KHAI GIÁO :

NHỨT KỲ và NHI KỲ PHỔ ĐỘ: Dù mang tính chất bộ lạc hay dân tộc ở Nhứt kỳ Phổ Độ hay tính chất địa phương lục địa như ở Nhị kỳ Phổ Độ, các hình thức tín ngưỡng ở hai thời kỳ này đều mang một sắc thái như nhau :

- 1- *Dùng hình thù cá nhân để làm biểu tượng giáo hoá nhân loại.* Những hình thù này được mô phỏng từ một hiện tượng thần quái nào đó mang tính huyền thoại nhân tính với các đặc điểm dị thường (Nhứt kỳ Phổ Độ) hay một thân hình người toàn vẹn của một dân tộc đã được mặc khải để đưa ra những nguồn cội giáo lý căn bản thời sơ khai để từ đó các môn đệ truyền lại về sau làm thành một giáo thuyết thích nghi cho một hoàn cảnh nhân sinh đương thời cần sự cứu độ mà có như ở Nhị kỳ Phổ Độ...
- 2- *Giáo điều có tính biệt lập cho một địa phương suy diễn ra mà thôi.* Mỗi Tôn giáo có một lập thuyết riêng, dễ thường mâu thuẫn với các tôn giáo khác. Đó là những thành trì ngăn cách tầm hoạt động tâm linh của con người khi họ có cùng một cấu tạo thể xác không khác nhau. Cũng do đó mà nhìn chung, nhân loại không thể nghe đâu là Đạo pháp phải theo đâu là ngụy thuyết phải tránh trên bước hành trình vào vũ trụ chỉ có một ngã mà thôi trong khi các giáo phẩm mỗi tôn giáo thì tự là mình mới là chánh pháp còn ngoài ra là tà giáo
- 3- *Tông chỉ mang tính độc tôn, đẳng cấp.* Giáo chủ phải được tôn thờ hơn tất cả, mệnh danh là thể tôn. Tính độc tôn này đã tạo ra những thứ bậc hay đẳng cấp trong hàng giáo phẩm buộc mọi tín đồ phải phục vụ ngoan ngoãn dưới mọi hình thức đã có từ thời chính trị phong kiến mà ra khi trong cõi vô hình không có như thế. Sự việc đến nỗi, tín đồ một tôn giáo này xem thường giáo chủ của tôn giáo kia và hàng giáo phẩm tự cho mình cái quyền được tín đồ lạy lưc như cha mẹ vì đạo hạnh của họ xứng đáng được như thế. Đây là một căn bệnh di truyền rất có hại cho một tâm linh cao trỗi khi ý thức rằng sự lạy lưc mà mình thụ hưởng là một món nợ

tinh thần phải trả bởi vì biết đâu trong số những tín đồ kia có những nguyên nhân cao trỗi hơn mình hay dù không đi nữa thì họ cũng đã có một thái độ với mình tức là mình mắc nợ họ vậy.

Trên đây là những tề đoan trở nên thành kiến cố hữu đã có trong hai kỳ truyền giáo trước còn lưu tề đến ngày nay. Thiết tưởng Tôn giáo nào cũng mang một sứ mạng như nhau trong công cuộc cứu nguy nhân loại như đức Phật gọi là cứu vớt chúng sanh, đức Chúa gọi là cứu chuộc loài người v.v.. Có tôn giáo nào nói chỉ cứu tín đồ của mình mà thôi đâu, nhưng ngược lại, người tín đồ chỉ biết đức giáo chủ của mình cứu mình mà thôi còn người khác không tin nên không được cứu...Chính đó là tính chủ quan có hại của tôn giáo mà hàng giáo phẩm phải chịu trách nhiệm đối với sự đánh mất đức tin của nhân loại khi cần đến nó vậy.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ : Chính vì những lẽ trên mà lần khai giáo kỳ ba này, đức Thượng Đế Cao Đài đã dùng huyền diệu giáng thế ban hành một Tôn giáo mới với hai đặc điểm :

- làm khơi động lại những nguồn cội Chánh lý từ trước vốn bất di dịch trong thời gian dù Vũ trụ vẫn biến thiên theo một định luật cố hữu mà nhân loại đã và đang tuân theo để tìm một đường lối tự cứu lấy mình.
- dùng phương lược thích nghi theo cục diện không gian dân chủ bình đẳng hiện hữu mà gieo nền đạo mới vốn là mạch sống chung vũ trụ để cảnh tỉnh loài người không phân biệt địa phương hay chủng tộc giới tính với tinh thần bình đẳng như nhau trên mặt địa cầu này..

Thánh ngôn có ghi như sau :

CAO ĐÀI

- Thầy thấy cuộc đời biến đổi, thời khí bất hoà, nhân tâm xu hướng về đường vật chất, bỏ mất tinh thần nên phạm vào đường tội lỗi, thiệt là đời làm lũi mãi mà không định hồn tự hối, xúm lẩn chen lặn lội tranh giành mùi tục lụy mà thay đổi chí cao minh.
- Ba nền chánh giáo Nho Thích Đạo đã nghiêng chính, nhờn loại thầy chuộng hữu hình, không cần vô vi thâm viễn.
- Nay đã đến thời kỳ cuộc tuần hoàn giáp mối, nền Đạo Trời vận chuyển mà phổ hoá sanh linh.
- Tam giáo xưa kia lập đạo, lúc ban sơ truyền bá cơ diệu lý quang minh, bắt đầu từ chỗ vô vi khẩu thọ

tương truyền, lần lần xuống trở ra hữu hình mà đạo màu thất chánh, tâm pháp lạc sai, ấy là cơ đạo đến thời kỳ cuối cùng của Tam giáo thất chơn truyền diệu pháp.

- Còn Đạo Thầy trái hẳn với Tam giáo là bắt đầu truyền đạo thì dùng hữu hình trước rồi sau mới trở lại Vô Vi là cơ siêu phàm nhập Thánh. Vậy thì trước dùng cơ hữu hình để phổ hoá cho cơ đạo dễ lưu hành rồi cứ đó mà dắt dần cho nó tấn hoá mãi trên con đường cao thượng riết đến chỗ hư không tức là Vô Vi thì đạo pháp mới phát sinh, cơ diệu lý huệ tâm ứng lộ. Thế là Đạo Thầy không hư hoại đặng...
- Mà Thầy lập giáo kỳ này lại trái hẳn với nền cổ đạo. Thầy chỉ dùng cái huyền cơ bí pháp mà truyền đạo khắp dân gian. Thầy đem chơn pháp diệu huyền trao cho người luyện thành chánh giác thì phần hồn huần nguyên. Bởi thế, Thầy đã dùng huyền diệu cơ bút để hoằng khai cơ quan vô vi Đại Đạo. Cùng nguyên lý ấy, Thầy nhứt định không giao chánh giáo cho tay phàm nữa về mặt phổ độ vì trước kia Tam giáo thất chơn truyền là cũng bởi Thánh giáo ở trong tay phàm, nên canh cái làm sai lạc pháp lệnh. Vậy Thiên thơ Thầy định ngày nay lập giáo như vầy :
- 1- Trên là dùng huyền diệu thiêng liêng mà bảo tồn cơ đạo
- 2- Dưới để tự Thầy định mới có thể chuyển hoá nổi nhơn tâm đủ sức Thần thông vận hành chơn giáo, chớ nếu Thầy mà mượn xác thịt nặng nề thì làm sao biến hoá thiên hình vạn trạng mà phổ độ chúng sinh...Nhưng Thầy cũng phải mượn xác phàm Ngô minh Chiêu đặng Thầy đem cái chơn pháp tâm truyền mà trao lại cho các con giữ gìn hầu sẵn có trao lại cho người thiện căn hữu phước. Thầy lại luyện cho các con thấy cái cái pháp bí diệu đó đặng rõ cơ màu nhiệm siêu phàm tạo Thánh thai để cho linh hồn nương đó mới trở về chỗ hư vô hiệp với Thầy là nơi an nhàn
- tư tai. Xong rồi, Thầy lại trở về đặng dùng pháp thiêng liêng mà chuyển hoá chúng sanh hoằng khai chánh đạo.
- Tại sao Thầy đã nói không giao chánh giáo cho tay phàm, không xuất thế mượn xác phàm như Tam giáo mà rốt cuộc Thầy cũng xuất thế, cũng có trao chơn pháp cho các con, Thầy giải cho các con rõ.
- Nguyên Tam giáo ngày nay đã thất kỳ truyền, tông chỉ sai lạc, cơ quan giả tướng, cho nên tu thi nhiều mà không ai thành chánh quả. Vậy nên nay Thầy phải

giảng thế mượn xác phàm để đem cái tâm pháp bí truyền ấy trao dạy cho chúng sanh hầu thoát vòng luân hồi sanh tử. Nếu không mượn xác phàm làm mẫu mực thì hoá ra lý thuyết suông sao. Mà hễ bí pháp thì khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thọ, không được thấu lậu ra ngoài cho ai biết đặng cả đến người thân trong gia đình, hoặc bày vẽ giải phân trên giấy mực hay là dùng cơ bút phổ thông mà truyền đạt được.

- Cơ bút là để nắm quyền hành đạo, một bên là giữ đúng tâm pháp, một bên là để phổ hoá chúng sanh, làm ngọn đuốc quang minh mà dẫn dắt người đến chỗ bản nguyên là cuối cùng mục đích đó thôi. Ấy nghĩa là Thầy dùng cơ bút mà truyền đạo đức tinh thần và huấn luyện vạn linh cho trở nên hạng người chí đức cao siêu Tiên Thánh Phật vậy...

(ĐTCG - CMTT xb 1950 trg 60-62)

Như vậy, Tam Kỳ Phổ Độ quả đã vạch ra một đường hướng mới khác hẳn với các tôn giáo xưa, không phải là làm cho chon truyền cứu thế khác đi mà chính vì sự phục hồi phần căn cơ uyên nguyên của chánh pháp cứu thế đã bị sai lạc đi cho đúng với nhu cầu cứu thế hiện đại trong buổi hạ nguơn này mà các tôn giáo xưa không còn hiệu nghiệm nữa.

Xuyên qua những chỉ dạy trên đây, ta có thể luận giải như sau :

- 1- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không có Giáo chủ hữu hình như các Tôn giáo trước cũng không được biểu thị bằng các hình tượng dưới hình thức nào. Nói thế có nghĩa là Giáo Chủ của Cao Đài giáo là đức Thượng Đế mệnh danh Cao Đài vô vi độc nhất mà thôi. Tất cả những cá nhân phạm tục dù là hàng giáo phẩm mà mạo nhận danh nghĩa Ngài trong ngôi vị này cũng đều bị phạm luật Thiên điều không hề được nhìn nhận dù một nhóm hay một tập đoàn, một chi phái có tôn xưng như vậy thì cũng chỉ là tà tâm phàm phu nhứt thời không thể tồn tại lâu dài được. Đây là một Chánh pháp từ đức Cao Đài chỉ dạy bằng cơ bút mà cho dù đã thành đạo tại thế như đức Ngô minh Chiêu - người được đức Cao Đài giao cho nhiệm vụ **làm chủ mới đạo** trong buổi đầu tháng 2-1926 (1) thì Ngài cũng không dám nhận kia mà. Những biểu tượng hữu hình như thời trước chỉ có tính thời thượng tùy theo căn cơ của chúng sanh đó thôi, chớ

(1) xin xem Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPD - phần Phổ độ cùng tác giả

không phải là điều kiện cần thiết khi mà trình độ tiến hoá của nhân loại đã đến lúc không thể chấp nhận các hình tượng hữu hình nữa.

Cứ xét thành quả đạo học căn bản của nhân loại còn tìm thấy khắp nơi trên quả địa cầu, thì không một cá nhân nào có thể đại diện cho nền đạo học bao quát từ cái quan niệm linh hồn nơi con người với lẽ thiện ác nơi các dân tộc Trung Á và Hy Lạp đến các thuyết Thiên Địa Vạn Vật nhất thể trong kinh Dịch của Trung Hoa và cái quan niệm atman (tâm linh con người) là một phần của Brahman (Tâm linh Vũ trụ) trong kinh Vệ Đà mà cái công thức Tat Svam Asi (Thủ túc bỉ) của Ấn Độ, các nền triết học Á châu vẫn còn nằm nguyên trong kinh sách, mấy người đã hiểu thấu khi cái quan niệm hữu vũ trụ (cosmic) của Trung Hoa và cái quan niệm vô vũ trụ (acosmic) của Ấn Độ được dung hợp trong câu Thánh ngôn mà đức Cao Đài đã dạy từ 1926 : ĐAO THẦY LA`CÁC CON (Thiên Địa vạn vật nhứt thể) CÁC CON LA`THẦY (Thủ túc bỉ) (1) Và chẳng, hai dân tộc Trung hoa và Ấn độ đã thừa hưởng những ân huệ thiêng liêng qua các bí nhiệm vũ trụ, một phần nói lên hệ thống dọc (Trung hoa) một phần nói lên hệ thống ngang (Ấn độ) mà nhân loại đã tiếp nhận một quan niệm về nhân sinh và vũ trụ đến nay mới có được sự dung hoà trong Cao Đài giáo như đã nói trên đây ?

- Ý NGHĨA CHỮ VẠN (SWASTIKA) TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Sự dung hoà hai quan niệm vũ trụ Trung Hoa và Ấn Độ dọc truyền kỳ lịch sử nhân loại này đã hiện diện dấu tích trong các kinh sách Cao Đài giáo thời sơ khai bằng hình chữ VAN (Swastika) (2). Người tín đồ Cao Đài không biết rõ sự kiện xuất hiện chữ Vạn này do đâu và có ý nghĩa gì khi các kinh sách và các đền thờ tịnh thất khắp nơi từ phần Vô Vi Chiếu Minh Tam thanh (Cần Thơ) cho đến phần Phổ độ Toà Thánh Tây Ninh cùng các tịnh thất Bến Tre, Tiên Thiên, Minh Chơn đạo, Trung Việt không đâu là không có, đến nỗi sau đó bị thực dân Pháp buộc phải hủy

(1) xin xem THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN

(2) không phải chữ Vạn của Phật

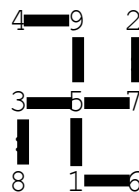
bỏ vì cho là thân Đức vì chữ Vạn này quay nhánh về bên trái, y như của quân đội Hitler vào đầu thập niên 1940. Phải chăng sự trùng hợp giữa hình chữ Vạn trong hình đồ ma phương của Hồng Phạm Cửu Trù trong kinh Thư của Trung Hoa với hình chữ Vạn của truyền thống thần bí trong kinh Vệ Đà của Ấn Độ trong lịch sử nhân loại từ khi sự tín ngưỡng độc thần THIÊN ĐẾ đã thành hình, điều này có nghĩa là khi Nhứt kỳ Phổ độ bắt đầu cho đến khi Tâm Linh Vũ trụ được xác nhận vào thời Nhị kỳ Phổ Độ, cả hai cùng đã vũ trụ hoá những con số 1-2-3-4-5-6-7-8-9 mà mỗi con số có mang theo một ý nghĩa giải thích hiện tượng vũ trụ mà mô hình triết lý hai nơi hầu như phụ giải cho nhau. Đặt biệt con số 5 được đặt tại trung tâm chữ Vạn, nơi kinh Thư thì chỉ ngũ sự (mao ngôn thị thính tư) ứng với ngũ hành (kim mộc thủy hỏa thổ), nơi kinh Vệ Đà thì chỉ 5 yếu tố bất diệt prana (tư tưởng, ngôn ngữ, hơi thở, thị giác, thính giác) đối lập với 5 thành phần tiêu hủy (tóc da thịt xương tủy).

Cả hai nơi đều chỉ vào nguyên lý căn bản của sự sống còn nhân loại cho ta thấy tự ngàn xưa đã đặt phần NHÂN (con người hiện sinh) vào phần trung tâm VŨ TRU. Phải chăng, theo truyền thống đó mà nền triết học Cao Đài ngày nay đã đặt nặng phương châm cứu độ vào ba nguyên lý NHÂN SANH, NHÂN TRÍ, NHÂN ĐỨC, (1) chính là muốn khơi lại một nguyên lai xây dựng từ Nhứt kỳ Phổ Độ ? Phải chăng những bí ẩn trong hình chữ Vạn cách đây 4000 năm chưa được hiểu rõ mà sau này nảy ra chữ Vạn của Phật giáo (nhánh quay về phía phải) mà có người cho rằng như vậy mới tốt còn quay về trái là xấu ? (2) Dù sao, chữ VẠN của Cao Đài giáo là biểu hiệu của sự nối tiếp truyền thống đạo học Đông phương từ thời cổ xưa nhất của nhân loại. Nó cũng cho biết Cao Đài giáo là một chủ thuyết nhân sinh vào thời hiện đại tiếp nối sự cứu độ nhân sinh đã có trong nền đạo học Đông phương từ Nhứt kỳ qua Nhị kỳ đến Tam kỳ vậy.

(1) xem chương Phương châm cứu độ sau

(2) theo quan niệm thế gian

Chữ VẠN (SWASTIKA)
thần bí Đông phương



2- Có người cho rằng đạo Cao Đài phải là quốc đạo của Việt Nam. Tôi e rằng điều này không mấy cần thiết khi mà Cao Đài giáo đã ban hành *một phương châm cứu thế không hạn hẹp trong một tư phương mà phải rộng ra cùng thế giới nhân loại.*

Nói thế có nghĩa là khi Cao Đài giáo nêu lên tông chỉ tối thượng :

TAM GIÁO QUI NGUYÊN, NHỮ CHI PHUC NHỨT
đương nhiên, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một động cơ cứu thế bắt đầu từ một dân tộc được nuôi dưỡng đến thắm nhuần nền đạo học ấy mà cơ duyên Thiên định để làm đà tiến rộng dần ra cùng nhân loại. Nhưng không phải là đem cái truyền thống một dân tộc đặt lên tín ngưỡng các dân tộc khác như các tôn giáo trước đã làm.

TAM GIÁO QUI NGUYÊN tức là giai đoạn đầu huần nguyên (trở về nguồn) ba nền chánh giáo ở Động phương (Nho Thích Đạo) vốn là ba tôn giáo có một nguồn cội thâm sâu trong lịch sử nhân loại với tông chỉ thâm uyên bao quát đang được đa số nhân loại chiêm ngưỡng. Đây là khởi điểm của nền đạo học Đông phương làm qui củ chuẩn thẳng cho nhân loại từ thời Thượng Cổ được tiếp nối về sau mà nhân loại cần biết để sẽ tìm ra mọi chiều hướng cứu độ khắp nơi trên thế giới mà tinh thần hiệp nhứt vẫn là giai đoạn cuối cùng của công cuộc giáo hóa nhơn sanh một cách tổng quát không thiếu đi được.

NGŨ CHI PHUC NHỨT là giai đoạn cuối chính là phần bổ túc vào cái tông chỉ Tam giáo qui nguyên để hoàn thành mục đích cứu độ Vạn giáo nhứt lý bao gồm cả hệ thống tín ngưỡng của nhân loại từ xưa nay dù Đông hay Tây, con người vẫn cùng một tín ngưỡng về tâm linh in hệt. Đó là cả một hệ thống đạo học gồm đủ mọi thành quả PHẬT TIÊN THÁNH THẦN NHƠN mà hiệu năng cứu độ trải dài theo thời gian và không gian từ xưa

đến nay trên khắp mặt địa cầu dù Đông hay Tây cũng đều bao gồm trong đó. Sự phục nhút (trở về một) này bổ túc cho phần qui nguyên trên nói lên một căn bản là Đạo chỉ có một và Chánh pháp không hai, nằm trong ý nghĩa câu " Đồng qui nhi thù đồ " được xem như là căn bản Đạo học của toàn nhân loại vậy.

Tông chỉ này đã được đức Cao Đài truyền dạy tại nước Việt Nam, nơi một giống dân mang sẵn tính chất tổng hợp kể như một mệnh lệnh buộc phải nghe theo vì chính là căn bản của một nền văn hiến được cố kết từ năm ngàn năm mà di tích do các nhà khảo cổ còn tìm thấy ở Đông Sơn và Bắc Ninh chứng tỏ một cách cụ thể.

3- Do những điều chỉ dạy trên mà Cao Đài giáo ban truyền một căn bản giáo pháp làm quân bình giữa các tôn giáo. Đó là *tính chất bình đẳng giữa các Tôn giáo với nhau, cũng có nghĩa là giữa người với người không hơn nhau một khi đã có cùng một sứ mạng cứu độ* Đã nằm trong tông chỉ cứu thế của một Quyền Năng vô lượng, sự khác biệt về hình thức sắc tướng giữa các tôn giáo chỉ do hoàn cảnh địa phương và tập tục quần chúng mà ra. Tôn giáo thật có tính cứu độ không phải do những chức phẩm màu mè áo mão cân đai mà chỉ có khi nào làm cho tín đồ được cảnh tỉnh, nhận thức được giá trị của mình giữa một cuộc sống không phải chỉ có cá nhân mình mà chung cho cả nhân loại không phân biệt chủng tộc hay lãnh thổ quốc gia. Như vậy thì dù là Phật, là Tiên, là Thánh, là Thần, tất thảy đều từ một nhân thân giác ngộ mà ra trong cái nghĩa của điểm khai nguyên nên hàng phẩm vị vô hình.

Tuy nhiên, con người hiện sinh không phải chỉ mang cái thể xác hiện tại mà họ đã phải trải qua bao nhiêu kiếp trước kể từ khi bắt đầu xuất phát từ Tâm linh Vũ trụ mà ra từ nguyên thủy nên sự tu học ngộ đạo của một người còn tùy theo kết quả ở những lần trước, không phải là một sự ngẫu nhiên mà có. Cho nên, người tín đồ Cao Đài ý thức rằng trong sự tu học của một tín đồ của một tôn giáo có sự đưa đẩy của vô hình không khác một bộ máy có tần số ứng hợp. Chẳng hạn khi muốn nghe một đài nào thì tùy theo tần số đó. Chẳng khác gì người tín đồ tin theo một giáo thuyết chỉ vì họ có mức độ của giáo thuyết đó mà thôi. Mà trình độ giác ngộ của con người tùy hoàn cảnh, tùy mức tu tiến có làm sao như nhau, nên mức

tín ngưỡng cũng sai biệt như ta đã biết. Ngặt vì sự hiểu biết sai biệt đó mà sinh ra kỳ thị, cạnh tranh hơn thua nhau làm cho xã hội thêm phần đen tối. Nói cách khác, người tôn giáo phải biết mình nhu một cành cây mà ra, dù xu hướng khác nhau nhưng cũng cùng một cội thì mới giúp cho tôn giáo xây dựng công cuộc cứu thế mới có hiệu quả. Còn đố kỵ, còn tranh giành hơn thua nhau, rồi từ lời qua tiếng lại đến các vũ khí trong tay như hiện tình đã và đang xảy ra cùng khắp thì tất nhiên tính chất cứu độ không thể tồn tại từ một nhân thân đến cục diện xã hội cũng mất đi vậy.

Cho nên, đối với Cao Đài giáo, phần truyền thống tinh hoa của các dân tộc phải được tôn trọng, không vì một tín ngưỡng cục bộ địa phương mà đem áp đặt lên thì tự nhiên ý nghĩa của sự cứu độ kia chỉ là công cụ của tà quái mị dân mà thôi. Chủ nghĩa thực dân trước đây đã vấp phải tệ trạng này nên mức độ tín ngưỡng kia dù đã có cũng không làm sao thắng đoạt được tinh thần truyền thống cố hữu của dân tộc đó. Các loại kinh điển vô thần đã làm cho các dân tộc khuynh đảo vì chiêu bài xã hội cảm thú đến nay đã bị chôn vào sọt rác chính là một tang chứng của loại tín ngưỡng giáo điều ma mị này.

Từ tính chất bình đẳng giữa các tôn giáo có sự bình đẳng giữa các chủng tộc và giữa các dân tộc với nhau. Bởi thế sự kỳ thị giữa các chủng tộc hay sự thống trị của một dân tộc này trên một dân tộc khác quả là điều vi phạm nguyên tắc sơ đẳng của con người giữa vũ trụ do những thành kiến vị kỷ không thể nào tồn tại trong một xã hội thuần lương đạo đức được, huống hồ đem dùng con mồi tôn giáo mà chính sách thực dân cũ rồi mới trước đây đã làm thì quả là một nghiệp chướng mà các tôn giáo hữu thần hay vô thần từ Tây phương phải trả cho xong suốt trong thời kỳ đồ hộ của thực dân rồi cộng sản từ hai thế kỷ gần đây, một đảng với chiêu bài khai hoá, một đảng với chiêu bài giải phóng mà thời hạ nguơn đã đến một cách tang thương dù trong cảnh xô bồ văn minh mà điên loạn...

Nói tổng lại, với tính chất tổng hợp dung hoà và bình đẳng trong Cao Đài giáo, không ai không nhận thấy một sự bao gồm đủ các trào lưu tư tưởng Đông

Tây kim cổ trong sự " trở về nguồn " vốn là tinh thần cố hữu của nền văn hoá nhân bản làm mạch sống đại đồng vô biệt của loài người từ Thượng Cổ đến nay giữa một Vũ trụ quan và một Nhân sinh quan linh động bao quát vậy.

Trên quan điểm này, một khoa Tôn giáo học sẽ được đề ra cho nhân loại tìm hiểu vai trò của các tôn giáo từ xưa nay để nhận định đâu là Tình Thương quảng đại, đâu là thành kiến mị dân, để cảnh tỉnh loài người trong cơn nước sôi lửa bỏng của thời hạ nguơn mặt kiếp này, hầu tìm phương cứu độ hữu hiệu kịp thời, không còn trở ngại bước tiến của Tâm Linh Con Người trong lòng Vũ trụ .

Nói tóm lại, Cao Đài giáo đã hoằng dương chánh pháp trong tư thế của một hệ thống cứu độ toàn diện có nguồn cội thâm sâu trong lịch sử nhân loại trải dài theo thời gian và hiện thực trong không gian qua mọi triều đại quốc gia với trình độ giác ngộ từng cá nhân cũng như tập thể chúng sanh liên hệ không phân biệt chủng tộc hay giới tính hoặc giai cấp nào. Công cuộc cứu độ vẫn tiến hành trong tinh thần đại đồng vô biệt đã có từ Thượng nguơn đến Trung nguơn và Hạ nguơn ngày nay là thời điểm cao trào cứu độ phải bao quát và thích nghi hơn. Tất cả không ra ngoài định luật Thiên điều và trình độ giác ngộ của nhân loại mà không một Tôn giáo nào đã có tự cho mình là chủ động mà tất cả mọi tôn giáo phải ý thức tính nhứt thời của mình mà cùng chung xây dựng nền hoà bình chung nhân loại mà tự mình phải chấm dứt những xung đột nội bộ vốn là đầu dây mối nhợ cho mọi chiến loạn hiện đang sôi sục trong khi nhân loại đang đi vào cảnh năm châu chung chợ bốn biển chung nhà này. Mong rằng các hàng giáo phẩm phải ý thức căn bệnh này trước khi lớn tiếng rêu rao việc cứu thế vậy.

III= VŨ TRỤ QUAN

Có thể nói Vũ trụ là một đề tài mà xưa nay không Tôn giáo nào không đề cập tới hoặc bằng những biểu tượng lý kỳ hoặc thêu dệt hoa hòe trong kinh điển mà mỗi Tôn giáo giành riêng cho mình cái thế giới u huyền đó đầy đầy các hàng giáo phẩm của riêng họ mà thôi. Phật thì mới hằng hà sa số, Thánh thì tư phong các đẳng cấp ê hề thôi khôn kể xiết.. Dù cách này hay cách khác, Vũ trụ vẫn là một bí nhiệm mà với trí lự phàm phu, con người chỉ được biết một phần nào trong đó theo khả năng của mình mà thôi khi vũ trụ chỉ có một mà các tôn giáo đã chủ quan theo mình mà khiến cho vũ trụ bị phân chia thêm mù mịt đi thôi.

Các Giáo chủ trước tự họ thường ít khi nói rõ về vấn đề này. Thật ra thì không phải các Ngài không cảm nhận được một khi đã có được một Tâm linh cao trổi, nhưng vì trí lự của chúng sanh không đủ để thấu đáo những điều mà các Ngài muốn nói ra. Cho nên từ xưa nay, các loại kinh điển cũng chỉ đưa ra những quan niệm và nhận định về Vũ trụ bằng biểu tượng chỉ có thể hiểu theo một khía cạnh nào đó mà thôi, chứ không thể nào đương nhiên nhìn nhận sự thật như thế vì đó chỉ là do hàng môn đệ chứ không phải tự các Giáo chủ làm ra.

Điều này được minh chứng qua sự khác biệt giữa các truyền thống tư tưởng nhân loại về Vũ trụ. Chỉ trong sự thành hình Vũ trụ, Tây phương bảo có bảy ngày (ngày thứ bảy hàng tuần gọi là Chúa nhật) trong khi đó Đông phương cho là chín ngày (Ngày mồng 9 tháng giêng âm lịch gọi là ngày viá Trời). Cơ Đốc giáo thì bảo có một đấng Chúa Trời tạo dựng địa cầu với bàn tay của Ngài rõ rệt như một con người có thật không khác một người thợ hay một điêu khắc gia v.v... Phật giáo thì cả quyết(?) không có ai tạo dựng cái Vũ trụ này cả, khi các sư Tàu (1) tự cho rằng chỉ có một cái gọi là "nhơn duyên" khởi nghiệp và căn cứ vào lời Phật dạy rằng "sự đi tìm

- (1) nhà sư Nhật Suzuki không thừa nhận việc này như chú thích trước

để giải thích vũ trụ chỉ vô ích khi sự khổ của con người cần nói đến hơn." Trong khi đó, thì Khổng giáo lại bảo " vị nặng sự nhân yên nặng sự quý " (chưa biết lo phụng dưỡng người sống mà nói đến thờ người chết làm gì) cũng hàm ý một nhân định về nhu cầu hiển nhiên của cuộc sống hơn là những tìm biết về thế giới vô hình phía sau cuộc sống đó.

Hồn nhiên và độc đáo nhất là sự giải thích Vũ trụ theo Lý Thái Cực của Phục Hy qua hiện tượng Bát quái phát khởi từ biểu thức " Long mã hà đồ " Nhưng từ những vết rằn ri trên lưng con ngựa giữa sông mà biện giải ra thành cái lý biến thiên của vũ trụ thì thật là một sự lạ còn lạ hơn những chuyện huyền bí ở cái thời đại văn minh khoa học thời nay. Nhưng mà những luận giải về biến hoá vũ trụ trong kinh Dịch kia lại ứng dụng vào cuộc sống nhân loại một cách xác thực, từ đó lại là một môn đạo học cao siêu người thường mấy ai hiểu nổi chỉ vì đó là sự khám phá của Thánh nhân được gắn vào những nét gạch tầm thường .

Cho nên, với sự khám phá của con người, dù con người đã đến mức độ cao trỗi thì cũng chỉ là những mơ hồ trước nhận thức của nhân loại không phải là hiện thực khi quần chúng không đủ khả năng lãnh hội những phần Chân lý bộc lộ nơi các giáo chủ đề ra nên các loại kinh điển xưa nay cần phải thận trọng khi đề cập đến khi chân lý nằm trong đó không phải mịt mù trước nhãn giới của kẻ tu học.

Cũng do lẽ đó mà có những mâu thuẫn giữa phần Chân lý trong kinh điển dưới sự phát kiến của khoa học ngày nay. Lẽ cố nhiên, mỗi tôn giáo đáp ứng cho nhu cầu tu học của một trình độ nhân sinh tùy theo căn cơ của họ không ai như ai, nhưng các tín đồ cứ khư khư vào kinh điển tôn giáo mình mà tự đề cao mà bất kể mọi người như lịch sử nhân loại đã để lại từ nghìn xưa. Cho đến khi có những phát kiến của khoa học với các nhà Thông thái thì các hiện tượng gọi là chân lý trong tôn giáo mới thấy mình lộ bịch phạm phụ mà thôi - vụ án Galilée tại Ý chẳng hạn - Nhưng ta phải nhận thấy đây cũng là phần khả thị của Chân lý vũ trụ do đấng Tạo Hoá ban cho nhân loại - nơi các nhà thông thái - khi trình độ tấn hoá của con người đủ để lãnh hội mà ra.

Tuy nhiên , nếu chỉ căn cứ vào những gì có thấy, có nghe và có biết thì thiết tưởng sự hiểu biết của con người không bao giờ đi quá xa tầm mắt và tầm tay của họ. Các nhà khoa học ngày nay nào đã biết những gì khác mà tiền nhân Trung Hoa, Hy Lạp cũng như Ấn độ biết đâu. Lẽ cố nhiên, những tế vi của vật chất chỉ được nhận diện trong tầm khảo sát của khoa học ngày nay nhưng nếu vút đi phần tâm linh cao trỗi nơi những nhà thông thái kia thì xã hội ngày nay đã có được những gì ? Cho nên, Tôn giáo là lò luyện các phần Tâm linh kia từ bao giờ đã là những thành trì tu dưỡng cho nhân loại không chối cãi. Thử hỏi xã hội loài người chỉ biết có ăn có mặc có hưởng thụ vật chất mà không có sự nuôi dưỡng tinh thần làm trụ cột cho mọi phát kiến mới thì xã hội sẽ đi về đâu ? Tôi muốn nói đó là những thành quả của một nền tu học nhân bản mà con người đã được lãnh hội từ bao giờ để đến thời kỳ phải thị hiện những công trình to tát và thích nghi theo sự đòi hỏi của luật tấn hoá cần cho xã hội loài người mà có, truy nguyên cũng từ lò giáo hoá tự cõi vô hình mà ra, hay nói cách khác cũng từ một nguyên lý đạo giáo hồn nhiên mà có vậy.

Như thế có nghĩa là Tôn giáo không thể không có trong sự chủ trì phần khái thị chân lý làm mức độ tấn hoá nơi con người ở bất cứ thời đại nào. Cho dù nhân loại có văn minh tân tiến đến đâu mà sao nhãng phần tác dụng tâm linh của tôn giáo thì cũng không còn đặc tính xây dựng nhân bản nữa. Xã hội loài người thời Hạ nguơn này là thế đó. Có tìm ra căn bệnh trầm kha này của thế kỷ tân tiến ngày nay mới thấy được tầm quan trọng củ sự phục hưng tinh thần tôn giáo là không thể không có.

Cho nên, xã hội loài người ngày nay như đứng trước ngã ba đường mà mỗi tôn giáo kéo họ theo một chiều hướng chủ quan phiến diện như đã có, thì cần phải có một nền Tôn giáo mới đem lại sự hiểu biết hồn nhiên và đích thực cho co người để họ biết họ là ai ? Vũ trụ với họ như thế nào ? và mối tương quan giữa họ với vũ trụ ra sao ?

Giải đáp được những câu hỏi này, lẽ cố nhiên con người dù mức tâm linh tấn hoá tới đâu cũng bất lực, chỉ có sự giải thích của thế giới vô hình mới có thể ứng lộ một cách vô tư không thành kiến nào xen vào được khi người thông công được bố hoá hoàn toàn.

Thánh ngôn có dạy :

CAO ĐÀI

- Sao gọi là Vũ trụ, các con biết chăng ?
- Khắp cả Càn khôn thế giới là Vũ, cùng chỗ Vũ gọi là Trụ. Vũ có nghĩa là trùm cả bốn phương và trên dưới> Trụ có nghĩa là xưa nay qua lại, nên trong chữ Vũ Trụ nó gồm cái nghĩa cả không gian và thời gian.
- Trước khi chưa định ngôi Thái Cực, trong khoảng không gian ấy coìn đang mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông, vì đó còn trong thời kỳ hỗn nguyên vậy.

Không gian ấy tức là Vô Cực. Trong Vô cực ấy lại có một cái Nguyên Lý Thiên nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại thêm một cái Nguyên Khí tự nhiên nữa. Lý với KHÍ ấy tức là ÂM với DƯƠNG trong buổi Hồng nguyên thời đại. Lý Khí ấy lại lần lần ngưng kết với nhau mà ngưng tụ lâu dài mới thành một khối tinh quang rất đủ đầy các sự tốt đẹp. Chừng đúng ngày giờ khối ấy mới nổ tung ra một tiếng vang lừng dữ dội phi thường, làm cho rung động cả không gian, bèn có một điểm LINH QUANG từ trong tiếng nổ ấy tung ra mà quay vòng giữa chốn không trung, đan tủa hào quang rất chiếu diệu rạng ngời, trùng trùng điệp điệp, rực rỡ chói loà khắp cả mọi nơi. Ấy chính là ngôi Chúa Tể của Càn Khôn Vũ trụ đã biến hoá ra vậy; mà Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi THÁI CỰC trọn lành, trọn tốt, toàn tri, toàn năng, thiên biến vạn hoá, vô tận vô cùng, nắm trọn quyền hành, thống chưởng cả Càn Khôn Vũ trụ, và lấy cơ thể âm dương mà phân thanh biện trước, làm máy động tịnh để gom tụ cái Hư Vô đặng hoá sanh muôn loài vạn vật.

- Máy âm dương cứ dần dần xoay chuyển, không ngừng nghỉ một giờ khắc nào mà dưỡng dục chúng sanh, bảo tồn Thiên Địa.
- Khắp trong Vũ trụ biết bao là quả tinh cầu, có quả trước quả thanh, có bậc cao bậc thấp, có cái sáng cái tối, thấy thấy đều tuân theo máy Thiên Cơ mà tuần tự chuyển luân xoay trở cái lại cái qua, cái lên cái xuống, không bao giờ ngừng nghỉ đặng.
-
- Tinh cầu nào cao thanh khinh phù thì vượt qua mấy cái khác mà lên ngất trên thượng tầng không gian.

Vậy quả địa cầu của các con đây tuy là một quả cầu vật chất hữu hình trọng trước song cũng còn thuộc về bực khá, chớ dưới nữa lại còn lằm quả địa cầu còn trọng trước hơn nữa. Những quả địa cầu như thế thì nó nặng trầm chìm tột dưới đáy sâu của vũ trụ nên rất tối tăm mờ mịt, âm khí nặng nề, thâm sâu buồn bã góm ghê, để đày đọa các linh hồn nào bị phạm tội ở thế gian xuống đó.

- Những cõi ấy mà linh hồn nào phải rúi ro bị đọa lạc vào thì càng ngày càng thêm mê muội, tối tăm mãi mãi. Ôi ! Khốn khổ biết bao ! Thầy khó tỏ ra cho hết những sự đày đọa trả quả của các linh hồn phạm tội phải cam chịu trong mấy cõi ấy.
- Cõi ấy là chi ? Là cõi Diêm phù mà bên Phật đạo thường gọi Âm Ty hay Địa Ngục.
- Nhưng cõi Diêm Phù tuy là nơi các linh hồn phạm tội phải chịu khổ nguy hành phạt đều đều, thế mà đối với lũ quỷ ma thì những linh hồn bị đọa ấy lại còn hữu phúc hơn chúng nó nữa, Vì sao vậy ?
- Vì con người hễ làm mất hết chơn dương thì tất phải thuần âm, mà đã thuần âm tuyệt dương là tất phải chết, mà chết như vậy thì tất phải làm ma làm quỷ, chớ không được nhập vào thế giới nào mà an nghỉ hết, dầu thế giới ấy có là nơi Diêm phù cũng vậy.
- Đã không được nhập vào thế giới nào thì lũ quỷ ma ấy chỉ phải nương dựa gió mây mà chờ ngày bị tiêu diệt thôi...
-
- Còn mấy cõi trên đây một chút là nơi các linh hồn ít tội lỗi một khi bỏ xác thịt này được về để nghỉ an một lúc rồi chờ ngày chuyển kiếp đầu thai...

(ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO- CMTT xuất bản 1950 trang
408-410-412)

CAO ĐÀI

- Thiện Đàng, Địa Ngục cách nào ? các con ôi ! Hễ cái tâm sáng suốt thiện từ, đạo đức là Thiên đàng, còn mê muội vạy tà hung bạo là Địa ngục. Vậy thì Thiên đàng, Địa ngục cũng chỉ tại Tâm

- Theo thể thường các con hiểu thì Thiên đàng là cõi tuyệt mù trên cõi Hư vô là nơi cực kỳ tráng lệ tinh xảo an vui, còn Địa ngục là ở dưới đất.

Nếu các con cho Địa ngục là ở dưới đất thì lầm lẫn. Trong trung tâm trái đất chỉ toàn là lửa không, còn bốn phương thì phân ra gió mưa nóng lạnh. Và trong Vũ trụ này có biết bao nhiêu là quả địa cầu, những quả khinh thanh thì vượt nổi lên trên mà hưởng lấy khí dương rất đổi nhẹ nhàng sáng suốt, còn những quả trọng trước thì lặn chìm mà bị khí âm rất đổi đen tối u minh. Vậy nếu các con, hoặc đã phạm tội với Trời, hoặc mang đại ác với người thì linh hồn tất phải bị đọa xuống nơi mấy quả địa cầu mà âm khí nặng nề khốn nạn ấy để chịu buồn rầu khổ cực nhức nhối tâm hồn, xốn xang trí não. Đó là như quả nghiệp chướng oan gia của các con đã tạo gieo nó thì nó theo các con mà hành phạt lấy các con, chớ không có cửa xẻ trũng trị theo như các con hiểu lầm như người ta thường gọi là Thập Điện Diêm Vương đâu. Còn linh hồn nào trong sạch thì đăng nhập vào cõi Hư Linh hay là trở lại chung lộn với người trên dương khí mà lo giúp đỡ cho thế gian chờ ngày đái công thực tội, hay là tu học thêm cho tấn hoá đến cảnh trí huệ quang minh. Lại khi các con đã bỏ xác phàm thì linh hồn xuất ra về trú tại miền Trung giới, nơi chốn Hư Linh, chờ ngày các con phải đến tại trước toà Phán Xét mà chịu lãnh những tội tình đi dầu thai trả quả, còn đứa nào cò phước đức nhiều thì trở lại thọ hưởng hồng ân Thầy ban đáp cho...

(ĐTCG- CMTT xb 1950 trg 420-422)

CAO ĐÀI

- Bính ! Thầy giao con loi một trái Càn khôn, con hiểu nghĩa gì không ? Cười.. Một trái như quả đất tròn quay, hiểu không ? Bề kinh tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn, mà phải như vậy mới đặng. Vì là cơ màu nhiệm Tạo Hoá trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên Càn khôn ấy. Thầy kẻ Tam thập lục Thiên, tú đại Bộ châu ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú, còn lại thất thập nhị địa và tam thiên thế giới đều là tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ Con giở sách Thiên Văn học Tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu, con vẽ hai

bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ Con Mắt Thầy, hiểu chăng ? Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai đúc trong có một ngọn đèn cho nó thường sáng : ấy là lo82i cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại Càn khôn thế giới đó...

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN- TÂY NINH 1969 trang 45)

Theo những lời Thánh ngôn trên đây, người tin đồ Cao Đài có thể đưa ra một nhận định về Vũ trụ một cách tổng quát, vừa chấp nhận những khái thị của Tôn giáo cũng vừa chấp nhận những phát kiến của khoa học không bỏ một bên nào.

Từ khối Hồn nguyên của Vũ trụ đã có hai phạm LÝ và KHÍ hoà hợp nhau, nhưng chưa hình hiện được Vũ trụ. Chính sau khi phát hiện ngôi Thái Cực toàn tri toàn năng mới có sự thành hình Vũ trụ một cách sống động dưới quyền năng của Ngài.

Và cũng chính từ ngôi Thái Cực (tức Thượng Đế) mới phân ra làm hai phần Vũ trụ :

- một bên là Vũ trụ vật chất tức là khối Thiên cầu theo sự khảo sát của những nhà Thiên văn học, trên cao chót là ngôi sao Bắc Đẩu gồm có 3072 thế giới có sự sống sinh vật hữu hình. Còn những phần khác như 36 cõi trời và 4 đại bộ châu thì là vô hình... Điều này có thể làm cho người ta tưởng đây là Vũ trụ Phật giáo, nhưng cái hiện tượng Tam thiên đại thiên thế giới với những phân biệt tam giới như dục giới sắc giới và vô sắc giới thì không nghe nói tới. Phải chăng đây là sự nhân tạo với mục đích đa dạng hoá mà đức Cao Đài đã phủ nhận điều này ?
- một bên là Vũ trụ tâm linh gồm có tất cả những Chơn Thần đã xuất hiện tự cổ chí kim trong khối nhân loại qua trường tấn hoá ở Thiên cầu qui tụ lại khắp các địa cầu dưới quyền năng của Thượng Đế. Tất cả đều do sự tinh luyện theo luật Thiên điều mà trình độ tấn hoá của Tâm linh theo đó mà chịu sự thưởng phạt. Cho nên, một hồn người sau khi thoát xác sẽ tạm an nghỉ nơi cõi Trung giới một thời gian rồi sẽ chịu sự phán xét để hoặc trở lại các quả địa cầu chịu tu luyện tấn hoá thêm, hoặc được sự ân thưởng thiêng liêng mà trở nên Thần Thánh Tiên Phật nơi 4 bộ châu hay 36 cõi trời tùy theo mức độ tinh tấn của mỗi người. Riêng những linh hồn trọng trước vì trọng tội thì sẽ mất đi phần chơn dương mà chỉ còn toàn âm để thành ngạ quỷ chờ ngày tiêu diệt

Đặc biệt trong Cao Đài giáo còn có Bạch Ngọc Kinh vốn là nơi Thượng Đế ngự giành cho sự hội nhập những linh hồn hoàn toàn vô nhiễm - cũng gọi là thành đạo - theo cái nghĩa DUNG HỢP TÂM LINH CON NGƯỜI VỚI TÂM LINH VŨ TRỤ mà mục đích của giáo thuyết Cao Đài đã đề ra.

Trái lại, bọn Quý vương từ bao giờ, trước sự bao dung của Thượng Đế, cũng đã tạo nên một lực lượng đối kháng nơi cõi Vô hình với đủ quyền năng sẵn có để lập nên một thế đối lập tạo phe đảng cho riêng mình, dễ thường để kéo theo những kẻ nhẹ dạ cả tin mà đi theo con đường tà giáo với những trò gian ngoa do vật dục lông hành mà bề ngoài cũng đưa ra những lý luận hấp dẫn hoặc cách này hoặc cách khác theo sự hưởng thụ của đối tượng của thời mạt pháp này mà ra.

Cho nên, ta thấy bao tấn trò cuồng tín cực đoan hoặc nảy sanh từ một cựu giáo, hoặc phát xuất từ một cá nhân ma mị nào mà tính phô trương như một món hàng giữa chợ đã làm cho con người ngày nay không còn biết đâu là chánh đâu tà mà sự sống chết cơ hồ như một lớp tường khi kết thúc có ra gì.

Như vậy, người tín đồ Cao Đài không phải chỉ biết có một thế giới loài người ở địa cầu này mà còn có ít ra cũng 3071 mẫu loài người khác nhau ở những cõi khác nhau trong Vũ trụ vật chất. Và Thiên cầu, trên chót có ngôi sao Bắc Đẩu chính là một thực thể không thể thiếu đi trong sự nuôi dưỡng 3072 thế giới sống hữu hình của Vũ trụ như bao giờ.

Còn Vũ trụ vô hình chính là môi trường đại đồng trong đó mọi linh hồn con người tấn hoá ở khắp Thiên cầu đều làm nơi trở về sau thời gian " tạm cư " tại đó. Bởi lẽ, các đẳng linh hồn đều phát xuất từ một nguyên căn. Đó là Thượng Đế hay Tâm Linh Vũ trụ rồi phân ra bàng bạc khắp nơi để làm sức sống cho vũ trụ mà rồi phải trở lại phần Căn nguyên ấy sau khi làm xong nhiệm vụ trong công cuộc góp phần vào cuộc sống bất diệt của Vũ trụ .

Do đó, Vũ trụ của Cao Đài giáo không thể theo quan niệm thường tình thế gian từ xưa nay trong đó phần đông chỉ biết có cái mặt đất ti tiện này với bầu xang xang bao la kia hoặc tin theo các loại kinh điển mỗi nơi mỗi khác được. Con người hiện nay phải mở rộng tầm quan sát bằng thực nghiệm tâm linh với một thái độ vô tư không bị một

thành kiến tư tưởng nào chi phối mới được. Bởi sự cứu rỗi của Thượng Đế không phải chỉ đặt để cho một dân tộc nào trong một thời gian nào mà là một sự hướng dẫn liên tục khắp mọi nơi tùy theo mức tu học của loài người không riêng cho một phạm trù hoạt động nào cả. Chính do lẽ đó mà Cao Đài giáo đã nhận lãnh sứ mạng cứu độ bao quát đem tất cả mọi đẳng cấp linh hồn trở về ngôi vị cũ, không chỉ giới hạn trong một quả địa cầu này mà thôi. Cho nên, cũng trong lần cứu độ này, đức Cao Đài đã ban hành một phương châm cứu độ không riêng cho nhân loại trên quả địa cầu chúng ta mà cho cả những mẫu loài người hiện diện khắp trong Càn khôn Vũ trụ theo lời chỉ dạy của Ngài đã cho biết sự hiên hữu đó. Bởi thế, người tín đồ Cao Đài phải thấy mình không bị hạn hẹp trong một phạm vi tu học nào cả để mở rộng tầm hoạt động của Tâm linh cùng khắp cho kịp với đà tiến hoá của các đẳng linh hồn trong Vũ trụ vậy.

Muốn biết rõ điều này hơn xin mời các bạn xem chương sau.

IV- NHÂN SINH QUAN

Phần Vũ trụ quan của Cao Đài giáo trên đây chỉ đưa ra một nhận định về Vũ trụ một cách đại đồng khái quát, không nói rõ về nguyên lai cũng như sứ mạng của Con Người trong Vũ trụ như thế nào. Chính phần Nhân sinh quan sau đây bổ túc điều đó.

Cũng chỉ tại tính chất hạn hẹp của nhân giới và thức giới của con người nên chúng ta cần phải có sự chỉ dẫn của đấng Cao Đài trước khi chúng ta sẽ nêu lên phần nhận định của chúng ta.

Thánh ngôn đã ghi như sau :

CAO ĐÀI

- Khai Thiên lập địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy, Thầy đã nói một Chơn Thần Thầy mà biến thành Càn Khôn thế giới và cả nhân loại. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy rồi mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần Thánh Tiên Phật...

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN-TÂY NINH 1969 trang 52)

CAO ĐÀI

- Sự chết, thường thế gian gọi chết là hết, là vì không biết đạo nên tưởng lầm. Khắp trong nhân loại trên mặt địa cầu này phần đông vì tôn thờ tà quái, mà tà quái vốn chúa sự chết thì tức nhiên chúng nó ở trong vòng sự chết là phải tiêu diệt thì bao giờ biết đặng sự hằng sống là gì? Cười.. Nếu Thầy không đến kịp thì các con vẫn bị trong vòng sự chết. Tà mị cũng như hạt lúa bị hầm mà thối thì thế nào mọc đặng mà sinh bông trở trái ? Còn bậc chân tu tử như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông thì sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần mà bông trái thiêng liêng các con sanh hoá chơn thần, chơn thần lại biến hằng muôn, thêm số

tăng lên hoài, ấy là Đạo. Bởi vậy, một Chơn Thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhân loại trong Càn khôn thế giới, nên chỉ gọi các con là Thầy, Thầy là các con. Như bên Phật giáo hay tặng Nhiên Đăng là Chưởng giáo. Nhiên Đăng vốn sinh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế... Người gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ, Thích Ca vốn sinh ra đời nhà Châu. Người gọi Lão Tử là Tiên tổ giáo thì Lão Tử cũng sinh ra đời nhà Châu. Người gọi Jésus là Thánh đạo Chưởng giáo thì Jésus lại sanh ra đời nhà Hán. Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các đấng ấy ?

- Khí Hư Vô sanh có một Thầy. Còn mấy đấng kể đó ai sanh ? Ấy là Đạo. Các con nên biết..
- Nếu không Thầy thì không có chi trong Càn khôn thế giới này, mà nếu không có Hư Vô chi khí thì không có Thầy...

(TNHT TN xb 1969- trg 31-32)

CAO ĐÀI

- Các con há biết rằng Thầy hằng nói : Thầy là các con, các con tức là Thầy. Có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên Phật Thánh Thần thì Người là "Tiểu Thiên Địa". Điểm Linh Quang nào muốn tạo Phật tác Tiên cũng phải đầu thai vào thế giới hữu hình vật chất. Dầu cho một vị Đại La Thiên Đế giáng trần đây không tu luyện cũng khó mong trở lại ngôi vị. Điểm Linh Quang là gì ?- Là một cái yển sáng mà thôi. Thái Cực là một khối "Đại Linh Quang" chia ra, ban cho mỗi người một điểm "Tiểu Linh Quang" khi đầu thai làm người. Đến chót điểm Linh Quang ấy quay về hiệp nhứt với Đại Linh Quang...

(ĐTCG- CMTT xb 1950- trg 300)

CAO ĐÀI

- Các con đã sinh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ não tại thế này rồi chết cũng tại thế này. Thầy hỏi các con chết rồi, các con ra thế nào ? Các con đi đâu ?
- Chẳng một đứa nào hiểu đặng cơ mầu nhiệm ấy. Thầy dạy : Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài

người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn năm lần đến địa vị Nhơn phẩm. Nhơn phẩm nơi thế này lại còn phải chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc đế vương nơi trái địa cầu này chưa đứng vào bậc chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dưỡng ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới Đệ nhứt cầu, đến Tam thiên Thế giới, qua khỏi Tam thiên Thế giới thì mới đến Tứ Đại bộ châu, qua Tứ đại bộ châu mới vào đẳng Tam thập lục Thiên, vào Tam thập lục Thiên rồi chuyển kiếp tu hành nữa mới đứng lên đến Bạch Ngọc kinh là nơi đạo Phật gọi là Nát Bàn đó vậy. Các con coi đấy thì đủ hiểu các phẩm trật của các con nó nhiều là dưỡng nào, song ấy là phẩm trật Thiên vị. Còn phẩm trật quý vị cũng nhại theo thế ấy, nó cũng noi chước Thiên cung mà lập thành quý vị, cũng đủ các ngôi, các phẩm đẳng đày đọa các con, hành hồ các con, xử trị các con. Cái quyền hành lớn lao ấy do Thầy ban cho nó nên đẳng quyền cảm dỗ các con, giành giật các con mà làm tay chơn bộ hạ trong vòng tôi tớ nó...

- (TNHT TN xb 1969 - trg 74-75)

CAO ĐÀI

- Tu sao cho linh hồn tinh tấn, giác ngộ, quang minh thì phẩm vị Thần Tiên không khó
- Thầy luận qua " quả địa cầu 68 của các con " nó gần ngày tiêu diệt
- Thầy không nổ để cho các con chung chịu vùi lấp trong cuộc tang thương nên phải giáng thế độ đời, thả linh hồn mà đưa về Bồng lai Tiên cảnh.
- Cái quả địa cầu của các con ở đây nó gần đúng thời kỳ tan rã, ấy là Thiên thơ Thầy định trước ngày giờ mà cũng vui cho các đẳng chúng sanh được trở bước lên một nấc thang cao vợi. Hễ thế giới này tiêu diệt thì linh hồn nhơn loại tấn hoá sang qua quả địa cầu 67 là nơi tiền định của đạo màu..

- (ĐTCG- CMTT xb 1950 Ớ trg 418-420)

CAO ĐÀI

- Cái luật tấn hoá của Vũ trụ Càn khôn rất là im ẩn diệu huyền tấn hoá một cách tự nhiên, Các con nào lấy mắt phàm thấy đẳng cái cơ màu nhiệm ẩn tàng nhưng lý tuyệt diệu tinh xảo cực kỳ. Dầu cho Phật

Thánh Tiên có dễ gì tri cơ Tạo Hoá. Biết bao nhiêu tấm màn bí mật nó phủ kín bao che sự màu nhiệm của đấng Vô hình Thiên nhiên sắp sẵn. Quyền lực của Tạo Doan định lệ, nào ai dám đặt tay vào sửa đổi máy huyền vi.

- Cái máy kín nhiệm Thiên cơ nó cứ vận hành bao quát, xoay chuyển bốn phương, cái lại cái qua, hết cái này sang cái nọ, cứ nối tiếp nhau mà luân chuyển khắp nơi trong nháy mắt đã lập thành cơ đạo...
- Người là gốc của muôn vật, muôn vật là ngọn của loài người mà Trời Đất là gốc của loài người, người là ngọn của Trời Đất.
- Luật tấn hoá của thảo mộc thú cầm nhưn loại nó từ từ thăng tiến mãi, nhưng cũng có thối hoá vậy.
- Các con nghe : như loài thảo mộc cũng có thọ nơi Thầy một điểm nguyên hồn. Nó cũng sống nhưng lại trí hoá khờ ngậy. Các con coi đó, từ thảo mộc bắt đầu lên cho chí loài người nó có ba cái pháp :
- 1- như thảo mộc thì cái gốc trở xuống, ngọn day lên
- 2- rồi nó tấn hoá đến bậc thú cầm thì cái đầu cái đuôi ngang nhau
- 3- thú cầm qua nhưn loại thì cái đầu trở lên trên cái chân xuống dưới.

Ấy là ba pháp.

- Vậy từ thảo mộc có một phần hồn. Thảo mộc tấn hoá mãi muôn vạn kiếp mới bước sang qua thú cầm thì từ thú cầm đã dựng hai phần hồn. Thú cầm mới dần dần tấn hoá mãi trăm ngàn muôn kiếp lên đặng làm người thiết là trăm đấng ngàn cay, muôn thảm vạn sầu, biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh, xả thân giúp đời một cách khó khăn cực nhọc nhưng cũng vui lòng, mãn kiếp nọ sang kiếp kia, cứ lập công quả mãi. Vạn vạn muôn muôn lần đầu thai mới qua đặng phẩm bậc loài người, khi tấn hoá đến loài người thì mới đủ trọn tam hồn thất phách.
- Những con thú mới qua làm người thì còn khờ khạo ngu ngậy, tính tình độc hiểm, nhưng biết khôn xả thân giúp đời thì chuyển tiếp đời ba chục lần cũng đặng mình miễn khôn ngoan. Nhưng đã đặng làm người phải tấn hoá mà tấn hoá mãi thì cần phải chịu chuyển tiếp trăm ngàn lần đặng học hỏi mọi lẽ thế gian. Đặng làm người rất khó. Người muốn tấn hoá đến phẩm vị Tiên Phật Thánh Thần thì phải tu tâm dưỡng tánh, tích đức thi ân. Từ đây mà lên đến Tiên Phật rất là chua cay lắm nỗi, có dễ dầu chi ?...

(ĐTCG - CMTT xb 1950 trg 304-308)

Qua những lời Thánh ngôn trên đây, người tín đồ Cao Đài có thể đưa ra một nhận định về Nhân sinh quan rất là rõ rệt .

Thuở sơ khai, Vũ trụ ban đầu chỉ là một khối thuần nhất chan hoà trong khối Đại Linh Quang của Ngôi Thái Cực. Nhưng nếu chỉ có thế thì chúng ta hôm nay có làm sao hình hiện để biết Vũ trụ là cái gì. Cũng như nếu cái nguyên nhân đầu tiên của Tâm và Vật không hề biến động thì Con người từ nghìn xưa làm sao mà có và những gì gọi là Chân lý Vũ trụ đương nhiên vẫn còn nằm nguyên trong lòng Vũ trụ không bao giờ đi đến con người.

Cho nên, từ Chơn Thần của Thượng Đế bao gồm trong thể Đạo tạo thành Tâm Linh Vũ Trụ thì cũng từ đó thành hình Vũ trụ vật chất. Nhưng nếu chỉ có cái Vũ Trụ Tâm linh gồm khối Chơn Thần tối cao bao quát của Thượng Đế và cái Vũ trụ vật chất biến động không cùng mà bất tri bất giác thì khối Vũ trụ kia phải có ngày tiêu diệt và cái Thiên lý- còn gọi là Đạo- từ đâu mà có để duy trì cái lẽ hằng sống vốn là một nhu cầu sinh tồn của Vũ trụ theo luật Thiên điều từ ngàn xưa cho đến bao giờ như ta đã biết.

Chính do nơi Thiên Lý qui định mà có sự phối hợp đồng đều giữa phần Tâm linh và Vật chất tiềm tàng trong Vũ trụ tùy theo môi trường tấn hoá mỗi nơi để làm nên một hiện tượng CON NGƯỜI bẩm thụ khả năng và quyền uy từ Thượng Đế để hình hiện sự trường cửu tốt đẹp của Vũ trụ từ xưa nay.

Nhưng Con Người muốn sống trường cửu như Vũ trụ lại phải theo từng giai đoạn tấn hoá làm thế nào duy trì cho được vẻ hồn nhiên " chân thiện mỹ " như buổi khai nguyên. Chính đó là đề tài của trường tấn hoá mà Con người từ bẩm thụ phần tri năng của Thượng Đế đã được thông báo để tự ý thức khi mới bắt đầu cuộc tấn hoá của mình trong giai đoạn đầu tiên mà con người còn trong trạng thái vô nhiễm đối với vật chất để mang tội lỗi vào mình.

Nhưng môi trường cho một Tâm linh tấn hoá lại là vật thể mà Con Người phải trải qua các địa cầu rồi các thế giới hữu hình nên sự tu học dồi luyện tâm linh là điều không thể không có mà trường thế gian liên hệ đã có cũng từ Thiên lý mà ra.

Do đó, qua từng giai đoạn tấn hoá nơi những môi trường thích nghi trong Vũ trụ vật chất, Con Người phải luôn

luôn tìm về trạng thái vô nhiễm buổi đầu của mình mới gọi là đạt được ngôi vị cũ. Muốn như thế, Con người phải học bài học thiên nhiên - các trường học thế gian chỉ bày cách sống vật chất theo nhu cầu cơm áo hằng ngày - để tự thoát ly dần dần những câu nhử vật chất nhứt thời để tìm cơ bảo toàn phần Tâm linh vĩnh cửu. Và sau khi từ giả vũ trụ vật chất, con người sẽ tiếp tục con đường trở lại nơi buổi ban đầu ở Vũ trụ Tâm linh. Khi đạt được ngôi vị thiêng liêng cũ tức là Con người đã làm xong một cuộc tấn hoá góp vào sự trường tồn linh động của Vũ trụ một thành quả " chân thiện mỹ " của mình.

Người tín đồ Cao Đài giáo gọi đó là sự DUNG HỢP TÂM LINH CON NGƯỜI VỚI TÂM LINH VŨ TRỤ cũng là cứu cánh đạt đạo nhiệm màu vậy.

Cho nên, sự sa sầm của tình trạng nhân tình thế thái, đạo lý suy vi ngày nay không phải đã mới đây mà đã bắt đầu từ khi Con người mới sinh ra trên mặt đất này với tội lỗi đã có mà Cơ Đốc giáo gọi là "tội tổ tông" mà nghĩ tội nghiệp cho bà Eva bị hàm oan- bởi nếu đức Chúa Trời muốn cho ông Adam khỏi buồn như Kinh Thánh đã nói thì Ngài cứ tạo ra ông Adam thứ nhì thì dầu trái cấm kia ông Adam có ăn cũng có tội tình chi đâu - bởi vì cái lý Âm Dương là động cơ sinh hoá dù Đông hay Tây cũng không khác nhau khi Chân lý chỉ có một. Cũng như sách Phật nói Con người "do nhân duyên sanh cũng do nhân duyên diệt kể cả vạn vật " mà đã vướng phải 12 cái (gọi là thập nhị nhân duyên) trong đó cái đi đầu là " vô minh " nên vì mê muội mờ ám mà con người bị tứ khổ v.v.., nhưng suy cho cùng thì cái văn minh vật chất ngày nay do đâu mà có thì chắc cái lý nhân duyên vô minh kia cần phải xét lại vì đây chỉ là lập luận của một sư Tàu nào chứ không phải của đức Thích Ca như đã nói trước.

Người Cao Đài truy nguyên tội lỗi trên là do con người vốn mang trong mình từ phôi thai hai thành phần vật chất nhứt thời và tâm linh trường cửu nên không làm sao tránh khỏi những câu nhử của vật dục do ngũ quan cảm nhận mà thành. Từ đó Con người mới dễ bị lôi cuốn vào tội lỗi từ sinh ra cho đến lìa đời mà cõi trần gian đã là môi trường tiếp nhận từ bao lâu nay.

Cũng như trong thế giới vô hình cũng có hai lực lượng chánh tà mâu thuẫn nhau mà buổi hạ nguồn này mấy ai nhận biết khi lũ quỷ ma đang chờ ngày tự diệt vì đã không còn

phần chơn dương thì lại cũng hợp thành những đẳng cấp để câu nử những con người nhẹ dạ theo phe mình đi ngược lại lẽ đạo đức do Lẽ Thiên lý tạo nên bằng những luân điệu phù pháp cũng gọi là tu luyện nhưng chỉ để đi vào những hình tướng kỳ dị nhứt thời mà những ai có công phu tu học chánh tín đều nhận biết dù họ kín đáo tới đâu. Hiện tượng này nhan nhản khắp nơi dù văn minh , dù chậm tiến, các quốc gia cũng đã bày ra kết quả mờ ám kèm theo những sa đọa kim tiền hay nhục dục mà các cơ quan truyền thông đã loan tin mấy ai không biết.

Riêng người tín đồ Cao Đài thì họ được biết họ đã sống trên cõi đời là một trường thi tấn hoá mà những bài học thế gian là đề tài để tìm về ngôi xưa vị cũ của mình đã có từ buổi khai nguyên. Đến khi chết, họ sẽ về cõi Trung giới để chờ Toà Phán Xét vô hình để họ :

- 1- sẽ lần theo các cõi vô hình mà đến cảnh nhàn lạc nơi Thượng giới nếu mức tu Phổ độ tốt đẹp , hay sẽ về thẳng hội hiệp với Thượng Đế nơi Bạch Ngọc Kinh nếu có tu Vô VI thành đạo có ấn chứng.
- 2- hoặc phải chịu luân hồi để tiếp tục tấn hoá nơi một quả địa cầu khác theo mức tu tiến của mình, hay sẽ được thanh thoi hưởng phúc do mình đã tạo ra một thời gian rồi lại trở lại làm người để hoàn thành công cuộc tiến hoá của mình.

Riêng phần ma quỷ thì người tín đồ tri trai thủ giới tốt đẹp chắc không đến nỗi như thế, bởi khi lập mỗi đạo, đức Cao Đài đã ban hành cơ tận độ chúng sanh trong kỳ hạ nguơn mật pháp này mà danh xưng ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ đã minh xác điều đó. Những môn đồ đầu tiên của đức Cao Đài thời Pháp thuộc đã dịch danh xưng này ra Pháp văn là TROISIÈME AMNISTIE DE DIEU EN ORIENT chắc cũng đã ý thức được lần "Đại xá của Thượng Đế kỳ ba tại Đông phương" là vậy

Đến đây, ta có thể đưa ra một nhận định :

Con người, nếu thật là con người, thì không bao giờ chết. Họ vẫn luôn luôn sống trong lòng Vũ trụ, hoặc vũ trụ vật chất theo quan niệm sống tại thế gian hoặc Vũ trụ tâm linh tức là trở về tiếp tục con đường tấn hoá của mình nơi cõi vô hình. Họ vẫn cảm nhận sự hiện diện của mình trong lòng Vũ trụ như bao giờ.

Nói thế có nghĩa là Con người vẫn sống với những quan hệ hoặc trực tiếp từ thể xác với thế gian hoặc gián tiếp

bằng linh hồn nơi cõi vô hình khi thể xác trở về với cát bụi để tiếp tục sự tu học đã có nơi dương thế hầu tìm phương tấn hoá theo lẽ Thiên lý màu nhiệm của Vũ trụ tự bao giờ.

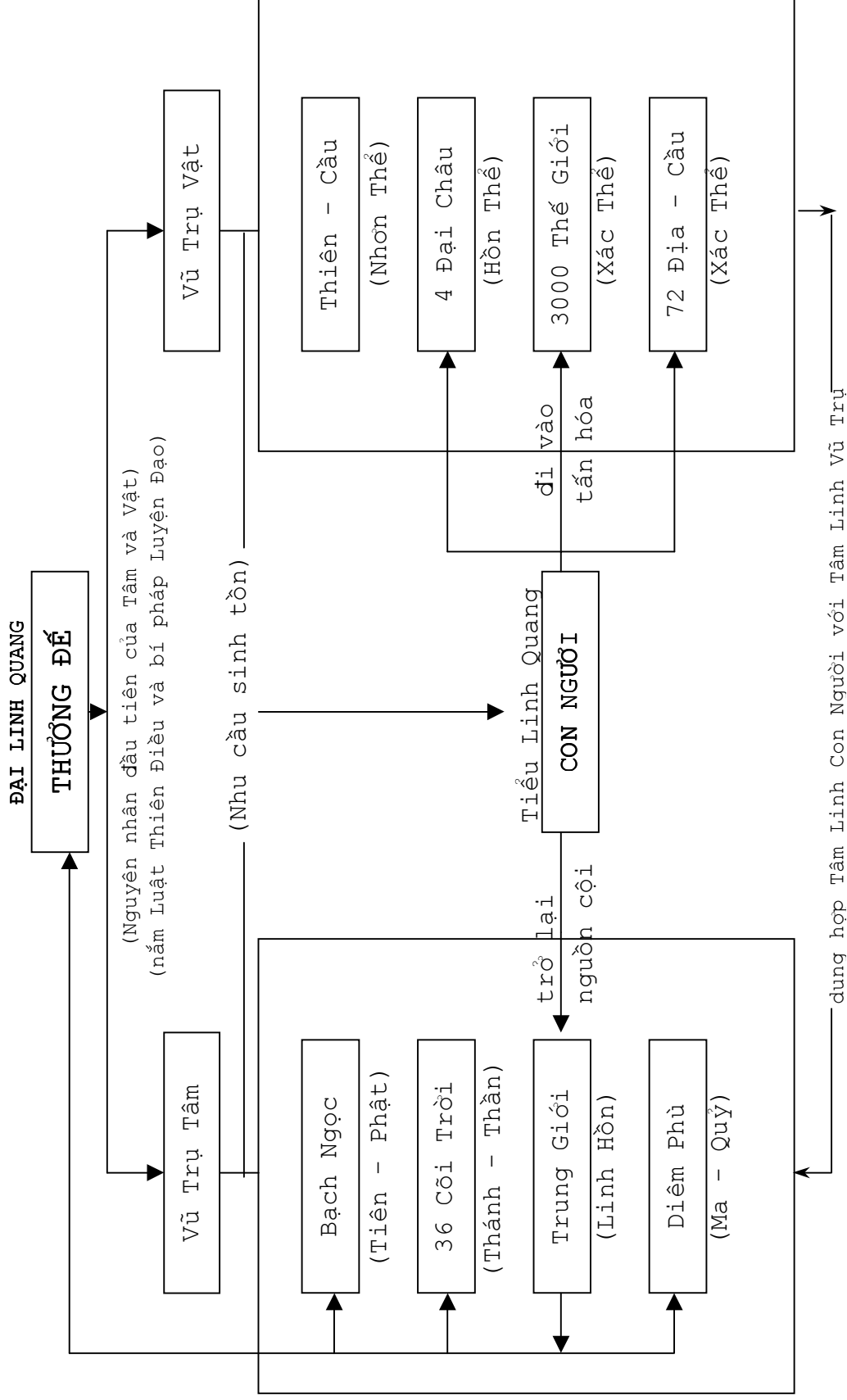
Trong khi đó thì thảo mộc cầm thú cũng đã thọ lãnh một phần của tâm linh vũ trụ mới có được sự sống còn mà thế gian thường phủ nhận, phần tâm linh ấy không được đầy đủ tùy theo mỗi loài nên không như con người được. Do đó, phần tâm linh này phải tấn hoá từ loài thảo mộc đến cầm thú - lẽ cố nhiên phần vật thể của mỗi loài thì không di dịch - rồi cuối cùng mới đến con người để bắt đầu công cuộc tấn hoá linh động hơn vì nơi con người có được hai phần tâm linh và vật thể đồng đều khi các loài khác thì phần vật thể lấn át phần tâm linh tùy theo mỗi giống như động vật hoặc tâm thể chỉ có phần ít đối với thảo mộc không khác một cục pin có mang dòng điện mà ta không biết được.(1)

Nói tóm lại, nhân sinh quan của Cao Đài giáo bao gồm trong một nhu cầu hoạt động của một vũ trụ không phải chỉ giới hạn nơi một quả địa cầu bụi bặm này. Bởi thế, người tín đồ Cao Đài phải đặt mình trong một môi trường hoạt động không phải cho một cá nhân mình, một dân tộc mình hay một thế gian này mà cho cả một đại cuộc bao la của Càn khôn Vũ trụ, luôn luôn phải nghĩ rằng Con Người vốn đồng bản thể với Thượng Đế và cùng chung đúc trong một nhu cầu sinh tồn chung của Vũ trụ. Thượng Đế không có Con Người không thể linh động hoá Vũ trụ bằng sự trường cửu tốt đẹp mà Con người không có Thượng Đế không thể hoàn thành cuộc sống của mình một cách tốt đẹp vĩnh hằng như của Vũ trụ. Còn chỉ biết có Vũ trụ tâm linh tức là mò mẫm trong phạm vi hạn hẹp của Tôn giáo, mà chỉ biết có vũ trụ vật chất thì cũng chỉ mò mẫm trong cái khoa học nhứt thời. Nhưng Tôn giáo và Khoa học là hai lĩnh vực sáng tạo của con người hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp được lãnh hội từ vô hình nên phải phụ giải nhau để cho Vũ trụ được hiểu biết một cách đầy đủ hơn. Sự kiện này đã có trong Cao Đài giáo như đã diễn đạt trên.

Như vậy, trên quan điểm Vũ trụ và Nhân sinh, Cao Đài giáo đã đề ra một khoa Vũ trụ học dung hoà được hai phương diện Tâm Vật vốn là hai phần thể hiện cuộc sống muôn loài vạn vật từ xưa nay đã được xác nhận trong câu TÂM VẬT BÌNH HẠNH, TRUNG DUNG QUÁN NHỨT vậy.

(1) xin xem sách Bản Thể Luận cùng tác giả sẽ rõ hơn

BẢNG TÓM TẮT VŨ TRU QUAN VA` NHÂN SINH QUAN CAO ĐÀI GIÁO



V- PHƯƠNG CHÂM CỨU ĐỘ

Trong một Vũ trụ quan và Nhân sinh quan rộng mở ra ngoài Càn khôn thế giới như thế, người Cao Đài không thể khép mình trong một nhân giới chật hẹp để chỉ biết có cá nhân mình, quốc gia mình hay tôn giáo mình mà phải hoà hợp trong khối đại đồng Vũ trụ.

Bởi lẽ Vũ trụ là cái chất nuôi dưỡng con người khi con người làm sống động Vũ trụ. Nói thế có nghĩa là không có Vũ trụ thì con người không nơi sinh trưởng mà không có con người thì Vũ trụ không có phương tiện thể hiện tính chất vĩnh cửu của mình.

Nói cách khác, giữa Vũ trụ và Con người có một mối tương quan trong sự sinh tử mất còn không thể không có chỉ tại Con người đã nắm thụ tất cả nguồn sinh dưỡng của Vũ trụ ngay từ khi mới xuất hiện trên môi trường tấn hoá thích nghi của mình. Họ có thể ở địa cầu này hay địa cầu khác. hoặc tại một thế giới nào đó tùy theo căn cơ lãnh hội của mỗi người ngày khai nguyên, vốn không khác nhau trong phần thanh cao màu nhiệm của Trời Đất.

Thánh ngôn có dạy như sau :

CAO ĐÀI

.. Trời đã sanh ra loài người thì đã phú cho một cái tánh thiên lương để người nung đó mà trau dồi cho sáng rõ thêm lên, hầu tấn hoá lần lần cho đến bậc cao siêu thuần túy. Nào dè, người bị thâm nhiễm thói đời vật chất, cứ mãi dẫn thân vào vòng tục lụy mà Thiên tánh biến đổi đến phải dang xa nền đạo. Tánh ấy là gì ? Tánh là nguyên lý sở dĩ sanh ra nhân loại. Thế nên, cái bản nguyên về tinh thần của con người là Lý. Lý ấy rất linh diệu thiêng liêng của Trời đã phân ra mà ban cấp cho mọi người, nên Lý ấy cũng tức là Tánh vậy. Của Trời là Lý, về Người là Tánh. Lý Tánh như nhau, có thể thì Trời với Người mới có thể tiếp ứng liên lạc nhau rất là mật thiết. Bởi vậy, người hề muốn tính sự gì tuy chưa làm ra mà Trời đã biết

trước, Trời với Người cũng đồng một Lý một Khí mà ra mà không cảm ứng nhau sao được. Vậy người biết trau dồi Linh Tánh cho thiệt sáng suốt anh minh thì tự nhiên giao tiếp với Trời thiệt là chẳng khó...

(ĐTCG- CMTT xb 1950 trg 364-366)

CAO ĐÀI

..- Con người đã sẵn có cái Thiên Tánh đặc biệt của Trời ban phú cho từ lúc mới đi đầu thai, rồi xuống ở thế gian này lại cần phải mượn lấy xác phàm mà kinh nghiệm mọi lẽ của cõi trần để cho lần lần trở nên uyên bác, hầu tấn hoá mãi trên con đường đạo đức vậy. Vẫn biết thế gian là bể khổ sông mê, nhưng chính thế gian là một chốn học đường của muôn loài vạn vật. Nhờ học đường ấy mà muôn loài vạn vật mới mở mang trí não, sáng suốt tinh thần để tấn hoá trên nấc thang cao thượng. Làm người là cần phải học hỏi. Có học hỏi mới thông đạt minh mẫn, mới biết lẽ dữ điều lành, mới tường đường quấy lẽ phải, mà tránh cho khỏi tội tình. Chớ nếu không học hỏi thì điểm Linh Quang phải trở nên mê muội mà người cam dốt nát ngu hèn. Bao nhiêu những món bày trò trước mắt là bấy nhiêu bài học hay ho, hữu ích cho người, bất luận tốt hay xấu, bất cứ dữ hay lành, chi chi cũng có thể làm bài học được. Sự nào tốt đẹp cao siêu thuần khiết thì nên lấy đó mà làm mẫu mực để luyện trau hằng ung đức tinh thần. Việc nào xấu xa hèn mạt bạo tàn thì nên lánh xa...Cái bước đường lầm lạc đã trải ngày nay tức là cái bài học phòng ngừa khỏi vấp ngày mai. Trên đời nào có cái chi là vô ích bao giờ. Ích hay vô ích là từ nơi mình biết dùng hay không dùng đó mà thôi...

(ĐTCG - CMTT xb 1950 trg 374)

CAO ĐÀI

- Sự chơn thật và giả dối, mất phàm các con đâu có thể phân biệt đặng. Môi trường tuyển chọn Thần Thánh Tiên Phật vì vậy mà phải lập nơi thế gian này. Nếu buổi sinh tiền, dầu cho một kẻ phạm tục tội lỗi biết đặng cơ màu của đấng Chí Tôn là Trời đã sắp đặt thì cũng chẳng dám gây ra tội lỗi mà thôi, lại có thể đắc đạo mà gấm ghé phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật đặng nữa, còn các đấng ấy một khi phải bị đọa trần mà biết mình hằng giữ thì cơ màu thử thách Thần Thánh Tiên Phật chẳng có nghĩa lý gì hết. Vì vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng đây là trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực lạc thì phải đi tự cửa này mà thôi. Thầy lại khuyên nhủ các con rằng

Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc đạo, phải đóa lại bá thiên vạn ức nhưn sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải chưa thoát khỏi luân hồi để lòng từ bi mà độ rồi...

(TNHT- TN xb 1696 trg 34)

CAO ĐÀI

- Đường đời khúc mắc chông gai là lẽ Thiên cơ đã định vậy, là cái nơi để chư Thần Thánh Tiên Phật đến kiến công lập vị. Người đời chẳng khác con buôn trong buổi chợ, cả sức lực, cả trí não tinh thần đều bị tiêu tán nơi ấy, vì vậy mới hoại chơn linh, thất ngôi diệt vị. Bởi vậy cho nên Thần Thánh Tiên Phật cam lòng thủ phận, chẳng dám vọng cầu, đem thân vào cảnh đọa, nhưng mà hằng tái kiếp thì như nhu sĩ trốn thi, thế nào giữ vững địa vị cao thượng. Cuộc đời khó khăn tỉ như bài thi, nếu dễ thì ai thi cũng đặng, cuộc thi có ý vị gì đâu. Hễ bài càng khó thì đậu cao thêm giá trị. Thầy tưởng như nơi thế gian này có đứa con nào Thầy cưng trọng hơn hết thì là các con. Nhưng mà chẳng lẽ Thầy làm giám khảo lại cấp nấp bài thi lên cho mỗi đứa thì cái đậu của các con có ra chi ! Lại nữa, Thầy biết trước rằng không cần giúp các con cũng dư sức đậu đặng thì dường ấy nếu Thầy giúp tức hại thể diện các con, chớ không giờ phút nào Thầy xa các con. Các con chịu khổ hạnh là Thầy muốn vậy.

Nhà nghèo hạnh tốt, ấy là gương treo dạy đời, các con khá bền lòng son sắt. Cái hạnh tốt là thang vạch ngút mây xanh. Tâm thành là để trau tánh tục. Lòng đạo đức quý hơn miếng đỉnh chung. Tố bần hàn tùy mình mà hành đạo thì công quả ấy trôi hơn hàng thượng lưu đó các con !

(TNHT quyển 2 TN xb 1969- trg 49-50)

Theo những lời Thánh ngôn trên đây, người Cao Đài nhận thấy rõ ràng một quan niệm khác biệt về phương châm cứu độ của đức Cao Đài hiện nay đối với các tôn giáo đã có trước.

Đức Cao Đài từ giáng thế năm 1926 đã xưng là THẦY vừa là CHA của Càn Khôn Vũ trụ mà Con người là hình ảnh của Ngài trên quan điểm Ngài là Nguyên nhân đầu tiên của Tâm và Vật tràn đầy vũ trụ mà con người là hậu quả của sự phối hợp giữa hai thành phần Tâm Vật ấy sau khi đã phân tán ra cùng vũ trụ.

Cho nên, giữa Con người và Thượng Đế luôn có sự tương quan mật thiết với nhau như Cha với con trong một nhà hoặc như Thầy với trò trong lớp học. Chính hai phương diện này đã nêu lên hai tính chất khác nhau trong mối tương quan giữa Người với Thượng Đế.

CHA chỉ sự sinh dưỡng. Đức Cao Đài xưng là Cha có nghĩa Ngài bảo trì sự sinh dưỡng cả Càn khôn thế giới. Tất cả mọi hiện tượng sống còn trong Vũ trụ đều do Ngài mà ra, cũng do Ngài mà tiếp diễn không ngừng. Những hiện tượng đã đến sau thời kỳ hỗn mang khai Thiên lập địa đều do sự sắp đặt của Ngài mà ra, không thể tự nhiên mà có - vì như thế sẽ không tồn tại vì không theo một trật tự nào - và không theo luật định của Ngài. Cho nên, nói đến Vũ trụ mà không biết định luật tự nhiên cũng gọi là Thiên lý hay Thiên điều thì chỉ là một luận cứ phạm tặc cao ngạo mà thôi. Vì thế, trên thế gian này, không một phạm vi cá nhân với thân phạm xác tặc nào có thể được tôn xưng sùng bái như đấng Thượng Đế tối cao được khi Ngài đã hạ mình như vị Cha trong gia đình cũng để cho nhân loại nhận biết trong tầm sinh hoạt thế thường mà thôi.

THẦY chỉ sự giáo hoá. Đây là một quan niệm khá phổ cập trong cuộc sống chung của vạn vật. Cái sống tự nhiên nơi loài thảo mộc cầm thú từ bao giờ cho đến bao giờ đã có do trường học nào nhân tạo đâu, nếu chẳng phải là những mảnh khoẻ cho con người lợi dụng trong loại gia súc mà thôi. Như thế, loài người cũng chung công lệ đó mà một trẻ sơ sinh đã biết tìm vú mẹ cho đến khi lớn lên cũng tuân tự theo luật thiên nhiên tấn hoá mà thành trước khi bước vào ngưỡng cửa nhà trường. Nhưng đấy chỉ là nhu cầu cho cái sống thế gian vật chất mà lẽ sống còn trong lòng Vũ trụ buộc con người phải tìm hiểu về tâm linh để theo dòng tấn hoá mà trở về căn nguyên thuần khiết của mình trong nguyên lý trường tồn vô nhiễm của Vũ trụ từ buổi khai nguyên, Đây mới thật là cửa ngõ dẫn con người đi vào lòng Vũ trụ mà nếu không tiếp nhận được nguồn giáo hoá của Thượng Đế thì không biết đâu mà làm cho xong sứ mạng của con người, nhưng đó cũng là định lệ công bình tùy căn cơ của chúng sanh mà có thôi.

Chính trên hai quan điểm bảo trì sự sinh dưỡng và giáo hoá trên đây mà đức Cao Đài đã hình hiện biểu tượng THIÊN NHÃN với ý nghĩa **điều động và giám sát Vũ trụ** dưới quyền năng vô lượng của Ngài mà từ nghìn xưa đến nay các tôn giáo đều đã có khai triển sự kiện đó trong tầm tín ngưỡng

của họ đã đề ra, ngoại trừ một số giáo phẩm bị hạn hẹp mức độ tư duy mà cố tình chối bỏ đi thì không cần nói làm gì.

Một điều cho thấy rõ là Cao Đài giáo đã phủ nhận quan niệm xưa đã gán cho con người những tội hại như tội tổ tông (Cơ Đốc giáo) hay màn vô minh (Phật giáo) khiến cho nguồn cội vô nhiễm thời khai nguyên như bị phủ mờ một lớp hắc ám mà con người đã bị hàm oan từ bấy lâu nay nhưng biết kêu cứu vào đâu khi Tôn giáo là cơ cứu độ lại sa vào sự lạc lõm không phải do các giáo chủ mà do những môn đồ về sau bày biện ra.

Cho nên, ngày nay, người tín hữu Cao Đài không hề nghe theo một cá nhân phạm tục nào mà chỉ biết tin theo lời Thánh ngôn buổi ban sơ để tìm cho ra Chánh pháp được truyền dạy một cách hồn nhiên vô tư và mới mẻ, không có trong bất cứ kinh điển tôn giáo nào trước cả

Người tín đồ Cao Đài phải tự hỏi đời là gì ? Con người sống có nghĩa gì ? Tại sao Con người phải tu trong khi họ là hình ảnh của Thượng Đế vốn vô nhiễm tự buổi khai nguyên ?

Những câu hỏi trên đây có thể được giải đáp như sau :

1- *Đời là một trường thi mà đề tài là sự cảm thông giữa Người với Tạo Hoá.* Nói một cách khác, thế gian là một trong những môi trường diễn biến chu trình tấn hoá của Vũ trụ dưới sự điều động và giám sát của Thượng Đế. Chính các Giáo chủ trước như Thích Ca, Jésum, Lão tử, Khổng tử là những con người hay nói cách khác là những thí sinh đã đạt được mức độ cảm thông tối đa - cũng như các thí sinh đã đỗ thủ khoa trong các kỳ khảo hạch thế gian - theo những đề tài mà Thượng Đế đã nêu ra cho nhân loại tại địa phương lãnh thổ vào giai đoạn bấy giờ.

Như thế cũng có nghĩa đối với Phật, đề tài được nêu ra là sinh lão bệnh tử mà bài thuốc chữa trị là tứ diệu đế, đối với Chúa, đề tài được nêu ra là tội tổ tông mà bài thuốc chữa trị là đức tin để được cứu chuộc... trong khi đối với Tiên gia, đời chỉ là cõi tạm phải tìm nơi thanh tịnh ẩn tu và đối với Khổng giáo (Nhon đạo) đời là một nơi loạn lạc do con người không lo sửa mình mà bài thuốc chữa trị là tu thân, tề gia, trị quốc để đi đến bình trị thiên hạ.

Dù phải chịu tấn hoá theo một đề tài nào đó thì bài thuốc chữa trị loài người cũng chu tuần chung quanh sự tìm đạt đến mức cảm thông giữa Người với Tạo Hoá và khi đạt đến mức cảm thông rồi thì Người và Vũ trụ không còn xa lạ cách biệt nữa mà tự nhiên mọi bí nhiệm của Vũ trụ sẽ mở toang ra trước tầm quan sát của loài người và một ân huệ do đấng Tạo Hoá ban cho chẳng khác gì người thí sinh đỗ đạt được ban thưởng đặc biệt vậy.

2- *Con Người sống trong Vũ trụ có tính cách như một thí sinh nơi trường thi.* Tất cả mọi sự vật diễn ra trước mắt họ là những đề tài để họ chiêm nghiệm học hỏi mà suy tư chọn lọc những điều hay lẽ phải để tự giác mà tiến bộ theo chu trình hoạt động của mình trong môi trường tấn hoá liên hệ. Con người phải ý thức rằng con đường tấn hoá của mình chỉ do công phu tu học của mình mà thôi. Thượng Đế vô tư không can dự vào cuộc sống của con người mà Ngài đã ban cho sự tự do và ý thức phân biệt lẽ phải trái công tội của loài người.

Lẽ cố nhiên, con người là một kết cấu từ hai phạm Tâm Vật đồng đều của Vũ trụ nên con người luôn bị chi phối bởi hai yếu tố ấy mà ra. Vật chất thì nhứt thời hư hoại và mang tính chấy ấy bất hoặc dưới hình thức nào và ở môi trường hoạt động nào. Tâm linh thì trường cửu tốt đẹp và thể hiện tính chất này bất cứ ở đâu. Con người sống tại thế gian tức là lúc họ chịu đựng những bài học mà đối với giai đoạn tấn hoá này của họ là vật chất nhứt thời hư hoại mà cảnh thế gian đang bày biện đủ thứ đủ loại. Tất cả những danh tử như luân lý, đạo đức, tốt xấu đều nằm trong những mô thức thể hiện tính quyển rử nhứt thời đều do con người tạo ra, áp dụng trong một giai đoạn, cho một tư phương nào đó, đều không có nghĩa trường cửu của nó để khó mà được xem như một Chân lý bất biến được. Cũng do đó, sự làm ra hay chế giãm những gì gọi là tội lỗi ở thế gian này cũng do con người chớ không phải do Thượng Đế nên sự cầu khẩn nếu không phát xuất từ một nhân thân tu học cải thiện thì cũng không thể được đáp ứng nơi Thần Linh, nếu chẳng phải đó là do tà kế mà ra.

3- *Con người buổi khai nguyên vô tội.* Dù đã do hai yếu tố Tâm Vật của Vũ trụ mà thành. Nói thế có nghĩa là con người ở trạng thái vô nhiễm mà ra. Nhưng khi đã

hình hiện thành Người thì lại bị ngũ quan chi phối mọi hoạt động nên dễ thường con người theo thời gian càng bị vật dục hữu hình lôi cuốn vào tính nhút thối hư hoại là đặc tính của tội lỗi do người mà sinh ra. Do đó, càng bị phần vật dục tội lỗi, con người càng trở nên mờ mịt về cuộc sống của mình tại thế gian. không biết mình từ đâu mà có, sống để làm gì và chết sẽ về đâu như hiện tình nhân thế.

Nhưng, không phải tất cả nhân loại ngày nay đều bị quan cho kiếp sống vật vờ xa hoa thù hận của mình như một vài cá nhân tự nhận là triết gia Tây phương tỏ vẻ chán chường cuộc sống hoặc như các tín đồ tôn giáo cứ lạy Chúa lạy Phật mở lượng từ bi gia ân cứu độ mà không thấy rằng mình đã bị vùi lấp trong bờ vực tội lỗi kia mà tự mình không tìm phương tự cứu lấy mình mà chỉ có việc van vái đâu đâu cũng như trách móc mọi người thì chỉ là một tai họa cho loài người mà thôi. Nói thế có nghĩa là mỗi con người sinh ra đều có phần tâm linh vô nhiễm buổi đầu chỉ vì mình tự làm cho mờ ám đi lại cứ trách móc hay van vái này nọ, mà không chịu tự mình làm sáng lại phần tâm linh của mình thì tự nhiên cá nhân mình sẽ tốt đẹp mà thế gian cũng hưởng lấy thanh bình. Cho nên, cái nghĩa tu tề trị bình của đức Khổng ngày xưa là một khoa linh dược chữa trị căn bệnh trầm kha của thế gian vậy.

Cũng trên nguyên lý tự giác giác tha độ mà phần Vô Vi nội giáo tâm truyền của Cao Đài giáo đã dẫn dắt những nguyên nhân tự tìm phương tu học nhằm tu luyện thân tâm trở lại tính chất vô nhiễm ban đầu mà trở lại ngôi vị xưa cũ của mình do đức Ngô minh Chiêu truyền lại mà số thành đạo đến nay có đến hàng trăm chứng quả Tiên Vị với ấn chứng thành đạo rõ rệt. Đây là môn bí pháp luyện đạo tâm truyền khẩu thọ mà không có trên bất cứ sách kinh nào dù trước hay hiện nay. Đó là những thành quả đắc đạo mà người Cao Đài gọi là DUNG HỢP TÂM LINH CON NGƯỜI VỚI TÂM LINH VŨ TRU, một bí pháp vào buổi Hạ nguơn này mà Thánh ngôn đã có đề cập tới (1)

Về phương diện công truyền, Cao Đài giáo cho biết Con người sinh ra có một sứ mạng do Thượng Đế ban cho. Đó là sự cảm thông giữa Người với Vũ trụ trong công cuộc sống còn trường cửu từ xưa nay.

(1) xin xem Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPĐ-phần Vô Vi cùng tác giả

Do đó mà khi nói đến phương châm cứu độ của Thượng Đế vào thời Hạ nguơn này không thể chỉ nói đến một số ít nguyên căn tu Vô Vi hay một nhóm tín đồ tôn giáo nào mà phải đề cập đến một đại cuộc nhân loại đang lặn hụp trong ảo tưởng văn minh mà sa đọa của quả địa cầu này bởi còn phân biệt lương hay giáo, đạo hay đời giữa cảnh nước sôi lửa bỏng này mà chánh tà lẫn lộn trong mọi sinh hoạt của chợ đời như hiện nay tức là không thể nói đến cơ cứu độ thích nghi toàn diện nhân loại.

Như vậy, một phương châm cứu độ thích hợp ngày nay phải thoát ra ngoài các thành kiến lập dị mơ hồ của tôn giáo cũng như những qui ước nhân tạo mang tính chính trị giả dối nhứt thời mà phải là một công trình đi sâu vào tâm thức của con người trong mọi phạm vi hoạt động của loài người còn lại những thành tích cứu độ không phụ thuộc vào một tư tưởng địa phương nào mà phải vô tư cho toàn khối nhân loại.

Nhưng dù trong phạm vi nào, ở lĩnh vực nào thì đối tượng của phương châm cứu độ trên mọi môi trường tấn hoá vẫn là mẫu loài người hiện sinh trên thế gian mà cảnh năm châu chung chợ, bốn bể chung nhà này đang diễn ra những nổi u trầm thống khổ bên cạnh những sang giàu ngất ngưỡng mà không ai không nhận biết trong đau lòng xót dạ bởi thế mất quân bình tâm vật trong xã hội loài người đang xảy ra.

Ba phương diện xây dựng nguồn cứu độ mới đó là ba nguyên lý chủ trì phương châm cứu độ cuộc sống của loài người về mọi mặt, Đó là Nhân sanh, nhân đức và nhân trí vậy. (1)

Ta hãy lần lượt tìm hiểu từng nguyên lý một.

NHÂN SANH

Nhân Sanh là phương châm cứu độ phần Vật thể hay nói tổng quát là phần ĐỐI chủ trì việc cải tiến phương diện sinh dưỡng nơi một nhân thân cũng như nơi tập thể xã hội do Thượng Đế ban cho tự bao giờ. Nhân loại phải ý thức rằng cuộc sống trên mặt đất này là một giai đoạn tấn hoá không

(1) Chữ Nhân ở đây có nghĩa là một đơn vị bản thể Vũ trụ gồm Tâm và Vật thích nghi với môi trường tấn hoá liên hệ, như ở địa cầu này là con người.

thể không có do nhu cầu sinh tồn của Vũ trụ trong đó họ phải góp phần xây dựng sự trường cửu và tốt đẹp.

Nói cách khác, cuộc sống nhân loại từ bao giờ cũng là đầ tài chung cho mọi phương châm cứu độ của các tôn giáo từ xưa nay nhưng mỗi tôn giáo một cách khác mà tựu trung hàng giáo phẩm với các đẳng cấp tự tôn xem hàng tín đồ như những hạ cấp cần sự cứu đỡ của họ. Đó là một căn bệnh mà từ bao lâu đã bị gọi tôn giáo là thuốc độc cám dỗ con người không phải là không có bằng cứ vì xem ra cuộc sống của họ cũng đã do hàng tín đồ đóng góp nên món nợ này họ không chối cãi được thì tính cách cứu độ kia đã mất đi cái nghĩa chính của nó. Cho nên, cuộc sống của xã hội loài người phải được tìm hiểu một cách trung thực hơn. Lẽ cố nhiên, các hàng giáo phẩm không thể tự xem mình như những con người chính trị. Họ phải thấy rằng mọi nhu cầu của nhân loại, dù đã được tiếp thu từ một cá nhân hay tập thể, phải được điều hoà hợp lý và công bình cho mọi người không phải cho một triều nghi đế quốc mà xã hội tư bản hay cộng sản đã bày ra, trong đó hàng giáo phẩm tôn giáo đã chia phần như hiện nay. Nói cách khác, Nhân sanh là phương châm cứu độ về mặt thể xác của con người khiến họ nhận biết chính thể xác họ là môi trường thiết yếu cho cuộc tấn hoá của tâm linh, nếu không có thể xác thì tâm linh cũng khó bề trở lại trạng thái khai nguyên. Do đó, những tài nguyên về kinh tế, khoa học cũng như chính trị là những đặc ân mà Thượng Đế đã ban cho nhân loại cần phải được xử dụng thiết thực và đồng đều cho mọi người không để cho một nhóm người thao túng để thủ lợi như xã hội ngày nay. Thực tế thì cuộc đời là môi trường tấn hoá cho nhân loại nên tạo dựng một xã hội nhân bản đại đồng theo khuôn mẫu thiên nhiên tư tại vô biệt cũng là mục đích của tôn giáo trong vai trò thực hiện những bẩm thụ của Trời đã ban cho tự bao giờ mà nhân loại ngày nay còn thụ hưởng vậy.

NHÂN ĐỨC

Nhân Đức là phương châm cứu độ phạm tâm linh hay nói tổng quát là phần thuộc về ĐẠO . Lẽ cố nhiên, chữ ĐẠO ở đây không nằm trong nghĩa của tôn giáo khi tôn giáo chỉ là hình ảnh phô bày cái đạo mà vì phạm tâm đã bị lệch lạc theo nhân ý mà thôi. Nói cách khác, Nhân đức chủ trì phần giáo hoá do Thượng Đế đã ban cho nhân loại từ nghìn xưa nhưng cho đến nay cơ hồ như mất đi đặc tính ban đầu của nó. Lẽ cố nhiên, xã hội loài người ngày nay đã bị lôi

cuốn trong những hào nhoáng của văn minh vật dục tội lỗi nên nói đến phương cứu chữa độ hiện thời không thể dùng kinh điển lỗi thời từ nghìn năm trước mà áp dụng được. Đã ai không thấy các trò đấu tranh tôn giáo diễn ra từ bao nhiêu lâu trên mọi quốc gia từ Tây sang Đông không đâu là không có những giọt nước mắt đến mồ hôi và máu mủ của tín đồ đã bày ra đó đây mà không tự hỏi rằng các đấng giáo chủ ấy có còn không? Sự cứu độ trong nội bộ đã không thành thì làm sao mà cứu chung nhân loại khi ra rả đêm ngày nơi các nhà thờ cũng như chùa chiền, hàng giáo phẩm không ngớt cầu khẩn sự tế độ của các giáo chủ đang im lặng trên ngai với vẻ vô tư trầm ngâm muôn thuở?

Nhưng chính sự sa đọa của thế giới loài người hiện nay không phương cứu chữa là do sự sa sút phần tâm linh của con người mà ra không phân biệt lương hay giáo. Cho nên, về phương diện này, Cao Đài giáo kêu gọi sự 'qui nguyên' các tôn giáo cũng có nghĩa là làm cho các hàng giáo phẩm ý thức rằng tôn giáo là hình thức đem con người vào lẽ Đạo, một Thiên lý tự nhiên thể hiện từ một Tình thương bao la để đem mọi người vào cuộc sống hồn nhiên tốt đẹp chớ không phải là những giáo điều khác biệt chỉ có lợi thế cho một loại giáo phẩm tự xem mình là Thánh Phật cao ngạo dù thế nhân đang chiếm thế thượng phong về vật chất mà sự giác ngộ tâm linh không cần có những màu mè hào nhoáng của lễ nghi phiền toái như hiện tình nhân loại đã có hiện nay. Các tôn giáo phải thấy mình muốn thực hiện sự cứu thế theo các giáo chủ đề ra không phải cho một nhóm tín đồ mình mà cho toàn nhân loại cõi thế gian này thì phải bắt chước các Ngài mở rộng nhân quang mà thấy cuộc sống trong khung cảnh năm châu chung chợ bốn bể chung nhà này đã ra sao. Họ phải biết rằng các giáo chủ đã lo việc cứu thế tức là cứu chung nhân loại nên vị nào cũng hy sinh trọn đời mình đang tìm phương cứu độ chúng sanh nên mọi tranh luận hơn thua cao thấp như hiện tình các giáo phẩm bày ra chỉ tổ cho thiên hạ chê cười mà thôi. Vì thế, người tôn giáo phải tập sống theo gương các giáo chủ trong một Chân lý hồn nhiên 'chân thiện mỹ' buổi khai nguyên thì công cuộc cứu thế mới mong được thể hiện một cách đại đồng vô biệt vốn là cái lẽ sống còn của một nhân loại không còn mọi kỳ thị bất bình đẳng như hiện nay. Điều này là then chốt của cơ mầu cứu thế kỳ ba mà Cao Đài giáo hình hiện trong phần Vô Vi (1)

(1) xin xem sách Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPD-phần Vô Vi cùng tác giả

NHÂN TRÍ

Nhân Trí là phần chủ trì sự cứu độ cho một nhân thân là động cơ cho cuộc sống nhân bản trong đó có cả Tâm lẫn vật mà hai phương châm trên đã đề cập đến. Lẽ cố nhiên, làm cho một nhân thân giác ngộ không thể chỉ theo các phương châm trên cho toàn khối nhân loại được. Đó là một điểm đặc thù mà các tôn giáo xưa không hề đặt ra chỉ tại quan điểm cứu thế của các giáo chủ chỉ ứng dụng cho phần tâm linh mà thôi. Trong Cao Đài giáo, những nguyên căn đã đến độ tự giác thì đã có phần Vô Vi dẫn dắt khi họ tự tìm phương giác ngộ thì mọi thuyết giảng tuyên truyền không thành vấn đề, nhưng đa số quần chúng thì lại phải có sự dẫn dắt như các tôn giáo xưa đã làm nên đức Cao Đài đã dạy trong phần Phổ Độ những chi tiết cứu độ thích nghi với trình độ tấn hoá nhân loại hiện nay trong tinh thần bình đẳng vô biệt mà không tôn giáo nào trước đã có cái tông chỉ đại đồng đó.

Bởi thế, Nhân trí là phương châm cứu độ dung hoà hai quan điểm tâm vật vốn là đề tài tranh cãi của một số người duy tâm hay duy vật từ xưa nay để cho nhân loại nhận diện được cái lẽ sống đương nhiên ở thế gian này có thể hiểu theo chiều sâu đi vào Vũ trụ Tâm linh hoặc cũng không phủ nhận khi đi vào chiều rộng của Vũ trụ vật chất. Và chính trên quan điểm này mà Nhân trí lãnh vai trò hệ trọng trong công cuộc tấn hoá chung ở khắp nơi trong Vũ trụ. Lẽ tự nhiên công cuộc tấn hoá không đồng đều như chương trước đã nói với hàng nguyên nhân và hoá nhân mà linh hồn người tấn hoá từ thú cầm mà lên thì không thể áp dụng phương châm cứu độ như nhau trong toàn khối nhân loại được. Chính vì muốn độ tận chúng sanh trong kỳ hạ nguơn này mà phương châm nhân trí phải đề ra một cách thích nghi cho từng đối tượng tu học mà không thể đồng nhất như phương châm nhân đức cũng không thể đơn thuần như phương châm nhân sanh để sự tấn hoá của một nhân thân được điều hoà theo đà tiến hoá chung của vạn vật. Lẽ cố nhiên, nhân loại ngày nay cần sự cứu độ toàn diện, mà muốn được thế thì các tôn giáo phải tự giác mà từ bỏ thái độ chủ quan của mình cũng như các tổ chức khoa học, chính trị phải cõ bỏ hết mọi thế thượng phong độc tài mà hoà mình trong tinh thần dân chủ bình đẳng không còn những thủ đoạn sắt máu thì mới mong xây dựng cảnh thái bình an lạc chung được. (1)

(1) xin xem sách Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPĐ- phần Phổ Độ cùng tác giả.

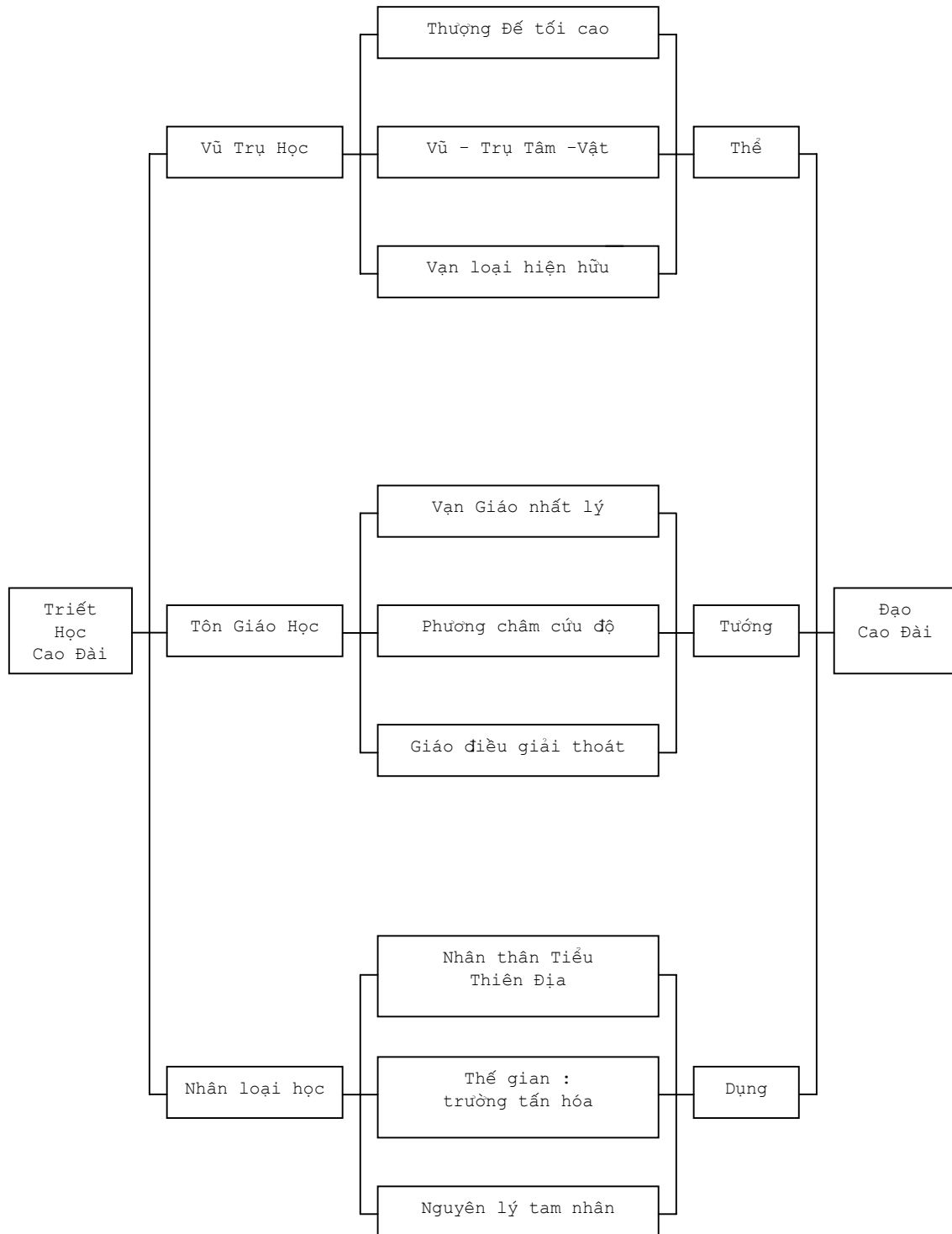
Nói cách khác, Nhân trí nhắm vào việc cải tạo tư tưởng con người vốn là phần dung hợp hai thể Tâm Vật đồng đều nơi một nhân thân chủ trì sự tấn hoá của họ trong chu trình đi vào Vũ trụ một cách tổng quát nên đây là một phương châm tối cần cho sự tu học nơi tín đồ nói chung không phân biệt tôn giáo nào khi mức tín ngưỡng của họ cũng đã do trình tư suy tư của họ mà ra, nếu không phải từ một động cơ nhân tạo nào thúc đẩy như thực trạng tranh cãi hơn thua hiện nay đã chỉ làm cho tôn giáo họ mất đi phần hiệu năng cứu độ mà thôi.(1)

Tóm lại thì với tính dung hoà tổng hợp, Cao Đài giáo đã nêu ra một phương châm cứu độ không phải hạn hẹp trong phạm vi của một địa phương lãnh thổ hay một tôn giáo nào mà cho cả một đại cuộc tấn hoá vũ trụ với đấng Tạo Hoá hay Thượng Đế vừa là CHA vừa là THẦY của vạn loại trong đó có nhân loại khắp 72 quả địa cầu .

Trên quan điểm này, một khoa Vũ trụ học phải được loài người tìm hiểu để biết được nguyên căn xuất phát của mình trong công cuộc tấn hoá chung vũ trụ một cách chính xác hơn mà tất cả mọi người không còn bị sa lầy trong ý thức hệ phiến diện từ xưa nay. Điều không chối cãi là hơn loại hiện nay đang nuôi một khát vọng là tự cứu lấy mình qua khỏi cơn tự diệt mà trở văn minh vật chất đã bày ra trong tham vọng điên rồ của các thế lực do vật dục tội lỗi gây nên dù đã có nơi các nước giàu mạnh hay nghèo hèn cũng bị lôi cuốn trong cơn lốc cuồng loạn mà ra...Và cái ngày tận thế hẳn không xa khi phần nhân tính đã mất đi trong xã hội loài người đầy man trá này vậy.

(1) xin xem sách Lý Thuyết Tổng Hợp cùng tác giả

BẢNG KHÁI QUÁT VỀ NỀN TRIẾT HỌC CAO ĐÀI
(nhìn toàn diện)



VI- SỰ THỂ HIỆN

Với một phương châm cứu độ bao quát như trên, Cao Đài giáo ban hành hai yếu tố xây dựng tổ hợp từ những căn bản giác ngộ về Tâm linh cũng như Đạo giáo mới, truy nguyên căn bản giáo pháp từ nghìn xưa nhưng cũng không ra ngoài Thiên lý cố hữu trong công trình sáng tạo của đấng Tạo Hoá muôn đời với khuôn mẫu xây dựng Đạo pháp vĩnh cửu là mạch sống cho nhân loại.

Hai phần cứu độ đó là :

1- Phần NÔI GIÁO TÂM TRUYỀN

còn được gọi là phần Vô Vi do chơn truyền của đức Cao Đài dạy trực tiếp qua cơ bút (đồng tử Lê Ngưng 8 tuổi) cho người môn đệ đầu tiên là đức Ngô minh Chiêu với ấn chứng thành đạo tại thế rõ rệt (ấn chứng mở Thiên Nhân) và đã được tam truyền lại cho chư đệ tử sau này trong những đàn Chiêu Minh Tam Thanh. Phần này bao gồm một khoa Vũ trụ học mới mẻ không ứng lộ một cách hời hợt mang tính hữu hình mà chỉ được khái thị trong tâm giới - đức Ngô cho biết những ứng hiện hữu hình chỉ là những giả tướng - giúp cho con người đi thẳng vào vũ trụ tâm linh, và hiểu rõ giai đoạn cùng mức độ tấn hoá của mình ở hiện kiếp với những quan niệm về xã hội và nhân sinh một cách tích cực xây dựng siêu thoát hơn. Nói thế có nghĩa là người tín hữu Cao Đài vừa tìm đường đi vào Vũ trụ Tâm linh ngay khi còn tại thế gian này, vừa điều hành mọi công việc ở đời, cách thế nào cho họ tự mình nuôi nấng mình, không còn phải vướng một chút nợ nần của thế gian - đây là điểm khác biệt đối với các tôn giáo với háng giáo phẩm được cung phụng vật chất mọi mặt tức là họ vẫn mang nợ thế gian, dù đó là do thiện nguyện của tín hữu - sau khi đã chấm dứt giai đoạn tấn hoá của mình. Chính phần này dẫn người tín hữu đạt đạo nhiệm màu về thẳng Bạch Ngọc Kinh là nơi đức Cao Đài ngự nhờ khoa bí pháp đã được tâm truyền, không phải là cách luyện đạo nào của bất cứ một tôn giáo nào đã có trước. Đặc biệt phần này không dùng kinh điển rườm rà, chỉ vốn vẹn một kinh Cẩm Ứng thường nhật tụng mà thôi

bởi quan niệm người " tu rồi cái thân như chết chửa chôn " không còn thiết tha với những danh lợi vật dục ở đời, nhưng không phải vì thế mà trốn tránh bổn phận mình trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Do đó, họ quan niệm rằng thế gian (địa cầu 68 này) là nơi cần cho họ tấn hoá theo chu trình đã định tự bao giờ. Gia đình, xã hội trong đó họ góp công để trả nợ sinh thành dưới sự giáo hoá thường xuyên của đức Cao Đài qua huyền diệu cơ bút chính là những bài học trực tiếp để đạt thành ngôi vị. Cho nên, trong phạm vi hoạt động này, họ thường nêu ra câu " vô ma khảo bất thành Đại Đạo " hoặc " Đạo cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng, Đạo cao nhứt trượng, ma cao đầu thượng " để tự răn dạy lấy mình. Không hề có quan niệm đời là khổ hay người phải chuộc tội tổ tông gì cả, tất cả những gì đã xảy đến cho họ là những bài học tôi luyện thân tâm mà trường đời chính là trường thi công quả của họ vậy. Họ luôn luôn đắm mình trong hai ý hướng : một đang lôi kéo họ tới vị trí vô hình trong Vũ trụ Tâm linh, một đang như trì họ lại trong khối nợ nần vật chất mà họ nhứt quyết phải thoát khỏi một ngày nào không xa. Tuy nhiên, bao giờ họ cũng thẳng ở mức cuối cùng nghĩa là khi nợ đời phải sạch, và trên môi nở một nụ cười đi về " ngôi xưa vị cũ " là lúc họ đã thành đạo, chấm dứt chu trình tấn hoá trong mục tiêu đã " dung hợp được Tâm linh Con người với Tâm linh Vũ trụ " vậy.

2- Phần NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN

còn gọi là phần Phổ Độ thì mở rộng chu trình cứu độ ra ngoài đại chúng bởi căn quả của mỗi người không thể còn được nguyên vẹn phần tâm linh vô nhiễm mà tự mình tìm phương tâm truyền giải thoát như trong phần Vô Vi được.

Cho nên, phần này có phận sự dẫn mọi người đi vào sự giác ngộ cá nhân để hiểu biết cuộc sống của mình có liên hệ như thế nào đối với cuộc sống chung vũ trụ. Phần này bao gồm một khoa Tôn giáo học và một khoa Nhơn loại học với mục đích cảnh tỉnh loài người trong nếp sinh hoạt cố hữu tự ngàn xưa vốn đã đóng góp phần nào trong sự sinh tồn Vũ trụ. Ngày nay, tính chất nhứt thời hư hoại của vật chất đã lấn át hầu hết mọi phạm vi hoạt động của con người dù đã được loài người ứng dụng nguyên lý Thiên nhiên mà tạo nên cảnh năm châu chung chợ bốn biển chung nhà này mà vai trò chủ nhân ông quá

đất đã là thành quả do Thượng Đế Hoá Công tạo nên, mà vì con người đã bỏ quên phần tâm linh của mình nên dễ thường phủ nhận cái giá trị " Tiểu Thiên Địa " của mình mà thôi. Do đó, phần Phổ Độ đem con người tìm về nguyên căn của mình tuần tự theo thành quả tấn hoá của họ đã có theo từng giai đoạn một - qua nhiều kỳ tấn hoá liên hệ - mà không một mạch đi thẳng về nguồn cội được. Mỗi kỳ như thế họ sẽ dừng lại một cõi nào đó nơi Vô hình trong thành quả đạt được ngôi vị ở 36 cõi Trời ... Phần Ngoại giáo công truyền này bao gồm các tôn giáo xưa khi đã ý thức căn nguyên " vạn giáo nhứt lý " của mình nên các thành quả tu học đạt đạo của các Giáo chủ trước cũng được truy nguyên lại để cho các tín hữu tuy màu sắc khác biệt mà tựu trung cũng từ một nguồn Đạo lý vốn là Thiên lý duy diễn mà ra có tính đại đồng vô biệt chứ không phải dị biệt kỳ thị bất bình đẳng như tình trạng các tín ngưỡng hiện nay. Nếu vẫn còn tranh luận hơn thua cao thấp thì vẫn chưa đạt được tinh thần Đạo lý vũ trụ mà cứ khư khư " chân lý của tôi, chân lý của anh " tức là chưa thấu triệt tinh thần VAN GIÁO NHẤT LÝ thì loài người vẫn phải chịu mờ ám trên con đường tìm phương tự cứu lấy mình. Cho nên, phần Ngoại giáo công truyền nhằm vào sự canh tân tôn giáo, hiện đại hoá mức tín ngưỡng cho phù hợp với nhân tâm thế đạo hiện nay cho thích nghi với thời đại văn minh vật chất phải theo tinh thần cải thiện mức sinh hoạt tâm linh cân xứng thì mới mong có ngày đại đồng hạnh phúc chung chân loại vậy.

3- HAI PHẦN VÔ VI VA` PHỔ ĐỘ PHU GIẢI NHAU TRONG CÔNG TRÌNH CỨU ĐỘ MA` KHÔNG DI BIỆT NHAU.

Mặc dù hai phần tu học trên đây có chu trình cứu độ nhân loại không in hệt , một bên thì vô vi bí nhiệm, khẩu thọ tâm truyền, một bên thì thuyết giảng suy luận, nhưng cả hai đều có một nguyện lực như nhau nơi hàng tín hữu cùng bình đẳng trong một tình huynh đệ tương thân trong đại gia đình không cấp bậc cao thấp nào cả mà đức Cao Đài là Cha vừa là Thầy chung.

Người mới học đạo Vô Vi phải thường đọc lời nguyện thứ nhứt là " Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ " trong khi người tín đồ cơ Phổ độ thì cũng luôn luôn đọc lời nguyện thứ hai " Phổ độ chúng sanh ". Cho nên, dù " tu rồi cái thân như chết chưa chôn " của phần Vô Vi thì cũng một nguyện lực như người tín đồ cơ Phổ độ,

nhưng một đấng thì thực hành cơ cứu độ sau khi mình thành đạo - phải chăng đó là gương tu học đã có từ đức Ngô minh Chiêu - một đấng thì thực hiện sự cứu độ đó cùng lúc đang tu học tự cứu lấy mình. Mục đích thì giống nhau nhưng có khác là giai đoạn thực hành.

Tuy nhiên ,nếu xét về hiệu quả thì phần Vô Vi có tính cách thực nghiệm sâu xa và chắc chắn khi phần Phổ độ thì có tính dẫn dắt theo lời Thánh ngôn chỉ dạy hơn là nơi người tín đồ. Tuy nhiên, hai bên vẫn đạt được cùng quả đạt đạo nhiệm màu như nhau, là ấn chứng mở mắt trái tinh anh như khi còn sống gọi là " mở Thiên nhãn " thì vẫn một, không khác nhau. (1)

Như vậy, Cao Đài giáo đã thể hiện một phương châm cứu độ có tính cách bao quát đại đồng, tùy theo mức độ tấn hoá của mỗi người, dù ở căn cơ nào hay hoàn cảnh xã hội nào, địa vị, tín ngưỡng nào, người đời cũng có thể tìm trong Cao Đài giáo một phương châm tu học để tự cứu mình và cứu chúng sanh. Cho nên, Cao Đài giáo đã ra đời vào thời kỳ Hạ nguồn mặt pháp này quả đã có một sứ mạng tận độ chúng sanh một cách rõ rệt, không thể không có vậy.

(1) xin xem bộ Lịch sử CAO ĐÀI ĐAI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ gồm hai quyển Vô Vi và Phổ Độ cùng tác giả, CAO HIỂN tái bản năm 2001 tại Úc đại lợi sẽ rõ hơn

PHẦN KẾT ĐỀ

Theo lịch trình diễn biến nhà đạo qua các thời kỳ cứu độ chúng sanh cũng như theo một Vũ trụ quan và một Nhân sinh quan rộng mở bao quát mà hiện thực linh động như thế, Cao Đài giáo đã rất xứng danh là một Tôn giáo mới mở rộng tầm cứu độ ra khắp cả Càn khôn Vũ trụ chớ không chỉ hạn hẹp cho một nhân loại trên quả địa cầu này.

Chính do lẽ đó mà ngay khi mới ra đời, Cao Đài giáo đã khơi dậy nhiều vấn đề phức tạp. Việc đầu tiên mà cũng then chốt nhất là vấn đề Thánh ngôn lãnh hội từ thế giới Vô hình qua phương tiện cơ bút. Đây là một đề tài được bàn quan chú ý nhất, phần lớn do những người có tư tưởng Tây phương từ thực dân Pháp đang nắm quyền bảo hộ đất nước này cho đến các thành phần cựu giáo bị các loại kinh điển cho là việc cầu hồn này đã được các giáo chủ cho biết là lối mê hoặc tà quái của thời mạt kiếp cũng là tận thế không có ý nghĩa gì. Đó là không kể những thế lực chính trị ý thức hệ loạn cuồng mà mức cuồng tin còn hơn loại ma quái hiện hình đã cho cơ bút trong Cao Đài giáo là loại mê tín phải bị cấm đoán dưới chế độ tam vô của họ. Đó là những thế lực mang tính phạm phu thời thượng dù đã có dưới hình thức nào không đáng kể khi mà chính cái linh hồn đang điều động thể xác của họ mà họ không biết rõ thì có nói những gì phụ thuộc vào đó họ làm sao thấu triệt cái phong trào tâm linh chỗi dậy từ 1850 tại Hoa Kỳ và đã đi vào quần chúng Âu châu rồi Á châu từ đó đến nay với những khám phá linh diệu và hiện hữu của thế giới vô hình mà nhà bác học nguyên tử Albert Einstein đã trực tiếp minh chứng tác dụng tâm linh nơi mình một cách rõ rệt mà những người chiêm tiến trên đây có biết hay không cũng không cần nói đến làm gì.

Dù sao, Cao Đài giáo đã xuất hiện một cách sôi động trong quần chúng Việt nam dưới thời Pháp thuộc cũng đã do những thành quả đi vào thế giới tâm linh vô hình đó. Từ chỗ mù tăm tối, người dân Việt nam đã ý thức được mình là ai, bổn phận mình phải làm gì và khi chết mình sẽ đi đâu. Sự hiểu biết này ban đầu do sự ứng hiện thân nhân quá cố của

họ về cho biết và sau đó là các đấng Thần Thánh Tiên Phật và ngôi cao nhất là đức Thượng Đế tá danh Cao Đài đã mở toang màn bí mật của Vũ trụ để cho nhân loại biết một phương pháp chiêm tự giác tha mà cũng là con đường đi vào siêu thoát mà các tôn giáo xưa như đã bị lấp ngõ cụt đường.

Vì thế, mà Cao Đài giáo là một hiện tượng rất khó hiểu mà các nhà nghiên cứu rất phân vân trong công cuộc tìm hiểu của mình. Trong khi đó thì các môn đệ đầu tiên không có thái độ rõ rệt trước dư luận không mấy tốt đẹp đối với sự tu học của mình. Hoặc họ không hề tỏ ra vì tự họ đã biết mà chỉ giữ trong tâm (như phần Vô Vi) hoặc có nói ra mà không tường tận (như bên Phổ độ) làm cho người ngoại đạo càng tỏ vẻ ngạc nhiên lạ lùng mà không khỏi nghi vấn, hoặc chê bai không đúng chỗ hoặc tán thưởng không nhằm thời.

Tuy nhiên, một vấn đề được đặt ra có tính quyết định hơn hết là Cao Đài giáo có khả năng khai ngộ Chân lý và đi vào Vũ trụ nhiệm mầu hay không? Hỏi tức là đã trả lời vì câu trả lời thích nghi nhất chỉ giành cho những người có dạ vô tư không bị nhiễm một thành kiến nào mà chỉ có tâm tìm tu học đạo, mà đối với những người này thì sự thật sờ sờ ra đó, chỉ cần một ý chí vững mạnh, một tâm lực dồi dào là tự nhiên đưa đến sự thoả mãn cho mình trong ý hướng tìm đạo tu học tự giác giác tha. Bởi những người đã có một thành kiến nào hoặc về chính trị trong mưu đồ khuynh loát nền đạo mới như đã do thực dân Pháp lồng vào thì cũng đã bị huyền diệu vô hình khiến họ lại trung thành bảo vệ mà không có sự chống đối như trong đạo sử đã ghi lại hoặc về tôn giáo mà tính chuyên bài xích bôi nhọ nền đạo mới thì cũng sẽ bị thiên hạ cười chê khi thành quả phá hoại của họ lộ liễu trước dư luận quần chúng (1)

Dù sao thì Chân lý vẫn là những gì rất cụ thể mà nó chỉ bộc lộ cho Con người nhận biết khi họ đã ý thức rằng những gì hiện hữu chung quanh họ đã trở nên hư ảo mà thực tại chỉ có khi họ tự đi vào tâm giới của họ mà thôi. Thật ra thì số người có tầm nhận định trên đây rất hiếm hoi ở cái thời buổi văn minh vật chất này, nhưng không phải không có. Ta cần phải chờ một thời gian, khi tắt trở vật

(1) xin xem bộ Lịch sử Cao Đài ĐĐTKPĐ gồm ba quyển của tác giả sẽ rõ hơn.

chất này mất đi phần tác dụng hào nhoáng và tội lỗi của nó trong mọi sinh hoạt con người để phục hồi nơi họ bản tính thiên lương cố hữu và truy hoàn lại nhân tính mà họ đã đánh mất đi nơi xã hội loài người không phân biệt lương giái hiện nay thì lúc đó là lúc con người mới biết được nguồn cội tâm linh của mình và một nền văn minh thật sự mới đến cho nhân loại thì lúc ấy Cao Đài giáo sẽ được khai thông cho mọi người tìm hiểu và tu học vậy.

Đến đây, ta có thể kết thúc sự tìm hiểu nền căn bản Trết học Cao Đài bằng một nhận định sau đây :

Người học Triết học Cao Đài muốn thông suốt vấn đề cần phải qua những giai đoạn tìm hiểu tuần tự như sau :

Trung hoa giáo trong đó có Lão giáo và Khổng giáo
Ai Cập giáo
Hy Lạp giáo
Do Thái giáo trong đó có Cơ đốc giáo và Hồi giáo
Ấn độ giáo trong đó có Phật giáo
Thần giáo Nhật bản

sau đó mới đi vào ngành Triết học Cao Đài.

Đây là bộ môn Tôn giáo học mà nội dung chính là sự lãnh hội nguồn chánh tín Đạo pháp trong cái nghĩa VẠN GIÁO NHỨT LÝ trong đó là đề tài chính.

Đồng thời, họ phải tìm hiểu các ngành khoa học hiện đại về vật lý, nhân văn và nhân chủng để thông đạt ngành Nhân loại học trước khi khếp mình trong sự nghiên ngẫm về Vũ trụ học là khoa chủ trì sự giao cảm giữa con người hiện sinh với thế giới vô hình trong một thực nghiệm tâm linh và sự thông công linh diệu mà đức Cao Đài đã chỉ dạy qua hiện tượng cơ bút .

Do đó, nền Đại học Cao Đài trong tương lai phải có một chương trình đầy đủ về các bộ môn trên mới gọi là một nền giáo dục toàn diện cho Con Người theo ý muốn của đức Cao Đài vừa là CHA vừa là THẦY chung của Vũ trụ trong mức độ văn minh của nhân loại được cải tiến tốt đẹp trong CHÂN THIỆN MỸ vốn là căn bản cho một nền ĐAI ĐỒNG THẾ GIỚI theo quan niệm TÂM VẬT BÌNH HANH TRUNG DUNG QUÁN NHỨT mà dù Đông hay Tây cũng cùng một nguyên lý xây dựng đó vậy.

Viết xong tại Sài Gòn, Thủ đô miền Nam ngày vía Khổng
Thánh Nhâm Tý (9/1972)

Tu chính tại Melbourne Australia mùa đông 2000 , tháng 8
Canh Thìn,

ĐỒNG TÂN

TÌM HIỂU

CĂN-BẢN TRIẾT-HỌC CAO-ĐÀI

ĐỒNG-TÂN

ACH

CAO-HIÊN XUẤT BẢN NĂM ĐẠI-ĐẠO 49 - 1974 - GIÁP-DẦN